

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NỘI VỤ**

**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

\*\*\*\*\*

**CÁN VIỆT ANH**

**HOÀN THIỆN NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI  
Ở HÀ NỘI HIỆN NAY**

*Chuyên ngành* : Quản lý hành chính công

*Mã số* : 62 34 82 01

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

**1. TS. Thang Văn Phúc**

**2. TS. Nguyễn Thanh Bình**

**HÀ NỘI - 2015**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng. Những kết quả khoa học của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào.*

**Tác giả luận án**

***Cần Việt Anh***

## MỤC LỤC

|  | Trang     |
|--|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU</b>  | 1         |
| <b>TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b>   | 7         |
| <b>1 Phân tích đánh giá những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án</b>   | <b>7</b>  |
| 1.1 Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước   | 7         |
| 1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi chính phủ nước ngoài                | 7         |
| 1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước với các cơ quan quản lý nhà nước | 9         |
| 1.1.3. Nhóm các công trình liên quan đến hoạt động cụ thể của tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước tại Việt Nam theo vùng và theo lĩnh vực hoạt động        | 12        |
| 1.2 Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài   | 20        |
| 1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu về vai trò quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ  | 20        |
| 1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài của một số nước trên thế giới                 | 21        |
| 1.3 Quá trình nghiên cứu của tác giả   | 24        |
| <b>2 Tổng quan những hạn chế so với đề tài nghiên cứu</b>  | <b>25</b> |
| <b>3 Những vấn đề đặt ra của luận án cần tập trung giải quyết</b>  | <b>25</b> |
| <b>Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI</b>  | <b>27</b> |
| <b>1.1 Cơ sở lý luận về tổ chức phi chính phủ nước ngoài</b>   | <b>27</b> |
| 1.1.1. Khái niệm và phân loại của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam  | 27        |
| 1.1.2. Những căn cứ lý luận khoa học về tổ chức phi chính phủ nước ngoài   | 29        |
| 1.1.3. Vai trò của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong đời sống chính trị, xã hội ở Việt Nam  | 35        |

|             |   |           |
|-------------|---|-----------|
| <b>1.2</b>  | <b>Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài</b>  | <b>49</b> |
| 1.2.1       | Khái niệm và đặc điểm về quản lý nhà nước   | 49        |
| 1.2.2       | Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam   | 53        |
| 1.2.3       | Nội dung quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam   | 55        |
|             | <b>Kết luận chương 1</b>  | <b>60</b> |
|             | <b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI</b>                                      | <b>61</b> |
| <b>2.1.</b> | <b>Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và công tác đối ngoại của thành phố Hà Nội những năm gần đây</b>                           | <b>61</b> |
| 2.1.1       | Tình hình kinh tế - xã hội của Hà Nội   | 61        |
| 2.1.2       | Công tác đối ngoại và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội   | 64        |
| <b>2.2</b>  | <b>Thực trạng quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam</b>  | <b>68</b> |
| 2.2.1       | Khái quát hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam   | 68        |
| 2.2.2       | Khái quát thực trạng quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam                                     | 71        |
| <b>2.3</b>  | <b>Thực trạng hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội</b>   | <b>89</b> |
| 2.3.1       | Hoạt động và tính chất hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội  | 90        |
| 2.3.2       | Đánh giá về số lượng và giá trị các dự án viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội (giai đoạn 2000 - 2014)            | 92        |
| 2.3.3       | Nhận xét chung về thực trạng hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội  | 93        |
| <b>2.4</b>  | <b>Thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội</b>                                   | <b>97</b> |
| 2.4.1       | Hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp quy về quản lý nhà nước của Thành phố đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội | 97        |
| 2.4.2       | Kiến toàn bộ máy quản lý và phân công, phân cấp công tác quản lý đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội              | 99        |

|             |   |            |
|-------------|---|------------|
| 2.4.3       | Tăng cường quản lý sự hiện diện của các tổ chức phi chính phủ đang hoạt động ở Hà Nội                             | 104        |
| <b>2.5</b>  | <b>Đánh giá chung về công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội</b>          | <b>112</b> |
| 2.5.1       | Những kết quả đạt được  | 112        |
| 2.5.2       | Những hạn chế, tồn tại  | 112        |
| 25.3        | Nguyên nhân của tồn tại   | 116        |
|             | <b>Kết luận chương 2</b>  | <b>117</b> |
|             | <b>Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI</b> | <b>118</b> |
| <b>3.1.</b> | <b>Quan điểm chỉ đạo về công tác phi chính phủ nước ngoài</b>   | <b>118</b> |
| 3.1.1       | Quán triệt các chủ trương của Trung ương và thành phố Hà Nội đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài         | 118        |
| 3.1.2.      | Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài                                 | 123        |
| 3.1.3       | Xây dựng chiến lược hoạt động đối ngoại thành phố Hà Nội trong những năm tới                                      | 125        |
| <b>3.2.</b> | <b>Phương hướng đối với quản lý hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại thành phố Hà Nội</b>           | <b>128</b> |
| 3.2.1       | Hoàn thiện quản lý hoạt động các tổ chức phi chính phủ ở Hà Nội   | 128        |
| 3.2.2       | Đổi mới phân cấp quản lý viện trợ phi chính phủ trong việc thẩm định, phê duyệt các chương trình, dự án           | 129        |
| <b>3.3</b>  | <b>Giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài</b>                    | <b>145</b> |
| 3.3.1       | Nhận thức về công tác quản lý   | 145        |
| 3.3.2       | Hoàn thiện hệ thống pháp luật   | 147        |
| 3.3.3       | Tổ chức bộ máy quản lý  | 149        |
| 3.3.4       | Đội ngũ cán bộ quản lý  | 151        |
| 3.3.5       | Nghiên cứu và thống kê  | 153        |
| 3.3.6       | Quy chế phối hợp  | 155        |
| 3.3.7       | Kiểm tra giám sát   | 160        |

|   |            |
|---|------------|
| <b>Kết luận chương 3</b>  | <b>162</b> |
| <b>KẾT LUẬN</b>   | <b>163</b> |
| <b>KHUYẾN NGHỊ</b>  | <b>165</b> |
| <b>NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN<br/>QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> | <b>168</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>  | <b>169</b> |

## DANH MỤC VIẾT TẮT

| STT | CHỮ VIẾT TẮT | VIẾT ĐẦY ĐỦ                      |
|-----|--------------|----------------------------------|
| 1   | CCHC         | Cải cách hành chính              |
| 2   | QLNN         | Quản lý nhà nước                 |
| 3   | TCPCP        | Tổ chức phi chính phủ            |
| 4   | TCPCPNN      | Tổ chức phi chính phủ nước ngoài |
| 5   | UBND         | Ủy ban nhân dân                  |
| 6   | XHCN         | Xã hội chủ nghĩa                 |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

| <b>Số hiệu<br/>bảng</b> | <b>Tên bảng</b>  | <b>Trang</b> |
|-------------------------|--|--------------|
| 1.1.                    | Số lượng các TCPCPNN và tổng giá trị viện trợ năm 2003 - 2013                            | 36           |
| 1.2.                    | Đầu tư giải quyết các vấn đề xã hội của các TCPCP năm 2009                               | 37           |
| 1.3.                    | Đầu tư của các TCPCP trên lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2009                             | 38           |
| 1.4.                    | Đầu tư của các TCPCP trên lĩnh vực y tế năm 2009   | 39           |
| 1.5.                    | Đầu tư của các TCPCP trên lĩnh vực tài nguyên - môi trường năm 2009                      | 41           |
| 1.6.                    | Phân loại viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo tính chất đối tác năm 2009              | 44           |
| 1.7.                    | Viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo khu vực địa lý năm 2009                           | 45           |
| 1.8.                    | Viện trợ của các TCPCPNN theo lĩnh vực năm 2009  | 46           |
| 2.1.                    | Đánh giá về giá trị dự án, tài trợ từ nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại Hà Nội | 92           |



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện chủ trương đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, kết hợp chặt chẽ công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, trong những năm qua quan hệ của Thủ đô Hà Nội với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (TCPCPNN) ngày càng được mở rộng. Mọi quan hệ này đã góp phần làm cho nhân dân thế giới hiểu biết sâu sắc hơn về đất nước con người Việt Nam nói chung, Thủ đô ngàn năm văn hiến nói riêng, thúc đẩy hợp tác với nhân dân thế giới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; đồng thời bằng những dự án thiết thực và hiệu quả khắc phục khó khăn, tăng cường xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ và người dân tại các vùng dự án.

Thực tiễn cho thấy, từ khi nước ta thực hiện đổi mới nền kinh tế đất nước từ một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) thì sự phát triển các hoạt động của các TCPCPNN ngày càng sôi nổi và khởi sắc cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Có thể nói các tổ chức phi chính phủ (TCPCP) đã trở thành nhân tố quan trọng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực cứu trợ nhân đạo và phát triển xã hội. Cùng với nhiều hình thức quan hệ hợp tác, đầu tư nước ngoài, hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài chủ yếu dưới dạng hỗ trợ, tài trợ trên nhiều lĩnh vực ngày càng tăng. Những hoạt động trong các lĩnh vực: xoá đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả chiến tranh, phòng chống thiên tai, khám chữa bệnh tăng cường cơ sở vật chất cho các Bệnh viện cho các trường học nhằm hỗ trợ công tác giáo dục, đào tạo, các dự án về môi trường, các chương trình nhân đạo giúp trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa của các TCPCPNN đã thiết thực tạo thêm công ăn việc làm, kinh nghiệm, phát triển kỹ thuật và chuyên giao công nghệ cho cộng đồng dân cư.

Các mặt tích cực chủ yếu của hoạt động của các TCPCPNN có thể thấy là: Đáp ứng nhanh và đúng với nhu cầu thiết thực của địa phương, cộng đồng, của các tổ chức đối tác; Phù hợp với quy hoạch, định hướng và ưu tiên trong

phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các ngành; Tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ thông qua thực tiễn. Sự phát triển của các hoạt động này đã góp phần mở rộng, thực hiện tốt nhiều vấn đề, nhiều lĩnh vực mà toàn thể xã hội cùng quan tâm, cũng như bên cạnh đó nó có tác dụng động viên nhân dân hăng hái tham gia, đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng chung của đất nước, khắc phục dần những bất bình đẳng trong xã hội do mặt trái của nền kinh tế thị trường gây nên.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị - hành chính, văn hoá, khoa học kỹ thuật và là một trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế; là nơi đặt trụ sở Đại sứ quán của tất cả các nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức và đầy đủ với nước ta, nơi Liên hiệp quốc, các tổ chức kinh tế, ngân hàng và công ty nước ngoài đặt trụ sở và văn phòng giao dịch, nơi các TCPCPNN đặt văn phòng đại diện văn phòng dự án. Từ đặc điểm vị trí của Hà Nội, hoạt động của các TCPCP tại Hà Nội có sức lan toả trên phạm vi cả nước. Mức độ tham gia của các tổ chức này vào công cuộc phát triển của Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng ngày càng trở nên sâu rộng, thể hiện không chỉ ở số lượng các TCPCPNN hoạt động tại Hà Nội ngày càng tăng, lĩnh vực và địa bàn hoạt động ngày càng rộng hay mức viện trợ ngày càng tăng mà còn ở quan hệ ngày càng chặt chẽ. Mối quan hệ không còn là quan hệ "bên cho - bên nhận" mà đã trở thành quan hệ đối tác, quan hệ hợp tác và phát triển.

Yêu cầu xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được thể hiện trong “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến năm 2020, tầm nhìn 2030”, đã xác định nhiệm vụ và giải pháp: “*Mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh*”, nhấn mạnh giải pháp: “*Huy động nguồn vốn viện trợ nước ngoài*” để phát triển kinh tế Thủ đô.

Luật Thủ đô 25/2012/QH13 đã có hiệu lực thi hành từ tháng 07- 2013, tại Điều 5. Trách nhiệm của thủ đô “*Chủ động, tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với thủ đô các nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để XD, phát triển thủ đô; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, nhân dân Thủ đô tham gia các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội - giáo dục, khoa học và công nghệ*”

Tính đến thời điểm này ở thành phố Hà Nội có 186 TCPCPNN hoạt động trong đó Văn phòng đại diện là 68, Văn phòng dự án là 52; Giấy phép hoạt động là 56. Hầu hết các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài là viện trợ 100% không phải hoàn trả, không có vốn đối ứng hoặc là vốn đối ứng rất nhỏ. Mỗi năm thành phố cũng tranh thủ được từ 3,5 đến 6 triệu USD gồm tiền và hàng viện trợ từ các tổ chức này.

Hoạt động của các TCPCPNN tại Hà Nội đã có những đóng góp tích cực, các tổ chức này đã đang và sẽ thiết thực giúp phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố nói riêng, Việt nam nói chung; song cũng là đối tượng đặc biệt nhạy cảm trong quan hệ đối ngoại bởi hoạt động của họ có liên quan nhiều đến chính trị, đối ngoại, an ninh, an sinh xã hội quốc gia. Do sự nhận thức và quan tâm có lúc có nơi còn chưa đúng mức, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý hoạt động của TCPCPNN còn có những bất cập, hạn chế hiệu quả mối quan hệ với các TCPCP nước ngoài. Một số TCPCPNN có quy mô nhỏ song hoạt động dàn trải ở nhiều địa phương, thời gian dự án kéo dài, tỷ lệ chi phí hành chính lớn, tỷ lệ viện trợ trực tiếp tới đối tượng hưởng lợi bị hạn chế. Một số cá nhân hoạt động trong TCPCPNN đã vi phạm pháp luật và các quy định về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

*Để đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển thủ đô, cần có nghiên cứu một cách đầy đủ và sâu sắc về các TCPCPNN và vai trò quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN ở thành phố Hà Nội hiện nay có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài “Hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội hiện nay” làm luận án Tiến sĩ Quản lý Hành chính công.*

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Luận án có mục đích nghiên cứu, hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với TCPCPNN ở thành phố Hà Nội hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt mục đích nghiên cứu, đề tài có những nhiệm vụ sau:

- Hệ thống, phân tích có chọn lọc cơ sở khoa học QLNN đối với hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam;

- Phân tích thực trạng QLNN đối với các TCPCPNN ở Hà Nội;
- Đề xuất những giải pháp QLNN để tiếp tục hoàn thiện nội dung QLNN đối với TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nội dung quản lý của Nhà nước đối với TCPCPNN ở thành phố Hà Nội.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Luận án tập trung vào nội dung QLNN đối với các TCPCPNN có đăng ký hoạt động, có trụ sở, có hoạt động trên phạm vi Hà Nội hiện nay, trong các lĩnh vực mà Nhà nước cho phép, cụ thể là lĩnh vực viện trợ nhân đạo, từ thiện, tình nguyện viên và phát triển chứ không nghiên cứu các TCPCPNN hoạt động trên các lĩnh vực khác (tôn giáo, nhân quyền, môi giới con nuôi...).

- Về thời gian: Luận án giới hạn thời gian nghiên cứu từ năm 2000 cho đến nay và tầm nhìn đến năm 2020.

- Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu về nội dung QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam và thành phố Hà Nội.

### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1 Phương pháp luận**

- *Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật, cơ sở lý luận là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về QLNN đối các TCPCPNN trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.*

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ của Luận án, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp khảo sát thực tế
- Phương pháp phân tích đánh giá;
- Phương pháp thu thập số liệu để phân tích đưa ra thực trạng, xác định những nguyên nhân và tồn tại về QLNN đối với TCPCP ở Việt Nam trong thời

gian qua thông qua thực tế của thành phố Hà Nội.

- Phương pháp khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về các vấn đề liên quan đến đề tài nhằm đối chiếu, so sánh, tìm ra giải pháp tối ưu cho vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: trong việc tiến hành phân tích luận án sử dụng việc so sánh, khái quát hóa để nghiên cứu các vấn đề lý luận, các tài liệu khoa học, các đề tài nghiên cứu liên quan đến luận án để tổng hợp cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu từ đó tiến hành phân tích thực trạng tình hình QLNN đối với TCPCP qua tình hình thực tế ở Hà Nội chỉ rõ những nguyên nhân còn tồn tại và tổng hợp thành những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam.

- Phương pháp thống kê: qua việc thống kê các TCPCP ở Hà Nội từ năm 2000 đến nay, từ đó đưa ra các dự báo mới về công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài ở thành phố Hà Nội.

## **5. Kết quả nghiên cứu của luận án**

### **5.1. Về lý luận**

Luận án tập trung phân tích, lập luận một cách toàn diện, tổng quan được cơ sở khoa học QLNN đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài, áp dụng vào QLNN đối với TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội, tổng hợp lý thuyết về quản lý nhà nước, quản lý Hành chính công, làm rõ các yếu tố chính là cơ sở lý thuyết của quản lý nhà nước đối với các tổ chức PCPNN dựa trên cơ sở nghiên cứu.

### **5.2. Về thực tiễn**

- Phân tích, làm rõ thực trạng hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam và Hà Nội.

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng QLNN đối với TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội

- Phân tích định hướng và đề xuất giải pháp QLNN đối với các TCPCPNN tại Hà Nội.

## **6. Những điểm mới của luận án**

6.1. *Về mặt lý luận, luận án này là công trình nghiên cứu chuyên sâu thuộc chuyên ngành quản lý hành chính công nghiên cứu, phân tích tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về TCPCPNN như: khái niệm, phân loại,*

*tính chất, nhiệm vụ, đặc điểm v.v. Hoàn thiện bổ sung các nội hàm lý thuyết về cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, ý nghĩa kinh tế - xã hội của các TCPCPNN cũng như vị trí, chức năng, vai trò quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN.*

Tổng quan nghiên cứu làm rõ QLNN đối với TCPCPNN, trên cơ sở đó áp dụng vào QLNN đối với TCPCPNN tại Hà Nội

## **6.2. Về thực tiễn**

- Luận án đã nghiên cứu chỉ ra những yếu tố kinh tế, xã hội có ảnh hưởng, liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội.

- Khái quát được thực trạng QLNN đối với các TCPCPNN trên địa bàn cả nước trong thời kỳ đổi mới.

- Trên cơ sở lý luận, Luận án đã nghiên cứu đánh giá được QLNN đối với các TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội, chỉ ra được nguyên nhân, những bài học kinh nghiệm.

- Luận án phân tích quan điểm, phương hướng chỉ đạo QLNN đối với TCPCPNN tại Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

- Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn đối với các TCPCPNN tại Hà Nội, tác giả đã đề xuất 7 giải pháp QLNN nhằm tiếp tục hoàn thiện nội dung QLNN đối với TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội thời gian tới

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu trong giáo dục, nghiên cứu học tập và cho công tác quản lý đối với hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 3 chương:

*Chương 1: Cơ sở khoa học quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.*

*Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội.*

*Chương 3: Giải pháp hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội.*

# **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

## **1. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Ở Việt Nam và trên thế giới, các TCPCP được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, các nghiên cứu này được thể hiện dưới dạng đề tài khoa học, luận văn, luận án, bài báo, sách tham khảo, các bài tham luận trong các hội nghị, hội thảo

Theo thống kê của tác giả, từ năm 1992 đến 2010 đã có hơn 80 công trình nghiên cứu được công bố có liên quan đến hoạt động của các TCPCP, có thể kể đến các công trình tiêu biểu nghiên cứu ở trong và ngoài nước như sau:

### **1.1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước**

#### ***1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi chính phủ nước ngoài***

a) Công trình nghiên cứu “*Vai trò quản lý nhà nước đối với các hoạt động của các TCPCP ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*” (NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 2008) của TS. Nguyễn Xuân Thiêm với độ dày 250 trang đã đề cập một cách khá toàn diện về mặt lý luận và thực tiễn về khái niệm, đặc điểm, nội dung QLNN đối với các TCPCP ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Đặc biệt, công trình nghiên cứu đã đi sâu phân tích những đặc điểm khác biệt giữa cơ chế QLNN đối với các tổ chức chính phủ và các TCPCP trong nước và ngoài nước đang hoạt động tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, công trình nghiên cứu đã nói ra những mặt đạt được cũng như những vấn đề hạn chế, tồn tại, nguyên nhân của các mặt hạn chế, tồn tại của các cơ chế, chính sách đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả, hiệu lực QLNN đối với các TCPCP ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

b) Công trình nghiên cứu “*Hoàn thiện phân cấp trong quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam*”, Luận văn Thạc sỹ của Phan Thu Hằng (HVCTQG HCM), 2010.

Trong nghiên cứu này, tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và

thực tiễn về QLNN đối với các TCPCP, quan điểm của Đảng và Nhà nước cũng như nguyên tắc, nội dung, phương thức QLNN đối với các TCPCP. Đánh giá thực trạng về nội dung phân công, phân cấp QLNN đối với các TCPCP tại Việt Nam từ năm 2000 đến nay; từ đó rút ra những kết quả, hạn chế, và phân tích các nguyên nhân, bài học kinh nghiệm làm cơ sở để xuất các

giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu lực QLNN đối với các TCPCP tại Việt Nam.

c) Công trình nghiên cứu “*Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ*”, Luận văn của Th.S Nguyễn Song Nam, Học viện Hành chính Quốc Gia, 2010 đã đề cập một cách hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành, cơ cấu và nội dung hoạt động của các TCPCP, đã đề cập vai trò QLNN đối với các TCPCP tại Việt Nam trên các phương diện về thể chế, chính sách, phân công, phân cấp, quyền hạn, và nghĩa vụ của từng cấp trong quá trình thực hiện QLNN đối với các TCPCP tại Việt Nam, đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu quả QLNN đối với các TCPCP tại Việt Nam.

d) Bài viết nghiên cứu “*Đổi mới phương thức QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*” (Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 3, 2011) của tác giả Nguyễn Kim Ngọc đã phân tích những tác động của hội nhập quốc tế đối với công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, trong đó nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng về kinh tế - xã hội của các TCPCPNN tại Việt Nam thời gian qua, những vấn đề khắc phục và cơ chế hành chính, giấy phép đăng ký, các thủ tục hành chính khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam vừa đảm bảo đúng thủ tục pháp lý quốc tế vừa đảm bảo được mục tiêu phát triển ổn định và bền vững của nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

e) Tác giả Đỗ Sơn Hà (2009) với công trình nghiên cứu “*Thực trạng và giải pháp về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, tổ chức phi chính phủ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*”, đã đưa ra khái niệm TCPCP, vai trò nói chung của chúng trong đời sống xã hội Việt Nam và đời sống chính trị quốc tế, thực trạng QLNN đối với các TCPCP... Tuy nhiên, vai trò của tổ chức này trong phát triển kinh tế - xã hội chưa được nghiên cứu.

g) TS. Lưu Minh Văn (Tạp chí Quản lý Nhà nước số 183/4-2011) với bài



viết “*Bàn về thể chế quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ của một số nước trên thế giới*”, cho rằng, hệ thống về thể chế quản lý các hội, TCPCP của các nước trên thế giới khá đa dạng, phong phú về nội dung quản lý và hình thức thể hiện, tùy thuộc vào thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo... của mỗi nước, tuy nhiên, việc tham khảo kinh nghiệm quản lý các hội, TCPCP các nước trong việc xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hội ở nước ta hiện nay là rất cần thiết.

Nhận diện chung các công trình nghiên cứu trên đây của các tác giả Việt Nam liên quan đến QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam đã đề cập tương đối toàn diện về nội dung QLNN, đưa ra các giải pháp hoàn thiện và nâng cao vai trò, hiệu quả công tác QLNN đối với các TCPCP. Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu trực tiếp liên quan đến các TCPCP nói chung, rất ít các công trình nghiên cứu sâu về TCPCPNN tại Việt Nam. Một số đề xuất liên quan cụ thể về phương thức và nội hàm QLNN đối với các TCPCPNN còn sơ lược, chưa có những giải pháp có tính đột phá, đặc biệt các giải pháp đề xuất, kiến nghị đối với Nhà nước mới hoàn thiện, *đổi mới các cơ chế, chính sách đã ban hành nhưng chưa phù hợp hoặc kém hiệu quả.*

### ***1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước với các cơ quan quản lý nhà nước***

Gắn liền với các nội QLNN đối với các hoạt động của các TCPCP và TCPCPNN tại Việt Nam, các hoạt động hợp tác, liên kết giữa các TCPCP với chính quyền Trung ương (TW), địa phương và các cơ quan QLNN liên quan của nước ta cũng được phản ánh qua các bài viết, bài tham gia hội thảo, bài phỏng vấn qua các kênh thông tin chính thức. Đáng chú ý một số bài viết sau đây.

a) *Kỷ yếu Hội nghị quốc tế về “Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ” tổ chức ngày 14/12/2013, do Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) tổ chức.* Kỷ yếu hội nghị bao gồm 22 bài viết của các đại biểu trong và ngoài nước liên quan đến các khía cạnh khác nhau về chủ đề liên kết, hợp tác giữa các cơ quan nhà nước với các TCPCP trong và ngoài nước. Những tham luận của các báo cáo tại hội

ngộ đã đi sâu vào các vấn đề về vai trò tham gia của các TCPCP trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, nâng cao vai trò bình đẳng giới, bình đẳng về quyền lợi của các dân tộc thiểu số, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề về bảo vệ quyền lợi của trẻ em, hạn chế bạo lực gia đình, vấn đề đối với người đồng tính. Từ các vấn đề cụ thể trên đây, các bài tham luận cũng đã kiến nghị đối với các cơ quan QLNN phối hợp chặt chẽ hơn với các TCPCP trong việc thực hiện các chính sách và các hành động cụ thể để giải quyết các vấn đề nêu trên.

b) *Luận văn của Th.S Lê Văn Sơn (2005) Nghiên cứu về vai trò của các TCPCP trong việc hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực cho người dân và đối tác địa phương miền núi phía Bắc qua trường hợp huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.* Nhận diện những khó khăn đối với các TCPCP, đặc biệt là những khó khăn, thách thức về hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực cho người dân và đối tác địa phương; nguyên nhân cơ bản dẫn đến những khó khăn đó và xu hướng hỗ trợ của các TCPCP trong thời gian tới. Nêu lên một số kiến nghị nhằm phát huy hiệu quả vai trò của các tổ chức này.

c) *Tác giả Phạm Bình Minh bài viết đăng trên (Tạp chí Thông tin đối ngoại số 2/2010) nêu ý kiến: Nhằm thực hiện đường lối đối ngoại độc lập dân chủ, chính sách đối ngoại rộng mở và đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, kết hợp chặt chẽ công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân, trong những năm qua Việt Nam đã ngày càng mở rộng quan hệ với các TCPCPNN. Mọi quan hệ này đã góp phần làm cho nhân dân thế giới hiểu biết sâu sắc hơn về đất nước, con người Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, qua đó thúc đẩy quan hệ hợp tác với các Chính phủ và nhân dân thế giới, đồng thời góp phần giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội, nhất là thực hiện xóa đói giảm nghèo phát triển kinh tế tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa còn đang gặp khó khăn [55].*

d) *Tác giả Hồ Thạch (2008), với bài viết “Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài song hành cùng Việt Nam trong phát triển y tế”, tác giả xác nhận rằng, Việt Nam cam kết tiếp tục nâng cao năng lực, đặc biệt về quản lý y tế nhằm sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn tài trợ của các TCPCPNN Việt Nam (INGOs), giúp người dân được thụ hưởng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất.*

Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020 sẽ tập trung vào 7 nhiệm vụ chính: giảm tải các bệnh viện (bệnh viện tuyến Trung ương, thành phố, chuyên khoa K, Nhi, Tim mạch); đổi mới cơ chế tài chính y tế công lập; thực hiện Luật Bảo hiểm y tế, lộ trình Bảo hiểm y tế toàn dân; tăng cường mạng lưới y tế cơ sở; tăng cường nhân lực y tế; thực hiện thí điểm khám chữa bệnh theo nhu cầu; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe.

*e) Tác giả Duy Anh (2010): Đã viết bài, “Tổ chức phi chính phủ cần được nhìn nhận bình đẳng với cơ quan nhà nước”, bài đăng trên tạp chí Khoa học và tổ Quốc số 11 tr 32-34, [2] tác giả cho rằng, trong những năm gần đây, các TCPCP hoạt động ở Việt Nam đã đóng góp đáng kể vào các lĩnh vực truyền thống như xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống cho người nghèo, đồng bào ở vùng sâu vùng xa.*

*Bên cạnh các dự án xóa đói giảm nghèo, các TCPCP còn tập trung vào lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em đã cải thiện cuộc sống cho hàng trăm gia đình, hàng trăm ngàn trẻ em nghèo.*

Ngoài ra, các TCPCP còn đưa ra các phương pháp thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ em, tham gia phản biện xã hội và vận động chính sách và các chương trình có liên quan đến trẻ em đóng góp đáng kể vào công cuộc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em của Nhà nước.

Chống biến đổi khí hậu và phòng chống HIV/AIDS cũng là lĩnh vực được các TCPCP Việt Nam tích cực tham gia. Nhiều trung tâm đã được thành lập để thực hiện các dự án hỗ trợ ngăn ngừa những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu như Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (SRD), Trung tâm phát triển, đào tạo và nghiên cứu môi trường (CERED)... Mạng lưới các TCPCP Việt Nam và biến đổi khí hậu (VNGO&CC) cũng được thành lập với sự tham gia của hơn 100 TCPCP, là nơi trao đổi thông tin, hỗ trợ và hợp tác lẫn nhau để kết nối với Quốc hội và các tổ chức xã hội, các nhà tài trợ.

Về lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS, các TCPCP đã làm giảm tác động của căn bệnh này ở Việt Nam bằng các biện pháp hiệu quả khác nhau.

Mặc dù vậy, hoạt động và thành quả của các TCPCP vẫn chưa được nhìn

nhận và đánh giá đầy đủ, và vinh danh. Hoạt động của các TCPCP còn gặp khó khăn về thủ tục hành chính do hạn chế về nhận thức của lãnh đạo địa phương. Chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho các nhân và tổ chức hoạt động xã hội vẫn chưa được triển khai trong thực tế hiệu quả. Vì vậy, Nhà nước và xã hội cần nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của TCPCP trong phát triển. Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự qua việc rà soát lại khung pháp lý về hoạt động của các TCPCP. Nhà nước cần tạo sân chơi bình đẳng cho các TCPCP tham gia triển khai dịch vụ công thông qua đấu thầu công khai các dịch vụ này.

Đánh giá chung, những đóng góp chủ yếu của các bài viết thuộc nhóm nghiên cứu này đã có những đóng góp nhất định về sự phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan QLNN với các TCPCP trong quá trình triển khai các vấn đề chung cũng như các vấn đề cụ thể về các hoạt động xã hội có tính nhân văn và các vấn đề tệ nạn xã hội trong quá trình phát triển bền vững ở Việt Nam. Bên cạnh những đóng góp, các bài viết, bài tham luận chưa bao quát và đưa ra các giải pháp, khuyến nghị có tính căn cơ và hệ thống trong khuôn khổ hợp tác cũng như tách bạch rõ ràng, cụ thể chức năng quản lý điều hành, và chức năng tham gia của nhà nước với tư cách là một chủ thể cùng với các TCPCP trong việc giải quyết các vấn đề xã hội đã đề cập.

### ***1.1.3. Nhóm các công trình liên quan đến hoạt động cụ thể của tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước tại Việt Nam theo vùng và theo lĩnh vực hoạt động***

Đề cập đến chủ đề này đã có một số công trình nghiên cứu tổng quát cũng như chi tiết thông qua các ấn phẩm: sách, báo, luận văn, luận án, báo cáo của các tác giả Việt Nam thời gian qua. Thông qua các hoạt động thực tiễn của các TCPCP, bên cạnh những đóng góp quan trọng của các TCPCP cũng gợi mở cho các cơ quan hoạch định chính sách có những cơ chế, giải pháp thích hợp trong công tác QLNN đối với các hoạt động của các TCPCP. Trong số các công trình nghiên cứu thuộc nhóm này, đáng chú ý một số công trình sau đây:

a) Công trình nghiên cứu “Vai trò của các TCPCP trong việc hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực cho người dân và đối tác địa phương miền núi phía Bắc”, Luận án của NCS. Lê Văn Sơn, ĐH KHXH&NV Hà Nội (2005)

Đóng góp chủ yếu của luận án ở chỗ, trên cơ sở đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của huyện Si ma cai (Lào Cai), trong đó khó khăn quan trọng là do địa hình phức tạp, canh tác lạc hậu, các phương tiện sản xuất giản đơn dẫn đến đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở đánh giá thực trạng từ một địa điểm cụ thể, luận văn đã khái quát và đưa ra những nhận định về sự tham gia vào cuộc các TCPCP trong việc hỗ trợ kỹ thuật không chỉ cho huyện Si ma cai mà còn cho các đối tượng địa phương miền núi phía Bắc trong quá trình nâng cao năng suất lao động, giảm nghèo và chuyển đổi phương thức sản xuất.

*b) Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, Tạp chí du lịch Việt Nam số tháng 4/2009*

Nội dung: Nhằm khẳng định vai trò và tạo cầu nối giữa các tổ chức xã hội dân sự với các cơ quan Chính phủ, khối doanh nghiệp; giới thiệu những đóng góp của các TCPCP (NGOs) cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Viện Nghiên cứu Xã hội đã tổ chức hội nghị NGOs với chủ đề "Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam đóng góp cho phát triển đất nước".

*c) Tác giả Phạm Bảo Khánh (2010) đã nghiên cứu về: "Các tổ chức phi chính phủ trong việc hoạch định và thực thi chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay"*

Tác giả đã nghiên cứu toàn diện và hệ thống về TCPCP, vị trí và vai trò đối với tiến trình phát triển và hoạch định, thực thi chính sách xã hội không chỉ là quá trình nhận thức mà còn là yêu cầu mang tính cấp thiết, đặc biệt là đối với Việt Nam, một quốc gia đang phát triển rất cần huy động các nguồn lực đầu tư của các TCPCP.

*d) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài với hoạt động vì giảm nghèo ở Việt Nam (1996-2008), bài viết của tác giả ThS. Chử Thu Hà, khoa Văn hóa dân tộc, Đại học Văn hóa Hà Nội, được đăng trên tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á số 8 tr 58 - 64. [35]*

Nội dung: Đánh giá hoạt động của các TCPCP ở Việt Nam giai đoạn (1996-2008) cho công việc giảm nghèo và phát triển bền vững trong các mảng hoạt động lớn như (như tập trung vào công tác đào tạo và cung cấp chuyên gia kỹ

thuật trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, môi trường, phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn tổng hợp...) cho đến các hoạt động có quy mô nhỏ (như viện trợ trực tiếp tiền và hàng) cũng đều nhằm mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

*e) Tác giả Nguyễn Song Bình khi nghiên cứu về việc nâng cao hiệu quả nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cho hay:*

Viện trợ phi chính phủ nước ngoài ngày càng đóng vai trò quan trọng không chỉ vì đây là khoản viện trợ không hoàn lại mà còn vì kèm theo nó là việc chuyển giao kiến thức, công nghệ thích hợp, đào tạo nguồn nhân lực, giúp xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế ở cơ sở đồng thời chăm lo phúc lợi, giải quyết các vấn đề xã hội một cách có hiệu quả. Chính vì vậy, huy động và sử dụng tốt viện trợ phi chính phủ được xem như một chiến lược quan trọng không những ở những nước đang phát triển mà ngay cả những nước phát triển nhằm huy động mọi tiềm năng trong nhân dân để thực hiện nhiều mục đích mà chính phủ không hoặc khó có thể thực hiện được.

*g) Tổ chức phi chính phủ về Biến đổi khí hậu ngày 20 tháng 2 năm 2008*

Theo đa số các nhà khoa học, biến đổi khí hậu là hiện tượng chắc chắn xảy ra. Trên thực tế tác động của biến đổi khí hậu đang biểu hiện rõ nét ở nhiều vùng trên thế giới như nhiệt độ trung bình tăng và nhiều nơi đang ghi nhận nền nhiệt độ tăng cao hàng năm. Việt Nam là một trong những nước dễ bị tổn thương nhất trên thế giới, bị đe dọa bởi mực nước biển dâng cao, nhiều cơn bão mạnh hơn, lũ lụt, hạn hán và những tác động khác của hiện tượng trái đất nóng dần lên. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ ngày càng quan tâm hơn đến công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và đang tiến hành nhiều hoạt động cũng như xây dựng thể chế, bao gồm các nhóm làm việc và Chương trình Mục tiêu Quốc gia. Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ điều phối các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam, và các Bộ phải tiến hành xây dựng kế hoạch hành động. Cộng đồng các TCPCP có vai trò hỗ trợ xây dựng, vận động và thực hiện kế hoạch giúp Việt Nam đối phó với biến đổi khí hậu.

*h) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài với hoạt động vì giảm nghèo ở Việt Nam (1996-2008), Trích Nghiên cứu Đông Nam Á 8/2009 của tác giả Chử Thu Hà.*

Các TCPCPNN có vai trò góp phần giúp giải quyết những vấn đề khó khăn về kinh tế - xã hội, tiêu biểu trong đó là trong công cuộc xóa đói, giảm

nghèo ở Việt Nam. Giai đoạn năm 1996-2008 là giai đoạn trọng điểm về xóa đói giảm nghèo của các TCPCPNN ở Việt Nam. Các dự án của các TCPCPNN đều tương đồng có hình thức triển khai dự án và mục đích hướng tới của dự án. Về hình thức triển khai dự án, các TCPCPNN làm việc trực tiếp với người dân, tức là người dân trực tiếp tham gia trong quá trình thiết lập, lập kế hoạch, thực hiện, và giám sát các hoạt động của dự án. Các TCPCPNN thường thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau (cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện...), sau đó rút ra nhu cầu nào của người dân cần được hỗ trợ nhất và xây dựng dự án tài trợ cụ thể. Việc xây dựng dự án thực hiện dựa trên 2 cơ sở chính là ý kiến góp ý của người dân và địa phương và khả năng tài chính cũng như kinh nghiệm hoạt động của các TCPCPNN.

Trong quá trình triển khai dự án viện trợ, tổ chức đối tác của Việt Nam đứng ra thực hiện trực tiếp hoạt động dự án ở thực địa đóng vai trò rất quan trọng dưới sự điều hành của TCPCPNN nên TCPCPNN luôn chú trọng xây dựng năng lực cho các đối tác Việt Nam thông qua quá trình tập huấn về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý dự án...

Tổ chức phi chính phủ nước ngoài cũng thực hiện hỗ trợ các nguồn lực để giảm nghèo như hỗ trợ nguồn nhân lực, hỗ trợ nguồn lực thiên nhiên, hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ nguồn lực tài chính, hỗ trợ nguồn lực xã hội. Cụ thể trong việc hỗ trợ các nguồn lực trên của TCPCPNN như sau:

- Hỗ trợ nguồn nhân lực: Đây là ưu tiên hàng đầu của TCPCPNN với mục đích tăng cường sức khỏe cho người dân, hỗ trợ kỹ năng kiếm sống. Ngoài ra, các TCPCPNN còn hỗ trợ vật chất cho con em nghèo như thiết bị học tập, cấp học bổng...

- Hỗ trợ nguồn lực thiên nhiên: là hỗ trợ người dân bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên mà không ảnh hưởng xấu tới môi trường thông qua các hoạt động giáo dục tuyên truyền về sự cần thiết bảo vệ môi trường cho người dân. Ngoài ra còn tạo lập nguồn sinh kế cho người dân nhằm phát triển kinh tế, tăng thu nhập.

- Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng: Các TCPCPNN tài trợ dự án xây dựng các công trình hạ tầng như đường sá, cầu cống, trường học, hệ thống điện nước sinh hoạt nhằm cải thiện đời sống và điều kiện sản xuất cho người dân.

- Hỗ trợ nguồn nhân lực tài chính: nhằm hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Tiêu biểu là thông qua hình thức tín dụng nhỏ- nguồn vốn nhỏ nhưng đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân.

- Hỗ trợ nguồn lực xã hội: nhằm xóa đói giảm nghèo trong mối quan hệ đoàn kết, tương trợ của cộng đồng. Tiêu biểu như tổ chức các cuộc họp thôn bản để trao đổi kinh nghiệm, hướng tới giải pháp giải quyết các vấn đề chung. Sự ra đời của các câu lạc bộ, nhóm chung sở thích giúp hỗ trợ người nghèo trong lúc khó khăn, được bảo vệ quyền lợi và tăng thêm sự tự tin.

Việt Nam đã tiếp thu được nhiều kinh nghiệm nhằm nâng cao tính hiệu quả, và bền vững trong xóa đói giảm nghèo từ việc hợp tác với các TCPCPNN ở tầm vi mô và vĩ mô.

*i) Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, bài đăng trên tạp chí Lý luận chính trị 5-2008 của tác giả Đôn Tuấn Phong*

Ngày càng nhiều các TCPCPNN tới Việt Nam và đã đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội và công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nước ta. Quan hệ đối tác giữa Việt Nam và các TCPCPNN ngày càng phát triển ở cả cấp cơ sở mang tính vi mô tới cấp trung ương mang tính vĩ mô. Các lĩnh vực các TCPCPNN viện trợ cho nước ta có thể kể tới như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế-xã hội, môi trường, viện trợ khẩn cấp... Việc viện trợ từ các TCPCPNN như thế này tuy không lớn nhưng lại đáp ứng nhanh, cụ thể và trực tiếp, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Việc viện trợ của các TCPCPNN góp phần tăng cường năng lực các cơ quan đối tác và người dân vùng dự án. Ngoài các dự án trực tiếp trong các lĩnh vực khác nhau, các TCPCPNN còn tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo thuộc các dự án nhằm cung cấp kiến thức, hiểu biết, kỹ năng cho người dân. Ngoài ra, qua các hoạt động của mình, các TCPCPNN giúp tăng cường hiểu biết và mở rộng quan hệ hữu nghị của nhân dân và đối tác các nước với Việt Nam. Bên cạnh những mặt tích cực, việc viện trợ từ các TCPCPNN cũng tồn tại những mặt tiêu cực. Thứ nhất là việc một số TCPCPNN nhỏ hoạt động dàn trải ở nhiều địa phương làm kéo dài thời gian dự án và chi phí hành chính lớn. Thứ hai là nguồn viện trợ chưa được điều phối hợp lý.



Nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động và viện trợ của các TCPCPNN, Chính phủ đã ban hành văn bản để điều chỉnh công tác quản lý hoạt động, quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. Tiêu biểu là Quy chế 340 về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam, Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài, và chương trình Quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2006-2010.

*k) Trần Thị Thiên Hương (2005) đã nghiên cứu "Xã hội dân sự ở Việt Nam: Di chuyển từ lợi nhuận sang chủ đạo".*

Nội dung trình bày một cái nhìn tổng quan về xã hội dân sự tại Việt Nam và bắt đầu bằng cách định nghĩa xã hội dân sự và những gì nó có nghĩa là trong bối cảnh của đất nước này. Sau đó thể hiện một cái nhìn tổng quan về hiện trạng của các yếu tố khác nhau của các tổ chức xã hội dân sự và các khuôn khổ pháp lý bao quát, trong môi trường hoạt động đó. Nội dung quan tâm tới sự tham gia của các nhà tài trợ với xã hội dân sự. Trong kết luận, nó đặt ra sự cần thiết phải phát triển một cách tiếp cận chia sẻ phổ biến và chiến lược cho việc tham gia với xã hội dân sự tại Việt Nam.

*l) Thông điệp của các tổ chức phi chính phủ quốc tế tới hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ (Hà Nội, ngày 3 - 4 tháng 12 năm 2009)*

Nội dung: Thông điệp này là kết quả của một loạt tham vấn qua thư điện tử, qua diễn đàn các TCPCP quốc tế được tổ chức trong tháng 11/2009 với sự tham gia của các mạng lưới khác nhau và các TCPCP quốc tế.

*m) Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ*

Ngày 14/12/2010 tại Hà Nội, đã diễn ra Hội nghị thường niên các TCPCP Việt Nam (VNGO) với chủ đề "Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong phát triển đất nước", do Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) tổ chức.

Tại hội nghị, các đại biểu đã chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin nhằm thúc đẩy các hoạt động của mạng lưới VNGO. Hội nghị cũng tạo cơ hội trao đổi, đối thoại giữa các VNGO với các cơ quan của Đảng và Chính phủ, các cơ quan QLNN chuyên ngành, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan này cho

sự phát triển của VNGO.

Những báo cáo từ các hội thảo chuyên đề trong khuôn khổ hội nghị đã tập trung vào các vấn đề: Xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy bình đẳng và quyền của người dân tộc thiểu số; bình đẳng giới và phát triển cộng đồng; bảo vệ sông ngòi và tài nguyên nước; bạo lực gia đình đối với những người đồng tính... Các đại biểu cũng nêu nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ các rào cản cũng như tăng cường hơn nữa sự đóng góp của VNGO vào quá trình phát triển đất nước.

n) *Vũ Thị Thu Giang (2008) với bài viết nghiên cứu về : Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ Mỹ ở Việt Nam từ năm 1995 đến nay; Từ thực trạng nghiên cứu các lĩnh vực văn hóa - xã hội, tôn giáo, các lĩnh vực từ thiện, nhân đạo, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, khắc phục hậu quả thiên tai, chiến tranh, tác giả đã đưa ra những nhận xét chung về hoạt động của các TCPCP Mỹ ở Việt Nam. Đăng trên tạp chí nghiên cứu lịch sử số 7 (tr 49-60).[32]*

o) *Nguyễn Thị Phương (2006) đã viết bài nghiên cứu về: “Các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động hoạch định chính sách của Chính phủ”, tác giả đã trình bày, sự phát triển của các TCPCP Việt Nam từ năm 1948 đến nay và ảnh hưởng của nó đối với việc hoạch định chính sách của Chính phủ. Những vấn đề đặt ra trong việc quản lý các TCPCP và phương án khắc phục. Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học lần thứ XVII trường Đại học Mở địa chất số 6 (tr 192 – 196).*

p) *Đôn Tuấn Phong(2008): Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam đăng trên tạp chí lý luận chính trị số 5 (tr 54 – 58). Ngày càng nhiều các TCPCPNN tới Việt Nam và đã đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội và công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nước ta. Quan hệ đối tác giữa Việt Nam và các TCPCPNN ngày càng phát triển ở cả cấp cơ sở mang tính vi mô tới cấp trung ương mang tính vĩ mô. Các lĩnh vực các TCPCPNN viện trợ cho nước ta có thể kể tới như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, viện trợ khẩn cấp... Việc viện trợ từ các TCPCPNN như thế này tuy không lớn nhưng lại đáp ứng nhanh, cụ thể và trực tiếp, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Việc viện trợ của các*

TCPCPNN góp phần tăng cường năng lực các cơ quan đối tác và người dân vùng dự án. Ngoài các dự án trực tiếp trong các lĩnh vực khác nhau, các TCPCPNN còn tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo thuộc các dự án nhằm cung cấp kiến thức, hiểu biết, kỹ năng cho người dân. Ngoài ra, qua các hoạt động của mình, các TCPCPNN giúp tăng cường hiểu biết và mở rộng quan hệ hữu nghị của nhân dân và đối tác các nước với Việt Nam. Bên cạnh những mặt tích cực, việc viện trợ từ các TCPCPNN cũng tồn tại những mặt tiêu cực. Thứ nhất là việc một số TCPCPNN nhỏ hoạt động dàn trải ở nhiều địa phương làm kéo dài thời gian dự án và chi phí hành chính lớn. Thứ hai là nguồn viện trợ chưa được điều phối hợp lý. [57]

*q) Lê Thị Bình (2011): Bài viết nghiên cứu về Tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh đăng trên tạp chí khoa học chính trị số 2 (tr 70 - 73). [12]*

Từ sau năm 1975, có hàng ngàn các TCPCPNN đến Việt Nam để hàn gắn vết thương chiến tranh, viện trợ nhân đạo và phát triển. Hiện nay, Việt Nam quan hệ với trên 700 TCPCPNN, riêng Thành phố Hồ Chí Minh có 141 TCPCP được cấp phép hoạt động và chiếm khoảng 50% các dự án hoạt động của các TCPCPNN. Các TCPCPNN đã góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, phát triển bền vững, phù hợp với ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố, cũng như tăng cường năng lực của các cơ quan đối tác và người dân cùng dự án. Các TCPCPNN còn giúp nâng cao hiểu biết của chính giới, công chúng, đối tác ở các nước khác về Việt Nam, từ đó mở rộng mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam cũng như Thành phố Hồ Chí Minh với các đối tác của các nước khác. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một vài hạn chế trong hoạt động của các TCPCPNN ở Thành phố Hồ Chí Minh như nguồn viện trợ phân bố không đều, một số TCPCPNN hoạt động chưa đúng với quy định của Nhà nước, một số tổ chức đối tác Việt Nam còn hạn chế về năng lực, hoạt động của các TCPCPNN chủ yếu ở dạng từ thiện, ngắn hạn, thiếu tính bền vững. Ngoài ra, các thủ tục hành chính về hoạt động của các TCPCPNN còn phức tạp.

Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp và tác động sâu rộng đến sự phát triển của Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh chủ trương tích

cực tranh thủ các nguồn viện trợ của các TCPCPNN. Vì vậy, để thực hiện tốt việc vận động và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ từ các TCPCPNN, cần thúc đẩy quan hệ đối tác với các TCPCPNN ở các cấp, các ngành, tìm hiểu chiến lược viện trợ của các TCPCPNN, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho các đối tác Việt Nam về công tác phi chính phủ nước ngoài... phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn Thành phố.

## **1.2. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài**

### **1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu về vai trò QLNN đối với TCPCP**

a) Công trình nghiên cứu “*A State Management Role to NGOs*” (Vai trò quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ” của GS. John Henning, Oxford University, London, 1981) đã đề cập các nội hàm về chức năng QLNN, cơ cấu QLNN, mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước đối với các TCPCP. Trên cơ sở phân lý luận, công trình đã tập trung nghiên cứu vai trò QLNN tại một số quốc gia khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Philipin, Indonexia), một số quốc gia châu Phi (Nigeria, Maroc, Tuynidi). Từ các mô hình QLNN cụ thể của các trường hợp ở từng quốc gia, công trình nghiên cứu đã viết 03 nhận xét quan trọng đối với vai trò QLNN đối với các TCPCP.

*Một là*, các Chính phủ cần phải hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở đó xem xét, bổ sung những vấn đề cần phải hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân không thuộc nhà nước trong công tác viện trợ, tư vấn, tham gia khắc phục những vấn đề liên quan đến hoạt động xã hội và viện trợ nhân đạo.

*Hai là*, vai trò QLNN của các chính phủ cần quan tâm cải cách thể chế, cơ chế hành chính thông thoáng để cho các TCPCP có khả năng tham gia các hoạt động chuyên môn.

*Ba là*, cần xây dựng cơ chế liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ và các TCPCP trong và ngoài nước trên cơ sở sử dụng nguồn viện trợ có hiệu quả và tuân thủ những cam kết viện trợ theo đúng mục đích của các TCPCP.

b) Công trình nghiên cứu “*Improve Close Link between Government and NGOs*” (Nâng cao mối quan hệ chặt chẽ giữa Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ của TS. Hecman Toler, Public Admintration Institute, USA, 2003)

Đây là công trình nghiên cứu xây dựng trên nền tảng các cơ sở lý thuyết

về quản trị hành chính công, tác giả đã đưa ra các khung lý thuyết về sự giống nhau và khác nhau về cách điều hành hoạt động của các tổ chức chính phủ và các TCPCP, từ đó công trình đã đề cập đến mối quan hệ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ giữa hai tổ chức này. Đặc biệt công trình chú ý đến khía cạnh đẩy mạnh nâng cao hiệu quả QLNN đối với các TCPCP theo xu hướng coi đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy quá trình xã hội hóa nguồn vốn đầu tư phát triển KT-XH, giảm bớt nguồn vốn ngân sách nhà nước. Muốn vậy giữa Chính phủ và các TCPCP cần thắt chặt trong quá trình liên kết, hợp tác để phát triển đất nước trên cơ sở nhà nước chỉ kiểm soát một số lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến đạo đức xã hội, an ninh quốc gia, còn lại các lĩnh vực khác cần có các khung thiết chế thông thoáng để tạo điều kiện mở rộng các hoạt động của các TCPCP. Mặt khác, công trình nghiên cứu cũng phân tích vị trí, vai trò quan trọng của các TCPCP trong và ngoài nước còn là nhân tố tác động quan trọng xu thế hội nhập quốc tế của các quốc gia, vùng lãnh thổ.

c) Công trình nghiên cứu *“International NGOs have contributed to Improving the Relation between Vietnam and the International Community”* (Các TCPCP quốc tế góp phần nâng cao mối quan hệ giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế) của GS. John McAuliff, *Friendship Magazine, Number 6, November 2003*). Đây là bài báo được đăng tạp chí Hữu nghị của Mỹ, phân tích về các hoạt động của các TCPCPNN hiện đang có mặt tại Việt Nam, bên cạnh các chương trình mục tiêu xã hội, các TCPCPNN đã có những đóng góp to lớn trong việc thúc đẩy quan hệ đối ngoại chính thức và phi chính thức của Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức xã hội quốc tế.

### ***1.2.2 Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh nghiệm QLNN đối với các TCPCPNN của một số nước trên thế giới***

Nhóm các công trình này nhằm tập hợp các bài viết của các tác giả nước ngoài viết về hoạt động của các TCPCPNN cũng như công tác QLNN của một số nước đối với hoạt động của các TCPCPNN.

a) Công trình nghiên cứu *“Sự phát triển của các tổ chức phi chính phủ ở Thái Lan”* của tác giả LeeRay M. Costa (trợ lý giáo sư nghiên cứu về Phụ nữ và Nhân chủng học, Đại học Hollins, Mỹ). Công trình này đề cập đến khía cạnh kết nối giữa học giả - NGO trong xã hội dân sự ở Thái Lan. Cộng đồng TCPCP

ở Thái Lan hiện giờ rộng lớn và đa dạng. Như ở hầu hết các nước được gọi là "đang phát triển", ở Thái Lan, việc đếm được số lượng lớn các tổ chức và hiệp hội hiện tại gắn với các công việc phát triển cộng đồng là điều gần như không thể. Mặc dù vậy, những nhóm này lại cần thiết cho xã hội dân sự và cho các phong trào xã hội về dân chủ và quyền con người trong và ngoài nước. Trong bài viết ngắn gọn này, tôi muốn chia sẻ với các bạn một khía cạnh của các TCPCP ở Thái Lan mà thường không được chú ý nhưng lại rất cần thiết cho việc hiểu về cả hình thức của xã hội dân sự đang phát triển của Thái Lan và thành công liên quan tới các TCPCP ở Thái Lan trong việc tiến tới một cộng đồng rộng lớn hơn là vai trò của các học giả trong việc hỗ trợ, thúc đẩy, và nâng cao hoạt động của TCPCP.

*b) Công trình nghiên cứu “Sự quản lý và trách nhiệm của NGO ở Indonesia - Thách thức ở một nước mới đang dân chủ hóa” của tác giả Richard Brubaker, Far Eastern Economic Review, Number 3, July, 2006).* Bài viết này đã tập trung phân tích sự sụp đổ của chế độ chuyên chế trật tự mới năm 1998 và sự chuyển giao sang nền dân chủ sau đó đã mang đến nhiều thay đổi cho Indonesia, bao gồm một sự tăng trưởng lớn lao trong xã hội dân sự. Số lượng các tổ chức xã hội dân sự (CSO) ở khắp Indonesia đang tăng đáng kể. Cũng không quá khi miêu tả những phát triển gần đây ở kỷ nguyên xã hội dân sự đang phát triển ở Indonesia. Sự lan truyền toàn cầu của nền dân chủ đã mở ra những cơ hội mới cho các nhóm xã hội dân chủ Indonesia để tham gia vào các quyền quyết định, định chế và cơ chế của trách nhiệm trong xã hội mà người dân liên quan không lâu trước đã không được khuyến khích.

Với sự tự do cơ bản trong cách thể hiện và tổ chức được tán thành, ngành xã hội dân sự đã phát triển nhanh và sâu sắc. Hàng loạt các tổ chức mới và thành lập đã lâu đang cố gắng khiến cho tiếng nói của họ được lắng nghe trong lĩnh vực cộng đồng. Một vài xu thế minh họa cho điều này. Gần như là không thể đạt được sự đa dạng của bộ phận phi lợi nhuận ở Indonesia. Có hàng chục trong số hàng nghìn các tổ chức xã hội dân sự ở Thái Lan ngày nay; bao gồm các tổ chức tôn giáo, các tổ chức hợp tác hàng loạt, các liên minh, các tổ chức dựa trên nền tảng đạo đức, tổ chức cộng đồng, các TCPCP, các hiệp hội chuyên nghiệp và các tổ chức liên kết chính trị. Trước năm 1998, chỉ có một tổ

chức lao động và một hiệp hội nông dân được chính quyền công nhận (và kiểm soát); hiện giờ có không dưới 40 tổ chức lao động cấp quốc gia, không dưới 300 liên hiệp lao động địa phương, và trên 10.000 hiệp hội lao động cấp độ đoàn thể, và hàng trăm các tổ chức nông dân, các nhóm xã hội- tôn giáo, các viện nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu và các nhóm chuyên gia tư vấn cũng tăng lên về số lượng.

Bất chấp sự tăng trưởng của các TCPCP (NGO), hiện giờ với tư cách là một phần của xã hội dân sự rộng lớn hơn ở Indonesia, thật quan trọng để nhận ra rằng tác động của sự kiểm soát kéo dài vẫn rất sâu sắc. Trong suốt hơn 3 thập kỷ của luật lệ chuyên chế, xã hội dân sự ở Indonesia được nhìn nhận như là một phần của vấn đề, không phải là giải pháp. Xã hội dân sự đã ở đây để bị kiểm soát, không được lắng nghe hay được coi như là một đối tác để làm việc cùng. Hệ quả là sau năm 1998, xã hội dân sự được mong đợi đóng góp cho nền dân chủ và sự điều hành tốt; nó thực ra phải suy nghĩ lại những chiến lược và sự cải cách và tự thích nghi, một cách khá cơ bản, và sâu sắc, nhằm để tiến tới các thách thức và cơ hội của một tình thế mới. Quá trình này vẫn đang tiếp diễn. Sự không chắc chắn trong vị trí và chiến lược của xã hội dân sự ở Indonesia được hình thành bởi nhu cầu trách nhiệm đang tăng lên. Ngay tại thời điểm khi mà sự tự tin trong số các nhà hoạt động dân sự về những gì mà họ thực ra có thể là đạt được và đạt được như thế nào vẫn còn đang thiếu, cả phương thức quản lý nội bộ của TCPCP cũng như sự thể hiện bên ngoài trong lĩnh vực công cộng đang trở thành chủ đề cần được xem xét kỹ lưỡng hơn. Mặc dù vậy, rất nhiều sáng kiến nhằm cải thiện sự quản lý CSO và ý thức trách nhiệm được cần tới và đang bắt đầu trở nên cứng rắn hơn. Chương này sẽ tập trung đặc biệt vào các TCPCP như là một bộ phận phụ của xã hội dân sự, và vai trò của chúng trong việc phát triển quản lý bộ phận không lợi nhuận ở Indonesia, vì chỉ những tổ chức đó mới là những thực thể hợp pháp (thường là các nền tảng hoặc *yayasan*) cần phải báo cáo sự tồn tại của chúng với các cơ quan chức năng.

*c) Công trình nghiên cứu “Tổ chức xã hội dân sự ở châu Phi” của tác giả Ezra Mbogori, tạp chí Nguồn quan sát của Pháp, tháng 6/2008. Bài viết của tác giả, đối với châu Phi muốn thích nghi với quá trình toàn cầu hóa, một trong điều kiện quan trọng đối với chính phủ của các nước châu Phi là cần tạo ra một lộ*

trình tốt cho sự phát triển của các TCPCPNN. Các hình thức tổ chức của xã hội dân sự thường tồn tại trong suốt những thời kỳ khủng hoảng nhân đạo lúc mà chúng được thúc đẩy bởi khát khao tạo ra sự khác biệt tích cực. Khi bắt đầu phát triển, các TCPCP trải qua một quá trình định nghĩa lại- sự tự tin tăng lên và bắt đầu hoạt động như là những nhà điều hành trong xã hội dân sự. Mặc dù vậy với trường hợp của Châu Phi, chúng ta nhận ra rằng TCPCPNN đang tiến tới giai đoạn phát triển này cảm thấy khó khăn để nhận được sự giúp đỡ từ những người bảo vệ cho họ - các TCPCP quốc tế (INGOs). Ngay cả với sự tự tin còn đó, họ cũng không thể để tự mình được tự do. Chính vì thế, chúng ta nhận ra rằng mặc dù TCPCP đang phát triển nở rộ xét về số lượng, điều này lại không thể hiểu thành các hoạt động phối hợp với xã hội dân sự.

### ***1.3. Quá trình nghiên cứu của tác giả***

Nghiên cứu sinh đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực quản lý các TCPCPNN và nhận thấy vai trò QLNN đối với các TCPCPNN có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ giám sát các hoạt động mà còn tạo điều kiện thuận lợi để các TCPCPNN ở Thành phố Hà Nội nói riêng và Việt nam nói chung hoạt động một cách hiệu quả nhất, trên cơ sở đó tạo ra hình ảnh ấn tượng tốt đẹp của Thủ đô Hà Nội đối với các tổ chức và cá nhân người nước ngoài. Bên cạnh những cơ chế, chính sách QLNN đối với các TCPCPNN đã đi vào cuộc sống, còn tồn tại một số hạn chế cũng như một số bất cập về khung pháp lý. Do vậy NCS đã chọn đề tài “*Hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội hiện nay*” làm luận án tiến sỹ chuyên ngành Quản lý hành chính công.

Phạm vi nghiên cứu thực hiện của đề tài được NCS giới hạn trên địa bàn TP Hà Nội để tác giả có điều kiện đi sâu nghiên cứu từ thực tiễn qua đó làm rõ những vấn đề thuộc về lý luận thực tiễn và giải pháp. Trong quá trình nghiên cứu đề tài, nghiên cứu sinh đã có các bài viết trên các tạp chí QLNN và tạp chí xây dựng Đảng về vai trò của các TCPCPNN.

Như vậy có thể khẳng định đề tài hoàn thiện nội dung QLNN đối với TCPCPNN ở Hà Nội hiện nay của tác giả không trùng hợp với bất kỳ nghiên cứu trong và ngoài nước nào về đối tượng phạm vi nghiên cứu cũng như nội dung tính chất mức độ. Mỗi công trình trong và ngoài nước tiêu biểu có liên quan đến công tác phi chính phủ nêu ra chỉ giải quyết một số khúc mắc nhất



định ở một mức độ nhất định so với đề tài luận án đặc biệt. Nội dung về QLNN đối với các TCPCPNN chưa được đề cập giải quyết.

## **2. TỔNG QUAN NHỮNG HẠN CHẾ SO VỚI ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

*Một là*, những vấn đề thuộc về lý luận: Hầu hết các công trình chưa đề cập đến lý luận QLNN đối với các TCPCP một cách có hệ thống nếu có chỉ là mang tính giới thiệu khía cạnh mà chưa có cách tiếp cận tổng thể cụ thể. Các nội dung lý luận về quản lý các TCPCPNN chưa được đề cập hoặc có đề cập nhưng chưa được làm rõ. Những vấn đề lý luận QLNN đối với các TCPCP chưa được so sánh phân tích với thực tiễn một cách sâu sắc, chưa đề cập những điểm lý thuyết mới cần bổ sung trong giai đoạn quản lý hiện nay.

*Hai là*, những vấn đề về thực tiễn quản lý: Những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều chưa phân tích làm rõ thực tiễn QLNN đối với các TCPCPNN so với lý luận cơ bản như việc tuyên truyền phổ biến các quy định, việc thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động các TCPCPNN. Một số công trình đã đề cập một số nội dung quản lý nhưng vẫn còn những hạn chế so với đề tài nghiên cứu như đề cập tới các giải pháp nhằm quản lý việc cấp phép hoạt động cho các TCPCPNN tài trợ, vấn đề thuê nhân công và trong tương lai đề cập tới hệ thống luật pháp nhưng lại chủ yếu nghiêng về khía cạnh đưa ra các quy định cụ thể của các văn bản pháp luật, ít chú trọng phân tích dưới khía cạnh quản lý. Việc phân tích chỉ ra các hạn chế nguyên nhân của việc QLNN đối với các TCPCPNN chưa mang tính tổng hợp cao.

*Ba là*, về hệ thống các giải pháp các công trình trong và ngoài nước có liên quan được đề cập hầu hết không đưa ra hệ thống giải pháp, một số ít công trình có đề cập nhưng lại là giải pháp quản lý công tác phi chính phủ nói chung, số khái niệm nêu lên những yêu cầu cần giải quyết nhưng không có tính tổng hợp hệ thống khái quát cao, hoặc là giải pháp cho việc quản lý công tác phi chính phủ nói chung không xuất phát từ các điều kiện cụ thể của Việt Nam và của thành phố Hà Nội.

## **3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CỦA LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT**

*Một là*, những vấn đề thuộc về lý luận, hoàn thiện khung lý thuyết mới về QLNN đối với các TCPCPNN trong đó tập trung làm rõ vấn đề về nội dung, về quản lý tổng hợp các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả QLNN đối với các

TCPCPNN .

Hệ thống lý luận về QLNN đối với các TCPCPNN cần được tập trung phân tích so sánh bổ sung những luận điểm mới cụ thể như QLNN đối với các TCPCPNN đề xuất nội dung và cách thức triển khai áp dụng, chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động QLNN đối với các TCPCPNN, bên cạnh đó, đưa ra những kết luận về kinh nghiệm thực hiện công tác quản lý tại một số nước đặc biệt là một số nước trong khu vực.

*Hai là*, những vấn đề thực tiễn quản lý, chỉ ra thực trạng công tác QLNN đối với các TCPCPNN còn những tồn tại, hạn chế trên phạm vi các nước nói chung và thủ đô Hà Nội nói riêng so với lý thuyết pháp định, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Phân tích đánh giá thực tiễn việc quản lý các TCPCPNN , những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trên cơ sở so sánh lý thuyết được bổ sung thực trạng quản lý. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong QLNN đối với các TCPCPNN sẽ làm căn cứ để đặt ra hệ thống các giải pháp. Luận án phân tích, đánh giá, khái quát hóa thực trạng hoạt động QLNN đối với các TCPCPNN , đánh giá lại việc tổ chức bộ máy trong việc quản lý hoạt động của các TCPCPNN .

Những kết quả hạn chế, nguyên nhân về hoạt động QLNN đối với các TCPCPNN được sắp xếp một cách khách quan, khoa học để so sánh, nghiên cứu phân tích qua đó làm cơ sở chứng minh cho việc bổ sung lý thuyết ở phần lý luận chung đồng thời những hạn chế nguyên nhân sẽ là cơ sở cho việc đề xuất giải pháp của luận án.

*Ba là*, về hệ thống các giải pháp: luận án cần đưa ra các quan điểm của Đảng và Pháp luật của nhà nước về việc quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam trên cơ sở các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước kết hợp với lý thuyết đã được bổ sung và phân tích thực hiện quản lý luận án sẽ đề ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN đối với các TCPCPNN tại Hà Nội và tại Việt Nam.

Nội dung các giải pháp phải bao gồm các nhóm nội dung chính phủ: quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép hoạt động cho các tổ chức, quản lý việc phân cấp việc phê duyệt các dự án do các TCPCPNN thực hiện đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa việc giữ vững an ninh chính trị và tranh thủ nguồn lực giúp đỡ từ

các TCPCPNN.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

### ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

#### 1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

##### 1.1.1. Khái niệm và phân loại của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam

###### 1.1.1.1. Khái niệm

Tổ chức Phi chính phủ gọi tắt tiếng Anh là NGO là một từ để chỉ chung cho các tổ chức đứng ngoài Chính phủ, hoạt động song song và bổ trợ cho các chương trình kinh tế và xã hội của Nhà nước. Ở cấp cơ sở, đó là các tổ chức nhân dân bao gồm các thành viên cùng Giới, cùng một đơn vị lãnh thổ, hoặc đơn vị nghề nghiệp hoạt động vì lợi ích của mỗi thành viên. Tổ chức Phi chính phủ quy tụ những người tự nguyện hoạt động vì lợi ích của người khác tức là vì tổ chức nhân dân và các cộng đồng, không phải vì bản thân.

Cho tới nay trên thế giới có nhiều quan điểm khác nhau về phân loại và định nghĩa NGO như ở Mỹ gọi là các tổ chức không vụ lợi, một số nước lại dùng từ tổ chức tự nguyện, phi lợi nhuận, tuy tên gọi khác nhau nhưng tất cả đều giống nhau ở tính chất tự nguyện và đứng ngoài chính phủ. Lại còn có các tổ chức hợp đồng dịch vụ công cộng cũng mang tính chất phi chính phủ nhưng lại là sự pha trộn giữa tính chất tự nguyện và tính chất thương mại.

Căn cứ theo Nghị định số 12/2012/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam có thể định nghĩa khái niệm TCPCPNN là tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân hoặc các hình thức tổ chức xã hội phi lợi nhuận khác được thành lập theo luật pháp nước ngoài có hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác tại Việt nam [26].

Các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam được cấp một trong 3 loại giấy đăng ký gồm giấy đăng ký lập văn phòng đại diện, giấy đăng ký lập văn phòng dự án và giấy đăng ký hoạt động.

Việt Nam là một quốc gia đang trên đường đổi mới, việc pháp huy, tận dụng các nguồn lực để phát triển là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước. Trong đó nguồn lực pháp huy sức mạnh toàn dân, thực hiện xã hội hoá, và tận dụng sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè, các tổ chức trên thế giới là vô cùng quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện các chủ trương và chính sách đối ngoại rộng mở, Nhà nước đã thu hút ngày càng nhiều các TCPCPNN đến Việt Nam. Hầu hết các tỉnh và thành phố, đặc biệt là các tỉnh trung du và miền núi, các vùng dân tộc ít người đều có các dự án của các TCPCPNN như: làm đê biển chống lũ lụt ngăn nước mặn: chăm sóc sức khoẻ ban đầu, chương trình nước sạch nông thôn, quỹ vốn quay vòng cho phụ nữ nghèo, xây dựng trường tiểu học cho trẻ em... Mặc dù kết quả của những trợ giúp này còn ở mức khiêm tốn, nhưng nó đã góp một phần với chính phủ và nhân dân ta trong cuộc đấu tranh với nghèo đói bệnh tật và cũng giúp chúng ta có nhận thức đúng hơn về các TCPCPNN .

#### ***1.1.1.2. Phân loại tổ chức phi chính phủ***

*\* Theo phạm vi hoạt động:*

TCPCP bao gồm:

- *Các TCPCP mang tính quốc gia*

Tổ chức phi chính phủ mang tính chất quốc gia (National - Non-Governmental - NNGO): là tổ chức mà các thành viên đều mang một quốc tịch.

Phạm vi hoạt động của loại này chủ yếu phục vụ cho từng cộng đồng, hoạt động trong phạm vi mỗi nước.

- *Các TCPCP mang tính quốc tế*

Các TCPCP mang tính chất quốc tế (International Non- Governmental Organization - INGO): là tổ chức mà các thành viên của nó mang nhiều quốc tịch khác nhau sáng lập nên.

Phạm vi hoạt động rộng khắp trên thế giới. Nhưng các TCPCP mang tính chất quốc tế phải tuân theo luật pháp của nước nhận sự hợp tác.

- *Các TCPCP mang tính chất Chính phủ*

Các TCPCP mang tính chất Chính phủ (tên tiếng Anh: Governmental non-governmental Organization-GONGO; tên tiếng Pháp: Organisation gouvernementale non-gouvernementale-OGONG) là các tổ chức do Chính phủ lập ra.

*\* Theo tính chất hoạt động:*

*- Tổ chức phi chính phủ mang tính chất trợ giúp nhóm yếu thế*

Nhóm các TCPCP này được thành lập ra nhằm tổ chức vận động quyên góp và tổ chức các hoạt động để trợ giúp các nhóm yếu thế. Loại tổ chức này tổ chức hoạt động trong phạm vi quốc gia, song do khả năng về nguồn nhân lực nó cũng có thể mở rộng phạm vi hoạt động ra quốc tế.

*- Tổ chức phi chính phủ mang tính chất tôn giáo*

Nhóm các TCPCP này được sáng lập mang tính chất tôn giáo để thực hiện tâm nguyện của giáo hội, trợ giúp con người làm điều thiện, song trước hết là trợ giúp những người là tín đồ. Đi đôi với việc trợ giúp, các TCPCP này thường gắn liền với mục đích phát triển tín đồ hoặc truyền bá các tư tưởng tôn giáo.

*- Tổ chức phi chính phủ mang tính chất hiệp hội nghề nghiệp*

Nhóm các TCPCP này được thành lập trong phạm vi quốc gia, quốc tế hay khu vực nhằm các hoạt động trợ giúp những người trong nhóm cùng hoàn cảnh trên các hoạt động đời sống xã hội đặc biệt là hội nhập. Ngoài các cách phân loại trên, thế giới còn xuất hiện những TCPCP khác do tư nhân sáng lập và hoạt động cũng không vì mục đích lợi nhuận.

*\* Theo cơ sở pháp lý (Nghị định 12/2012/NĐ-CP):*

*- Các TCPCPNN hoạt động vì mục đích nhân đạo, phi lợi nhuận.*

*- Các TCPCPNN hoạt động hỗ trợ phát triển.*

## **1.1.2. Những căn cứ lý luận khoa học về tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

### **1.1.2.1. Nhiệm vụ cơ bản của tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

Tuỳ theo từng tổ chức khác nhau và các mục đích hoạt động khác nhau thì nhiệm vụ của các TCPCP cũng khác nhau. Nhưng nhìn chung các TCPCP đều quan tâm đến việc thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

+ Chăm lo bảo vệ lợi ích của các thành viên, đây là chức năng cơ bản và dễ nhận biết nhất, vì đây là điều mà tổ chức nào cũng phải quan tâm chăm lo cho các hội viên của mình trước tiên.

+ Chức năng của TCPCP là việc kết hợp lợi ích của các hội viên với lợi ích của tổ chức và của toàn xã hội.

+ Thu hút các thành viên tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Mọi TCPCP thành lập trước hết là chăm lo lợi ích của thành viên nhưng mục đích bao trùm của các tổ chức này là hoạt động vì xã hội tốt đẹp hơn.

+ Tổ chức cung ứng dịch vụ: Dịch vụ là một ngành kinh tế đang có tốc độ phát triển mạnh, hơn nữa đây là ngành đa dạng và rộng lớn, do đó nhà nước không thể quản lý hay cùng với các doanh nghiệp cung cấp tất cả các dịch vụ cần thiết cho cuộc sống con người. Không chỉ có thế cũng có ngành mà nhà nước cảm thấy không cần thiết phải trực tiếp quản lý thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, hội đảm nhận việc cung cấp các dịch vụ này, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một tăng trong xã hội.

#### ***1.1.2.2. Hình thức hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài***

- Các TCPCPNN, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân hoặc các hình thức tổ chức xã hội phi lợi nhuận khác được thành lập theo luật pháp nước ngoài và hoạt động hỗ trợ phát triển nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận và các mục đích khác tại Việt Nam.

- Các TCPCPNN là một dạng tổ chức hết sức đa dạng về cả mục tiêu quy mô tổ chức hay phương thức hoạt động và tùy thuộc vào tính chất của tổ chức thì nó có phương thức hoạt động khác nhau phù hợp với mục tiêu và điều kiện của tổ chức.

- Quy mô hoạt động của các tổ chức này thường nhỏ, hoạt động riêng rẽ, hay từng địa phương.

- Cũng có những trường hợp liên kết với nhau trong một liên hiệp hay một tổng hội để phối hợp với nhau hoạt động để đạt mục tiêu chung.

#### ***1.1.2.3. Nội dung hoạt động***

Nhà nước Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các TCPCPNN thực hiện hoạt động nhân đạo, phát triển tại Việt Nam.

Hoạt động của các TCPCP thường tập trung dưới các nội dung:

+ Tham gia vào các lĩnh vực kinh tế, thương mại với mục đích hỗ trợ những hoạt động phi lợi nhuận, trong đó các khoản lợi nhuận này được sử dụng vào việc phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động để phục vụ

rộng rãi hơn, hiệu quả hơn.

Các TCPCP được phép tổ chức thực hiện các chương trình dự án phù hợp với khả năng nhưng phải kèm theo điều kiện hoạch toán riêng các khoản chi phí lợi nhuận được tài trợ từ chính phủ.

+ Phản ánh nguyện vọng của cộng đồng xã hội. TCPCP không phải là tổ chức chính trị nên nó không được phép tham gia vào các hoạt động chính trị như tranh cử vào các cơ quan quyền lực của nhà nước.

Tuy nhiên việc tham gia thảo luận đề kiến nghị về chính sách của nhà nước là quyền và trách nhiệm của các TCPCP với tư cách là phản ánh lợi ích nguyện vọng của từng bộ phận cộng đồng xã hội.

Điều quan trọng là các TCPCP phải được phép tham gia đầy đủ vào quá trình lựa chọn, thiết kế và triển khai thực hiện các dự án.

#### ***1.1.2.4. Đặc trưng hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài***

Các TCPCPNN rất đa dạng về mục tiêu theo đuổi, hình thức tổ chức, quy mô và phương thức hoạt động. Tùy theo tính chất hoạt động, TCPCPNN có những hình thức tổ chức khác nhau: Hội, Hiệp hội, Quỹ, câu lạc bộ, Viện, Trung tâm... Quy mô tổ chức thường nhỏ, hoạt động riêng rẽ (thường không tổ chức thành hệ thống gồm các cấp).

Cũng có những trường hợp liên kết với nhau trong một TCPCP quốc tế (ví dụ tổ chức PLAN INTERNATIONAL là một TCPCP quốc tế hoạt động tại nhiều quốc gia) để phối hợp hoạt động theo một mục tiêu chung, song mỗi tổ chức thành viên có tư cách pháp nhân riêng để trực tiếp chịu sự chế tài của pháp luật. Hoạt động của các TCPCPNN thông thường tập trung dưới 2 nội dung cơ bản sau:

*Một là, viện trợ nhân đạo và hỗ trợ phát triển.* Các TCPCPNN tham gia viện trợ vào các lĩnh vực kinh tế, thương mại với mục đích hỗ trợ những hoạt động phi lợi nhuận, trong đó những khoản lợi nhuận có được từ các hoạt động này không được phép phân chia cho các cá nhân thành viên. Lợi nhuận đó được sử dụng vào việc phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động để phục vụ rộng rãi hơn, có hiệu quả hơn. Các TCPCPNN được phép tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phù hợp khả năng của từng tổ chức với điều kiện phải hạch toán riêng biệt.

*Hai là, phản ánh nguyện vọng của cộng đồng xã hội.* TCPCPNN không phải là tổ chức chính trị, không được phép tham gia vào các hoạt động chính trị như tranh cử hoặc tài trợ để vận động tranh cử cho người ứng cử vào cơ quan quyền lực của nhà nước. Tuy nhiên, việc tham gia thảo luận để kiến nghị về chính sách của nhà nước là quyền và trách nhiệm của các TCPCPNN với tư cách là phản ánh lợi ích, nguyện vọng của từng bộ phận cộng đồng xã hội.

Trong quá trình hoạt động tại Việt Nam các TCPCPNN phải theo đúng nội dung được quy định trong giấy đăng ký đã được cấp.

Quyền và trách nhiệm của TCPCPNN có Văn phòng đại diện hoặc văn phòng dự án được quy định cụ thể trong văn bản thỏa thuận khung ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### ***1.1.2.5. Chức năng của tổ chức phi chính phủ nước ngoài***

Chức năng cơ bản và dễ nhận biết nhất của các TCPCP là không ngừng đoàn kết hội viên, đại diện hội viên, thoả mãn mục tiêu mà hội viên và tổ chức khởi xướng và theo đuổi. Từ thoả mãn các nhu cầu, sở thích của hội viên, các tổ chức này lôi cuốn hội viên vào các công việc phát triển xã hội, tham gia xây dựng xã hội ngày càng một tốt đẹp hơn, góp phần cùng Nhà nước giải quyết những khó khăn về kinh tế - xã hội do chiến tranh để lại.

Do có sự phân hoá nhanh giàu nghèo trong phát triển kinh tế thị trường, các lĩnh vực hoạt động của các TCPCP đã đem lại hiệu quả lớn lao trong việc góp phần hình thành và định ra các chính sách xã hội nhằm phát huy nhân tố con người trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Do đó chức năng chủ yếu của các TCPCP nói chung và các TCPCPNN nói riêng tập trung hoạt động thông qua các chức năng: viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và nhân đạo tại Việt Nam. Các phương thức cung cấp viện trợ của các TCPCPNN bao gồm:

- Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.
- Viện trợ phi dự án (bao gồm cả cứu trợ khẩn cấp).
- Tư vấn, đào tạo, kết nối với các tổ chức chính phủ và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.



### ***1.1.2.6. Tính chất của tổ chức phi chính phủ nước ngoài***

*Thứ nhất, TCPCP mang tính xã hội.* TCPCP là tổ chức có tính xã hội bởi lẽ nó chỉ xuất hiện từ khi con người có ý thức được về sức mạnh tập thể, sức mạnh của sự hợp tác với nhau giữa các nhóm người, giữa các cộng đồng người. Nhu cầu của con người đa dạng, phong phú theo trình độ phát triển của xã hội, trình độ văn minh chung của nhân loại. Xã hội càng phát triển, dân chủ trong xã hội càng mở rộng, đời sống con người càng được nâng cao, thì tính năng động tích cực của con người càng được thúc đẩy, nhu cầu và nguyện vọng gắn bó với nhau trong một tổ chức hoà hợp tâm lý, hoà hợp lợi ích càng xuất hiện. Những tác động đó khiến cho các TCPCP vốn có tính xã hội, càng đậm nét xã hội hơn.

*Thứ hai, TCPCP mang tính tự nguyện.* Bất kỳ tổ chức nào được lập ra đều xuất phát từ sự tự nguyện của quần chúng. Lúc đầu có thể do một nhóm người có uy tín, có trình độ chuyên sâu, khả năng chuyên sâu liên quan đến mục tiêu hoạt động của hội khởi xướng, rồi sau đó quần chúng tự nguyện xin vào và cũng tự nguyện xin ra. Đây chính là một trong những sự khác biệt giữa tổ chức này với các tổ chức nhà nước.

Tính tự nguyện của TCPCP được biểu hiện trong việc lựa chọn mục tiêu, nội dung hoạt động theo nguyện vọng, sở thích, sở trường của tập thể nhân dân. Đồng thời nó còn được biểu hiện trong việc các thể nhân và pháp nhân tự giác thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức, nhiều khi không đòi hỏi một điều kiện nào trong khi thực hiện.

Tính tự nguyện của TCPCP chính là biểu hiện tính tích cực xã hội của các thành viên trong xã hội nhằm thực hiện thoả mãn những nhu cầu và lợi ích của mình. Tính chất tự nguyện, tự quản của các TCPCP bền vững tới mức độ trở thành một trong những nguyên tắc hoạt động nội bộ và hoạt động quan hệ đối ngoại của tất cả các tổ chức.

*Thứ ba, TCPCP mang tính nghề nghiệp, cộng đồng, giới và sở thích, nhân đạo.* Trên cơ sở xem xét, phân tích các loại hội riêng lẻ, nhiều nhà nghiên cứu đã tổng hợp thêm một tính chất của TCPCP là: Nghề nghiệp, cộng đồng, giới và sở thích. Tính chất này có được bởi lẽ xã hội con người, đời sống con người vô cùng phong phú và phát triển. Trình độ phát triển của xã hội loài

người nói chung, của mỗi nước nói riêng khiến cho công dân của mỗi nước có yêu cầu riêng của mình về sự trao đổi tâm lý, trao đổi bảo vệ lợi ích và có nhu cầu tập hợp, liên kết với nhau. Tính nghề nghiệp, cộng đồng, giới và sở thích nhân đạo, từ thiện còn là cơ sở để các tổ chức đặt tên, cơ sở để phân chia các loại TCPCP. Trình độ hoạt động của TCPCP càng cao, càng sâu thì việc thành lập TCPCP theo chuyên ngành, chuyên lĩnh vực, chuyên sở thích càng nhiều và càng phong phú.

*Thứ tư, TCPCP mang tính thời đại.* Nhiều nhà nghiên cứu khoa học, nhất là các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu chính trị còn thống nhất với nhau rằng ngày nay các TCPCP còn mang tính thời đại. Lý do cơ bản để họ khẳng định điều này là: ngày nay lợi ích dân tộc đang gắn chặt với lợi ích nhân loại.

Mục tiêu hoạt động của các TCPCP không đơn thuần ở mục tiêu dân tộc, phạm vi dân tộc mà còn bao hàm cả mục tiêu nhân loại, quốc tế. Do đó, phạm vi hoạt động và quan hệ không chỉ bó hẹp trong nước mà đã mở rộng ra phạm vi quốc tế. Mọi quan hệ mở rộng không phân biệt chế độ chính trị. Nhiều TCPCP còn gia nhập các TCPCP quốc tế hoặc nhận được tài trợ của các TCPCPNN .

Nhận rõ tính chất này có lợi rất nhiều về mặt QLNN, Nhà nước cần có những chế định cụ thể để các hội trong nước hoạt động hoà nhập với quốc tế nhưng không vi phạm các thông ước quốc tế, không đánh mất bản sắc dân tộc và cũng không tổn hại đến độc lập dân tộc, chủ quyền dân tộc, đặc biệt là chủ quyền chính trị, kinh tế, lãnh thổ và văn hoá dân tộc.

*Thứ năm, TCPCP mang tính không vụ lợi.* Việc thành lập các TCPCP không nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận để chia cho các thành viên. Tuy nhiên, nguyên tắc tổ chức hoạt động của TCPCP là tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí hoạt động.

Do đó, để tồn tại các TCPCP vẫn có hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật và có lợi nhuận song lợi nhuận này phải để duy trì và phát triển tổ chức theo mục đích tôn chỉ khi thành lập chứ không đem chia cho hội viên, mà để thực hiện các mục tiêu chung của hội như nhân đạo, cứu trợ, phát triển trí tuệ, hỗ trợ năng lực.

Tính chất này là tính chất đặc trưng của TCPCPNN, nó giúp ta phân biệt được TCPCPNN và các tổ chức kinh doanh. Nó giúp ta có những chính sách phù hợp để quản lý chúng.

### **1.1.3. Vai trò của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong đời sống chính trị, xã hội ở Việt Nam**

#### ***1.1.3.1. Những ảnh hưởng tích cực của tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong đời sống chính trị, xã hội ở Việt Nam***

*Thứ nhất, cung cấp hạ tầng cơ sở thiết yếu.*

Trước đây ở Việt Nam, việc sử dụng cơ sở hạ tầng - dịch vụ công đều được Nhà nước cung cấp cho xã hội theo cơ chế bao cấp qua hệ thống giá cả thấp đến mức hầu như được cho không. Nhà nước đảm bảo cho mọi người dân đều có quyền đi học và được chăm sóc sức khỏe; đầu tư không nhỏ cho việc xây dựng trường học, bệnh xá, mua trang thiết bị và tổ chức cung cấp miễn phí cho những dịch vụ này

Tuy nhiên, việc Nhà nước bao cấp đối với hầu hết các dịch vụ công trong xã hội đã vấp phải nhiều mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa khoản kinh phí bao cấp quá lớn về dịch vụ công với ngân sách nhà nước còn hết sức hạn hẹp; mâu thuẫn giữa khối lượng dịch vụ công được Nhà nước cung ứng và năng lực thực thi của bộ máy Nhà nước; mâu thuẫn giữa dân số tăng nhanh với khả năng cung ứng dịch vụ công có hạn của Nhà nước.

Những mâu thuẫn nói trên cộng với những tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực dịch vụ và việc tăng đáng kể nhu cầu sử dụng dịch vụ công ở một bộ phận dân cư có thu nhập trong xã hội đã làm cho Nhà nước không thể tiếp tục bao cấp hoàn toàn đối với các dịch vụ công. Đặc biệt, các yêu cầu về xây dựng, cải tạo và bảo trì, hiện đại hoá cơ sở hạ tầng giao thông vận tải là gánh nặng lớn cho ngân sách, nhưng trên thực tế, ngân sách chỉ có thể đáp ứng được một phần những yêu cầu này.

*Thứ hai, giải quyết các vấn đề xã hội*

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 10 năm (1993 - 2003), các TCPCPNN đã tài trợ khoảng 16.000 dự án lớn nhỏ, với giá trị giải ngân đạt mức trên 700 triệu USD. Gần đây, hàng năm giá trị viện trợ của các TCPCPNN cho Việt Nam đều đạt trên 80 triệu USD. Tính chung từ năm 1993 - 2003, tổng giá trị

tài trợ tăng khoảng 212% (40 triệu USD năm 1993 so với 85 triệu USD vào năm 2002).

Theo Báo cáo về tình hình hợp tác với các TCPCPNN tại Việt Nam giai đoạn 2003- 2013: năm 2003 số lượng các TCPCPNN là 540 tổ chức và giá trị viện trợ là 102 triệu USD đến năm 2013 số lượng các TCPCPNN đã tăng lên là 990 tổ chức và giá trị viện trợ là trên 314 triệu USD [79].

**Bảng 1.1: Số lượng các TCPCPNN và tổng giá trị viện trợ năm 2003 - 2013**

| Năm  | Số lượng tổ chức | Giá trị viện trợ (triệu USD) |
|------|------------------|------------------------------|
| 2003 | 540              | 102                          |
| 2004 | 560              | 144                          |
| 2005 | 600              | 175                          |
| 2006 | 650              | 216                          |
| 2007 | 700              | 253                          |
| 2008 | 710              | 251                          |
| 2009 | 770              | 271                          |
| 2010 | 850              | 279                          |
| 2011 | 900              | 304                          |
| 2012 | 950              | 314                          |
| 2013 | 990              | khoảng 300 (dự kiến)         |

*Nguồn: Ban điều phối viện trợ nhân dân.*

Bên cạnh những đóng góp thiết thực về viện trợ và vật chất, các TCPCPNN đã hỗ trợ các địa phương, cơ quan đối tác của Việt Nam trong các lĩnh vực đáng chú ý như giới thiệu và ứng dụng các phương pháp tiếp cận có hiệu quả trong phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo bằng những dự án thiết thực và mô hình phù hợp với các lĩnh vực và cộng đồng dân cư ở các vùng khác nhau, lồng ghép với các chương trình về xây dựng năng lực (như tín dụng, phát triển nông thôn và cộng đồng, khuyến nông, khuyến lâm...). Đặc biệt, với nội dung và phương pháp hướng vào cộng đồng, các dự án này đã

trực tiếp giúp đỡ người dân, nhất là những người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tăng cường kiến thức, khả năng tự quản lý, biết cách làm ăn trong nền kinh tế thị trường, nâng cao mức thu nhập của bản thân và cải thiện điều kiện sống của gia đình. Mặt khác, phương pháp đánh giá nhu cầu, đánh giá dự án với sự tham gia trực tiếp của cộng đồng và người dân đã có những tác động tích cực trong việc nâng cao nhận thức, năng lực của địa phương và người dân trong việc lập kế hoạch và thực hiện một số chương trình, dự án phát triển tại nông thôn. Nhiều mô hình tốt đã được xây dựng và được các ngành, địa phương và tổ chức quốc tế, phi chính phủ nước ngoài nghiên cứu và nhân rộng (mô hình tín dụng nhỏ, tự quản, quản lý y tế cộng đồng...). Mô hình phòng chống suy dinh dưỡng của một số TCPCPN đã được các tổ chức quốc tế nghiên cứu và sử dụng tại nhiều tỉnh của Việt Nam; mô hình phòng chống sốt xuất huyết tại Việt Nam đã được Tổ chức Y tế Thế giới nhân rộng tại một số nước châu Á; mô hình truyền thông và giáo dục đồng đẳng về phòng chống HIV/AIDS được đánh giá là khá hiệu quả; dự án "Hỗ trợ giáo dục và cấp mũ bảo hiểm phòng ngừa tai nạn giao thông qua cho học sinh"...

**Bảng 1.2: Đầu tư giải quyết các vấn đề xã hội của các TCPCP năm 2009**

| Lĩnh vực                      | Số dự án | Tổng cam kết (USD) | Tổng giải ngân (USD) |
|-------------------------------|----------|--------------------|----------------------|
| Phòng chống buôn bán người    | 38       | 1.465.010          | 1.335.610            |
| Người khuyết tật              | 32       | 3.055.014          | 2.878.609            |
| Khắc phục hậu quả chiến tranh | 33       | 9.299.795          | 6.783.069            |
| HIV/AIDS                      | 110      | 12.530.164         | 10.480.661           |
| Giới và bình đẳng giới        | 17       | 2.033.721          | 1.377.606            |
| Dạy nghề                      | 29       | 1.007.500          | 1.804.058            |
| Bảo trợ xã hội                | 311      | 22.293.621         | 23.862.587           |

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPN.*

Hoạt động của các TCPCP trên lĩnh vực giáo dục đào tạo vô cùng đa dạng, ở mọi loại hình từ đào tạo trí thức nâng cao, chuyên sâu cho tới các dự án dạy nghề, các dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực nói chung và hành

chính nói riêng. Hoạt động ở mọi cấp học, từ giáo dục tiểu học của tổ chức Oxfam Anh, tổ chức Trẻ em và phát triển, dự án dạy nghề song ngữ của Pháp đến bậc trung học với dự án VIE/1997 của Hà Lan, các TCPCP đã áp dụng nhiều biện pháp như trực tiếp giảng dạy trao đổi kiến thức đào tạo chuyên gia giúp Việt Nam hay cung cấp tài trợ các cơ sở kỹ thuật cho ngành giáo dục, giáo dục hòa nhập cộng đồng.

**Bảng 1.3: Đầu tư của các TCPCP trên lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2009**

| Lĩnh vực                        | Số dự án | Tổng cam kết<br>(USD) | Tổng giải ngân<br>(USD) |
|---------------------------------|----------|-----------------------|-------------------------|
| Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục | 116      | 6.952.852             | 6.318.714               |
| Tăng cường chất lượng giáo dục  | 62       | 6.061.505             | 4.573.586               |
| Học bổng                        | 114      | 2.718.711             | 2.750.566               |
| Giáo dục đặc biệt               | 35       | 1.454.182             | 900.261                 |
| Đào tạo ngoại ngữ               | 8        | 149.470               | 112.588                 |
| Đào tạo giáo viên               | 18       | 1.123.977             | 1.135.025               |
| Đào tạo ở nước ngoài            | 10       | 19.294.440            | 19.295.622              |

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPNN.*

Từ năm 1991, các TCPCPNN đã lồng ghép các chương trình giáo dục hoà nhập vào phát triển cộng đồng, thực hiện các chương trình giáo dục cho tất cả mọi người. Chương trình giáo dục cho trẻ em khuyết tật của tổ chức Ủy ban II Hà Lan (KTwee) và dự án giáo dục của tổ chức Oxfam Anh ở Hà Tĩnh đã giúp tạo lòng tin làm cho sự hợp tác này có thể thực hiện được. Hoạt động của các TCPCPNN trong Lĩnh vực giáo dục có sự trợ giúp về giáo dục tiểu học của tổ chức Oxfam Anh; tổ chức Trẻ em và Phát triển của Pháp ở tỉnh Lào Cai; hoạt động của Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (Radda Barnen). Tổ chức Plan Quốc tế, tổ chức Oxfam Anh, tổ chức Trẻ em và Phát triển của Pháp hỗ trợ giáo dục ngoài trường học. Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh (SCF/UK), Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (Radda Barnen) và Tổ chức dịch vụ cứu trợ Thiên chúa giáo (CRS) giúp giáo dục cho trẻ em khuyết tật. Gần đây, các chương

trình giáo dục cho trẻ em khuyết tật của tổ chức Kommittee Two, giúp đỡ các đối tượng này có khả năng hòa nhập vào cộng đồng và hàng loạt các dự án giáo dục của tổ chức Ice Land tại nhiều tỉnh, thành đã tạo ra hiệu quả tốt cho công tác giáo dục. Năm 2009, các TCPCP đã đầu tư 363 dự án cho giáo dục - đào tạo với tổng số vốn 37.755.147 USD. Trong 6 tháng đầu năm 2010, lĩnh vực giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế xã hội nhận được trên 21 triệu USD.

Một số tổ chức như Hợp tác quốc tế vì sự phát triển và đoàn kết (CIDSE), Bánh mì thế giới (BFDW) làm việc với các trường y, một số làm việc ở cấp cơ sở. Năm 1999, chi tiêu của các TCPCPNN cho y tế là trên 23 triệu USD. Trong đó có 15 TCPCPNN (6,8% theo số liệu của Trung tâm dữ liệu PCP) hoạt động trong lĩnh vực HIV/AIDS. Kết quả đạt được của các TCPCPNN đã nâng cao nhận thức về giáo dục HIV/AIDS ở Việt Nam thông qua việc thực hiện giáo dục cộng đồng. Chương trình giáo dục cộng đồng được coi là một mô hình phù hợp vì ngôn ngữ đơn giản tạo cho việc giáo dục HIV/AIDS dễ tiếp cận hơn bởi những người có liên quan trong những môi trường tương tự, ví dụ phụ nữ với phụ nữ, thanh niên với thanh niên. Trong 6 tháng đầu năm 2010, y tế là lĩnh vực được các TCPCPNN đầu tư nhiều nhất (trên 47 triệu USD, chiếm 34,5% tổng giá trị viện trợ giải ngân cho Việt Nam trong kỳ).

**Bảng 1.4: Đầu tư của các TCPCP trên lĩnh vực y tế năm 2009**

| <b>Lĩnh vực</b>              | <b>Số dự án</b> | <b>Tổng cam kết<br/>(USD)</b> | <b>Tổng giải ngân<br/>(USD)</b> |
|------------------------------|-----------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Xây dựng cơ sở hạ tầng y tế  | 57              | 48.599.084                    | 48.292.851                      |
| Sức khỏe sinh sản            | 52              | 3.521.215                     | 2.576.265                       |
| Nước sạch và vệ sinh         | 53              | 5.689.449                     | 4.443.075                       |
| Khám chữa bệnh miễn phí      | 80              | 6.849.972                     | 6.831.970                       |
| Giáo dục - đào tạo về y tế   | 142             | 15.168.092                    | 14.339.785                      |
| Dinh dưỡng                   | 20              | 1.338.825                     | 1.116.042                       |
| Cung cấp trang thiết bị y tế | 50              | 3.338.490                     | 3.279.903                       |

|                             |     |            |            |
|-----------------------------|-----|------------|------------|
| Chăm sóc sức khỏe cộng đồng | 202 | 21.062.395 | 20.181.006 |
|-----------------------------|-----|------------|------------|

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPNN.*

Trong lĩnh vực dinh dưỡng có 21 TCPCPNN (9,5%) hoạt động trong lĩnh vực dinh dưỡng. Các TCPCP đã lập một mạng lưới cán bộ y tế tình nguyện tập trung vào dinh dưỡng và sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đưa ra mô hình về xu hướng tích cực và hỗ trợ các Ủy ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em các tỉnh, thành phố.

Trong lĩnh vực từ thiện nhân đạo, các TCPCP tập trung vào các cuộc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp cho các vùng khó khăn, gặp thiên tai lũ lụt trong tài trợ cho các cô nhi viện, làng trẻ SOS, giúp đỡ trẻ em lang thang cơ nhỡ, người già không có nơi nương tựa, tổ chức các dự án phát triển sản xuất nhằm xóa đói giảm nghèo. Điển hình là hội chữ thập đỏ quốc tế, tổ chức trắng lưới liền đỏ quốc tế, ủng hộ từ thiện của nhà thờ Thiên chúa giáo, Tin Lành. Trong 6 tháng đầu năm 2010, các TCPCPNN đã viện trợ 24,9 triệu USD cùng Chính phủ Việt Nam giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

### *Thứ ba, khắc phục hậu quả thiên tai*

Theo thống kê của Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, năm 2006, Việt Nam đã "đón" 10 cơn bão, 4 áp thấp nhiệt đới, 9 đợt lũ quét đã làm 339 người chết, 274 người mất tích và hơn 2.000 người bị thương (trong đó những trận bão kinh hoàng nhất là Xangsane, Durian, Chanchu), thiệt hại về tài sản gần 20.000 tỷ đồng. Mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra được đánh giá ở mức cao nhất trong vòng 35 năm lại đây. Chính phủ đã phải chi gần 734 tỷ đồng hỗ trợ các địa phương bị ảnh hưởng do thiên tai và xuất kho 3.700 tấn gạo để khắc phục hậu quả.

Từ thập kỷ 90 tới nay, thiên tai có chiều hướng ngày càng khốc liệt, dữ dội và bất thường với mức độ thiệt hại ngày một gia tăng. Năm 1996 - năm được đánh giá có mức thiệt hại do thiên tai gây ra là cao nhất so với 20 năm trước đó, tổng thiệt hại do bão lũ là 700 triệu USD. Nhưng mức thiệt hại đó chỉ bằng thiệt hại do một trận bão năm 2006 gây ra. Chỉ tính từ năm 1995 đến nay, trung bình mỗi năm Việt Nam bị thiệt hại do bão lũ ước tính khoảng 1,2 tỷ USD (bằng 2% GDP cả năm).

Do vậy, giảm thiểu thiên tai là mối quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà



nước ta trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Thời gian qua, Chính phủ đã tích cực phòng chống thiên tai như dự báo sớm tình hình thiên tai; chỉ đạo chuẩn bị đối phó với thiên tai; tổ chức cứu trợ, cứu nạn sau thiên tai. Các bộ, ngành chức năng cũng đã có nhiều đề án nghiên cứu về giảm thiểu thiên tai như: "Chiến lược và chương trình hành động quốc gia giảm nhẹ thiên tai Việt Nam" (Chương trình phát triển Liên hiệp quốc và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện), "Nghiên cứu phát triển và quản lý tài nguyên nước quốc gia cho 14 lưu vực lớn của Việt Nam" (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cơ quan Hợp tác quốc tế của Nhật Bản - JICA thực hiện), "Định hướng quy hoạch lũ miền Trung" (công trình cấp Nhà nước), Dự thảo "Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020" do Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão thực hiện, đến tháng 8/2004, Chính phủ đã ban hành *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*. Trong những năm qua các TCPCP đã góp phần quan trọng trong việc tham gia khắc phục và giảm thiểu thiên tai ở Việt Nam, đồng thời phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có những chương trình, dự án phòng, chống thiên tai.

**Bảng 1.5: Đầu tư của các TCPCP trên lĩnh vực tài nguyên - môi trường năm 2009**

| Lĩnh vực                            | Số dự án | Tổng cam kết (USD) | Tổng giải ngân (USD) |
|-------------------------------------|----------|--------------------|----------------------|
| Phòng ngừa thảm họa                 | 25       | 5.063.668          | 3.752.723            |
| Giáo dục truyền thông về môi trường | 14       | 1.215.893          | 1.006.914            |
| Biến đổi khí hậu                    | 6        | 410.064            | 410.064              |
| Bảo vệ môi trường                   | 74       | 5.642.462          | 5.448.009            |
| Bảo vệ động thực vật hoang dã       | 37       | 2.989.996          | 2.875.900            |

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPNN.*

Đã có nhiều mô hình TCPCP hoạt động hiệu quả như mô hình "Quỹ Hỗ trợ thiên tai miền Trung" - một TCPCP, phi lợi nhuận, thành lập tháng

9/2008 theo sáng kiến của đại diện một số doanh nghiệp và một số nhà hảo tâm; hoạt động với mục đích tài trợ cho đồng bào các tỉnh ven biển miền Trung nhằm phòng tránh, khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai và tài trợ cho các chương trình, đề án xã hội, nhân đạo và từ thiện tại 14 tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hoá tới Bình Thuận. Quỹ đã cùng với các tỉnh xây dựng hơn 30 dự án nhà cộng đồng tránh lũ (*gồm 21 trường học, 4 trạm y tế, 7 nhà văn hoá*); xây dựng dự án trồng rừng ngập mặn và dự án trồng rừng phi lao trên cát ở ven biển.

Đối với việc phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, trong những năm qua, Liên hợp quốc tại Việt Nam đã có nhiều chương trình, dự án hỗ trợ các địa phương trong việc quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã tích cực hỗ trợ xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu với mục tiêu giải quyết cả hai mặt của biến đổi khí hậu là thích ứng và giảm nhẹ; đồng thời đưa ra định hướng hướng tới một "nền kinh tế các bon thấp". Hiện nay, sẵn sàng ứng phó, phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai là một trong những ưu tiên cao nhất trong Kế hoạch "Một Liên hợp quốc" để hợp tác với Chính phủ Việt Nam đến năm 2010. UNDP đã thành lập một nhóm điều phối chương trình thiên tai và tình trạng khẩn cấp nhằm tăng cường sự hỗ trợ đối với công tác giảm nhẹ thiên tai thông qua việc khuyến khích chia sẻ thông tin và tăng cường điều phối các nhà tài trợ. Văn phòng Điều phối Từ thiện của Liên hợp quốc và TCPCP quốc tế CARE công bố cùng với các tham vấn tại Ác-ra, Ga-na, dưới Công ước khung về Biến đổi Khí hậu của Liên hợp quốc (UNFCCC), trên cơ sở xác định Việt Nam là một trong số "điểm nóng" đặc biệt dễ bị tổn thương đối với biến đổi khí hậu (*như hạn hán khắc nghiệt, lũ và bão*) đã đưa ra những giải pháp kiến nghị đối với Việt Nam nhằm hạn chế tổn thương đối với thiên tai từ việc tăng cường năng lực cho các cơ quan chính phủ và địa phương để ứng phó với tình trạng khẩn cấp; trao quyền cho người dân địa phương để họ có tiếng nói có trọng lượng hơn trong việc phòng bị, ứng phó, khắc phục và phục hồi đến việc cung cấp các dịch vụ và bảo trợ xã hội cho các nhóm dân cư dễ tổn thương.

Ngoài ra, các TCPCPNN đã kịp thời có các dự án, chương trình hỗ trợ

các địa phương, ứng cứu kịp thời về người, lương thực, thuốc men và các điều kiện hỗ trợ khi thiên tai lũ lụt xảy ra. Trong năm 2009, các TCPCP đã viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam 40 dự án với tổng tiền là 9.091.951 USD, huy động 24 dự án tình nguyện viên (1.128.850 USD) tham gia các hoạt động hỗ trợ tại các vùng thiên tai.

Năm 2006, cơn bão Ketsana tràn qua Việt Nam khiến khoảng 160 người thiệt mạng, đã gây ra những thiệt hại đáng kể về nhà cửa, công trình công cộng và mùa màng, với khoảng 30.000 hécta lúa thu bị mất trắng. Cùng TCPCP các nước, Australia đã viện trợ Việt Nam 1 triệu AUD (khoảng 873.000 USD) để giúp khắc phục các thiệt hại về người và của do cơn bão Ketsana gây ra. Gói viện trợ này bao gồm 400.000 AUD chuyển tới Hội Chữ thập đỏ Việt Nam để cung cấp các thiết bị xử lý nước, chăn màn và vật dụng nấu ăn thiết yếu; cùng 600.000 AUD viện trợ thông qua các TCPCP của Australia đang có mặt tại Việt Nam. Năm 2007, hàng chục trận lũ dữ liên tục tàn phá miền Trung, 5 TCPCPNN gồm Plan, Đông Tây hội ngộ (EMW), CPI, LSNV và Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ (SEDA) đã hỗ trợ tỉnh Quảng Bình (địa phương bị thiệt hại nặng nhất) gần 4 triệu USD nhằm phát triển kinh tế - xã hội và khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai. Trong 10 năm (1998-2008), với nguồn vốn gần 28 triệu USD, viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã góp phần giúp Quảng Bình giải quyết những vấn đề cấp bách cho một số vùng khó khăn, thiên tai.

### ***1.1.3.2. Những ảnh hưởng tiêu cực của tổ chức phi chính phủ nước ngoài đối với đời sống chính trị, xã hội ở Việt Nam***

#### ***Thứ nhất, một số dự án triển khai chậm***

Theo Ban điều phối viện trợ nhân dân, hiện nay Việt Nam đang có mối quan hệ với 990 TCPCP quốc tế, trong số đó có 500 tổ chức có cam kết dài hạn trong việc hỗ trợ sự phát triển của Việt Nam. Đa số những tổ chức này đến từ Châu Âu, Bắc Mỹ và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mối quan tâm chủ yếu của các tổ chức này quan là việc xóa đói giảm nghèo, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông qua việc thực hiện các chương trình và dự án ở nông thôn, vùng sâu vùng xa. Mặc dù ngân sách hàng năm để tài trợ cho các dự án của NGO ở Việt Nam không quá lớn (thường chỉ dưới 20 triệu USD) song các dự án này khá ổn định, thậm chí là tăng. Năm 2008, bất chấp suy

thoái kinh tế thế giới, các TCPCP quốc tế đã hỗ trợ cho Việt Nam hơn 260 triệu USD, tăng 10 lần so với mức 20 triệu USD trong giai đoạn 1986 - 1990 (theo số liệu của PACCOM). Những con số này nếu so sánh với mức 64.1 tỉ vốn FDI, 8 tỉ vốn chuyển giao và 5.426 tỉ vốn ODA thì chỉ như giọt nước trong đại dương.

Tuy nhiên, các dự án của NGO thường lớn hơn quy mô ngân sách của nó và rất nhiều dự án chỉ có thể nhìn thấy trong dài hạn. Những dự án này trực tiếp hướng tới hỗ trợ người nghèo và người dân các dân tộc thiểu số, hầu hết là ở nông thôn, vùng núi, những người ít có điều kiện tiếp cận với các nguồn lực xã hội song có nhiều dự án thủ tục còn rườm rà gây phiền hà, phức tạp cho địa phương. Quy trình thẩm định, quá trình giải ngân viện trợ với nhiều công đoạn phức tạp đang là những cản trở làm ảnh hưởng đến hiệu quả và tác động của dự án theo mục tiêu đã định. Nhiều dự án, quá trình giải ngân chậm đã gây bức xúc cho phía đối tác tiếp nhận viện trợ.

**Bảng 1.6: Phân loại viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo tính chất đối tác năm 2009**

| Loại hình đối tác                   | Số lượng Dự án | Cam kết (USD) | Giải ngân (USD) |
|-------------------------------------|----------------|---------------|-----------------|
| Chính quyền địa phương              | 876            | 100.612.689   | 93.758.718      |
| Chưa xác định                       | 821            | 98.707.927    | 91.060.326      |
| Bộ ngành Trung ương                 | 192            | 58.119.861    | 52.944.275      |
| Tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể | 456            | 29.242.971    | 28.250.590      |
| Phi chính phủ Việt Nam              | 87             | 7.455.171     | 5.581.142       |

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPNN.*

Do quy chế hoạt động của các TCPCPNN còn chưa chặt chẽ, các tổ chức này vẫn bị lệ thuộc vào bên trợ cấp kinh phí nên có không ít trường hợp bị chi phối bởi nhà tài trợ. Trong danh mục các nhà tài trợ cho các TCPCP có chính phủ của các nước lớn, các đảng phái chính trị, các tập đoàn xuyên quốc gia với khát vọng vươn chi nhánh ra khắp toàn cầu và cả các tổ chức truyền giáo quốc tế. Mỗi nhà tài trợ như vậy đều muốn lồng ghép ý chí và lợi ích của mình vào hoạt động của các TCPCPNN khiến cho hoạt động của các tổ

chức này không còn đơn thuần là "thiện chí" và "nhân đạo". Chính vì thế, khi vào Việt Nam, một số TCPCPNN đã đưa ra những yêu sách không mấy phù hợp với mục tiêu mà họ theo đuổi, cũng như chưa thật sát với đối tượng của hoạt động cứu trợ hay trợ giúp nhân đạo (điều này thường xảy ra với các TCPCPNN "tôn giáo" hay "nhân quyền").

*Thứ hai, mất cân đối giữa các vùng, lĩnh vực*

Bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động của các TCPCP đã tạo ra sự mất cân đối giữa các vùng, lĩnh vực. Trên thực tế, những vùng thuận lợi về địa lý, giao thông là địa bàn thường nhận được nhiều viện trợ (Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, Đông Bắc bộ), trong khi đó những vùng còn nhiều khó khăn (Tây Nam bộ, Tây Bắc, Tây Nguyên) lại là những địa bàn ít nhận được viện trợ hoặc chỉ dừng ở mức khiêm tốn. Điều này một lần nữa đã tạo ra sự mất cân đối giữa các vùng trên bình diện chung về kinh tế, xã hội. Khoảng cách giữa khu vực đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa ngày càng khó để thu hẹp. Những địa bàn nhận được nhiều viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2010 là đồng bằng sông Hồng (trên 28,2 triệu USD), Bắc Trung Bộ (trên 19,7 triệu USD) và miền núi phía Bắc (18,1 triệu USD). Viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Tây Nam Bộ và Tây Nguyên vẫn chỉ dừng lại ở mức 6 triệu và 3,7 triệu USD. Các khoản viện trợ này được triển khai chủ yếu thông qua chính quyền địa phương và các bộ ngành trung ương (khoảng 115,4 triệu USD, chiếm 83,3% tổng giá trị giải ngân). Viện trợ phi chính phủ nước ngoài do các TCPCP Việt Nam triển khai trực tiếp đạt 4,2 triệu USD, chiếm 5,8%.

***Bảng 1.7: Viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo khu vực địa lý năm 2009***

| Tỉnh                | Số lượng dự án | % Dự án | Cam kết (USD) | % Cam kết | Giải ngân (USD) | % Giải ngân |
|---------------------|----------------|---------|---------------|-----------|-----------------|-------------|
| Nhiều vùng          | 216            | 8.9     | 74.216.197    | 25        | 66.555.787      | 25          |
| Đồng bằng sông Hồng | 524            | 22      | 64.442.655    | 22        | 61.231.481      | 23          |

|              |     |     |            |     |            |     |
|--------------|-----|-----|------------|-----|------------|-----|
| Bắc Trung bộ | 315 | 13  | 40.759.599 | 14  | 35.494.362 | 13  |
| Đông Bắc bộ  | 350 | 14  | 34.617.907 | 12  | 30.366.106 | 11  |
| Nam Trung bộ | 343 | 14  | 31.080.163 | 11  | 26.744.844 | 9.8 |
| Tây Nam bộ   | 283 | 12  | 17.196.212 | 5.8 | 17.641.848 | 6.5 |
| Đông Nam bộ  | 241 | 9.9 | 15.476.270 | 5.3 | 17.461.148 | 6.4 |
| Tây Bắc bộ   | 95  | 3.9 | 11.035.405 | 3.8 | 9.985.571  | 3.7 |
| Tây Nguyên   | 65  | 2.7 | 5.314.211  | 1.8 | 6.113.904  | 2.3 |

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPNN.*

Bên cạnh đó, các dự án viện trợ chủ yếu trên lĩnh vực giáo dục và y tế trong quá trình tiếp nhận và triển khai các nguồn lực hỗ trợ của các TCPCPNN đã hình thành hai khu vực: Khu vực sự nghiệp chung và khu vực tư nhân thuộc các loại hình phi chính phủ khác nhau.

Một là, khu vực sự nghiệp chung do các cơ quan nhà nước đảm nhiệm. Trong xu thế của CCHC, các sản phẩm dịch vụ có sự thay đổi theo hướng nâng cao chất lượng nhưng không đồng đều ở các đơn vị, ở các ngành. Mặt khác, khách hàng là người dân phải chi phí các khoản ngoài danh mục và cao hơn nhiều lần quy định của Nhà nước (như ở bệnh viện, trường học). Người dân cảm thấy tính ưu việt của chế độ, bản chất tốt đẹp của Nhà nước dường như bị xâm hại. Sự tín nhiệm, lòng tin tưởng vào các cơ sở của Nhà nước, các đơn vị công lập ở nhiều nơi bị suy giảm.

***Bảng 1.8: Viện trợ của các TCPCPNN theo lĩnh vực năm 2009***

| Lĩnh vực                     | Số dự án | Tổng cam kết (USD) | Tổng giải ngân (USD) |
|------------------------------|----------|--------------------|----------------------|
| Y tế                         | 656      | 105.567.522        | 101.060.897          |
| Tài nguyên - Môi trường      | 156      | 15.322.083         | 13.493.610           |
| Quản trị - Nhà nước          | 99       | 7.886.583          | 5.347.701            |
| Phát triển kinh tế - xã hội  | 453      | 60.073.828         | 51.199.684           |
| Giải quyết các vấn đề xã hội | 570      | 51.684.825         | 48.522.200           |

| Lĩnh vực           | Số dự án | Tổng cam kết (USD) | Tổng giải ngân (USD) |
|--------------------|----------|--------------------|----------------------|
| Giáo dục - Đào tạo | 363      | 37.755.147         | 38.149.362           |
| Các lĩnh vực khác  | 135      | 15.848.631         | 13.821.597           |

*Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPN.*

Hai là, một số tổ chức và cá nhân thực hiện việc cung ứng các dịch vụ công về sự nghiệp theo quy định của pháp luật. Loại hình tổ chức và hoạt động mới này đã góp phần vào việc giảm tải các loại hình dịch vụ công (các cơ sở giáo dục, đào tạo, các cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước), đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Thực hiện các quy định của pháp luật, các cơ sở này đã căn bản đáp ứng được mối quan hệ giữa người dân là "khách hàng" với cơ sở cung ứng dịch vụ theo tinh thần thoả thuận theo quy định của Nhà nước. Mô hình này đã có những ưu điểm nhất định, song cần phải có thêm thời gian để đánh giá loại hình dịch vụ này.

*Thứ ba, một số tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động sai mục đích, can thiệp không lành mạnh vào lĩnh vực chính trị, tôn giáo, nhân quyền*

Thông qua hoạt động của mình, các TCPCPN góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng quan hệ hữu nghị của nhân dân và đối tác các nước về Việt Nam, góp phần đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, áp đặt chống Việt Nam. Nhiều tổ chức trực tiếp lên tiếng ủng hộ Việt Nam trong các vấn đề dân chủ, nhân quyền, phản đối dự luật nhân quyền tại Mỹ và các nước phương Tây, phản đối việc Mỹ đưa Việt Nam vào "Danh sách các nước quan tâm đặc biệt" (CPC) về tôn giáo, phản đối việc chính quyền một số bang của Mỹ công nhận cờ ba sọc; lên tiếng bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nông dân Việt Nam trong vấn đề thương mại công bằng với Liên minh châu Âu và Mỹ; kêu gọi Mỹ dành cho Việt Nam được hưởng Qui chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR), ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO; nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp, các nhà sản xuất để nâng cao sự hiểu biết về các luật lệ quốc tế và tăng cường tính cạnh tranh khi tham gia thị trường thế giới.

Tuy nhiên, cùng với việc phát triển quan hệ với Việt Nam, Liên hợp quốc, các thiết chế tài chính quốc tế, tổ chức liên chính phủ và khu vực, chính

phủ các nước phương Tây và các TCPCPNN đều muốn thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức "xã hội dân sự" tại Việt Nam, đặc biệt các TCPCPNN muốn thành lập các TCPCP tương ứng ở Việt Nam hoặc chuyển đổi các tổ chức của họ thành các tổ chức của Việt Nam thông qua việc đào tạo nhân lực, cung cấp tài chính, hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các mục tiêu của họ. Xu hướng phát triển của "xã hội dân sự" là để các tổ chức xã hội dân sự ngày càng tham gia nhiều hơn vào việc cung cấp các dịch vụ xã hội. Đây là một quy luật phát triển tiến bộ, tuy nhiên nếu để xã hội dân sự phát triển tự phát, thiếu sự quản lý của nhà nước và có sự can thiệp của bên ngoài sẽ rất dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng vì những mục đích khác. Các TCPCPNN nhận tiền tài trợ của chính phủ các nước phải đảm bảo các điều kiện kèm theo, chịu ảnh hưởng nhất định về chính sách và chỉ đạo của các chính phủ. Đây là một kênh có thể bị lợi dụng để phục vụ mục đích thu thập thông tin, gây ảnh hưởng, hoặc tác động vào đội ngũ cán bộ của ta.

Chủ trương chung của các TCPCPNN có gốc tôn giáo hay do giáo hội lập ra là phát triển đạo hoặc truyền bá hình ảnh của tôn giáo tại các nước có chương trình viện trợ. Một mặt, vẫn tiếp tục thực hiện các chương trình nhân đạo và phát triển, mặt khác họ muốn xây dựng và phát triển các tổ chức tôn giáo tương ứng tại các nước đó và dần dần trở thành tác nhân liên hệ giữa các nhà thờ, tổ chức tôn giáo trong nước và chính phủ. Có tổ chức đã thể hiện rõ ý đồ muốn thiết lập quan hệ về tôn giáo chính thức với Việt Nam và sẵn sàng giúp xây dựng nhà thờ, đào tạo mục sư nếu phía Việt Nam chấp thuận và có nhu cầu.

Một số TCPCPNN tài trợ cho các dự án tác động vào kiến trúc thượng tầng, tài trợ cho các dự án về xây dựng pháp luật và cải cách tư pháp, hành chính như: nâng cao hiệu quả và năng lực các đại biểu quốc hội và các đại biểu dân cử, nâng cao năng lực cán bộ địa phương, hỗ trợ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hướng dẫn quyền công dân, nghiên cứu vấn đề tham nhũng và những giải pháp chống tham nhũng ở Việt Nam; truyền bá tiêu chuẩn, văn hoá, dân chủ Mỹ. Những dạng dự án này nếu không quản lý tốt thông tin, quản lý việc sử dụng kết quả nghiên cứu có thể gây tác động ngược chiều. Các tổ chức, cơ quan của ta tiếp nhận các dự án này nếu không đủ mạnh và bản lĩnh có thể cho ra những sản phẩm lệch lạc liên quan tới chính sách do áp dụng các kinh nghiệm máy móc của phương Tây.



Một số TCPCPNN hoạt động trên địa bàn nhạy cảm tại Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam Bộ, nhất là ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc đã có chương trình nghị sự riêng nhằm mục đích thông qua các hoạt động viện trợ không hoàn lại có thể tác động vào tư tưởng của quần chúng, tạo ảnh hưởng với nhân dân, với cán bộ chính quyền địa phương.

Trong thời gian gần đây, hoạt động của các TCPCPNN có liên quan tới an ninh quốc gia có điểm mới cần đặc biệt quan tâm. Từ cuối năm 2005 tới nay, một số TCPCP của Mỹ có liên quan đến hoạt động lật đổ, trực tiếp hỗ trợ và tiếp tay cho các "cuộc cách mạng sắc màu" tại một số nước trên thế giới đã vào Việt Nam, tiếp cận và đề nghị gặp gỡ một số cơ quan, tổ chức của ta như Quỹ Dân chủ quốc gia (National Endowment for Democracy - NED) và Viện dân chủ quốc gia (National Democratic Institute - NDI), gần đây là Viện cộng hoà quốc tế (International Republic Institute - IRI).

Một số TCPCPNN cố tình can thiệp vào các lĩnh vực chính trị, nhân quyền, tôn giáo ở Việt Nam như: Tổ chức theo dõi nhân quyền (Human Rights Watch), từ năm 1997-2007 đã công khai tài trợ tiền cho một số đối tượng chống đối cực đoan ở Việt Nam, kích động số này lợi dụng chiêu bài "dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận" hoạt động chống phá Nhà nước Việt Nam. Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH) cùng 12 TCPCP quốc tế khác, ngày 23.4.2007 đã phát hành bản Phúc trình quốc tế tố cáo Hà Nội chà đạp nhân quyền và đề ra 8 yêu sách dân chủ hóa Việt Nam. Tổ chức Freedom House, năm 2008 đã công bố báo cáo về nhân quyền, trong đó Việt Nam được kể đến với tình trạng đàn áp, xâm phạm nhân quyền tột độ nhất. Tại Hội nghị lần thứ 37 (từ ngày 6 đến 10.4.2010), 164 tổ chức thành viên của Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (với hầu hết các TCPCP quốc tế hoạt động trên lĩnh vực nhân quyền) đã thông qua bản Quyết nghị khẩn tố cáo Việt Nam đàn áp nhân quyền, yêu cầu Việt Nam ban bố tự do báo chí, tự do thành lập công đoàn độc lập, cũng như các TCPCP với quy chế tự do; kêu gọi cộng đồng thế giới cứng rắn trên vấn đề nhân quyền khi trao đổi các quan hệ ngoại giao và doanh thương với Việt Nam.

## **1.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

### **1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quản lý nhà nước**

### **1.2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước**

Để nghiên cứu khái niệm quản lý nhà nước, trước hết cần làm rõ khái niệm “*quản lý*”. Thuật ngữ “*quản lý*” thường được hiểu theo những cách khác nhau tùy theo góc độ khoa học khác nhau cũng như cách tiếp cận của người nghiên cứu. Quản lý là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Mỗi lĩnh vực khoa học có định nghĩa về quản lý dưới góc độ riêng của mình và nó phát triển ngày càng sâu rộng trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

Theo quan niệm của các nhà khoa học nghiên cứu về quản lý hiện nay: Quản lý là sự tác động chỉ huy, điều khiển các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để chúng phát triển phù hợp với quy luật, đạt tới mục đích đã đề ra và đúng với ý trí của người quản lý.

Theo cách hiểu này thì quản lý là việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động của xã hội nhằm đạt được một mục đích của người quản lý. Theo cách tiếp cận này, quản lý đã nói rõ lên cách thức quản lý và mục đích quản lý.

Như vậy, theo cách hiểu chung nhất thì quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý. Việc tác động theo cách nào còn tùy thuộc vào các góc độ khoa học khác nhau, các lĩnh vực khác nhau cũng như cách tiếp cận của người nghiên cứu.

Quản lý nhà nước:

Theo Giáo trình quản lý hành chính nhà nước: “Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc XHCN” [38, tr.407].

Như vậy, quản lý nhà nước là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội. quản lý nhà nước được hiểu theo hai nghĩa.

Theo nghĩa rộng: quản lý nhà nước là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, từ hoạt động lập pháp, hoạt động hành pháp, đến hoạt động tư pháp.

Theo nghĩa hẹp: quản lý nhà nước chỉ bao gồm hoạt động hành pháp.

Quản lý nhà nước được đề cập trong đề tài này là khái niệm quản lý nhà nước theo nghĩa rộng; quản lý nhà nước bao gồm toàn bộ các hoạt động từ ban hành các văn bản luật, các văn bản mang tính luật đến việc chỉ đạo trực tiếp hoạt động của đối tượng bị quản lý và vấn đề tư pháp đối với đối tượng quản lý cần thiết của Nhà nước. Hoạt động quản lý nhà nước chủ yếu và trước hết được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước, song có thể các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trực tiếp thực hiện nếu được nhà nước uỷ quyền, trao quyền thực hiện chức năng của nhà nước theo quy định của pháp luật.

#### **1.2.1.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước**

Từ khái niệm trên về quản lý nhà nước ta rút ra các đặc điểm của quản lý nhà nước như sau:

Quản lý nhà nước mang tính quyền lực đặc biệt, tính tổ chức cao và tính mệnh lệnh đơn phương của nhà nước. Quản lý nhà nước được thiết lập trên cơ sở mối quan hệ “*quyền uy*” và “*sự phục tùng*”.

Quản lý nhà nước mang tính tổ chức và điều chỉnh. Tổ chức ở đây được hiểu như một khoa học về việc thiết lập những mối quan hệ giữa con người với con người nhằm thực hiện quá trình quản lý xã hội. Tính điều chỉnh được hiểu là nhà nước dựa vào các công cụ pháp luật để buộc đối tượng bị quản lý phải thực hiện theo quy luật xã hội khách quan nhằm đạt được sự cân bằng trong xã hội.

Quản lý nhà nước mang tính khoa học, tính kế hoạch. Đặc trưng này đòi hỏi nhà nước phải tổ chức các hoạt động quản lý của mình lên đối tượng quản lý phải có một chương trình nhất quán, cụ thể và theo những kế hoạch được vạch ra từ trước trên cơ sở nghiên cứu một cách khoa học.

Quản lý nhà nước là những tác động mang tính liên tục, và ổn định lên các quá trình xã hội và hệ thống các hành vi xã hội. Cùng với sự vận động biến đổi của đối tượng quản lý, hoạt động quản lý nhà nước phải diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị gián đoạn. Các quyết định của nhà nước phải có tính ổn định, không được thay đổi quá nhanh. Việc ổn định của các quyết định của nhà nước giúp cho các chủ thể quản lý có điều kiện kiện toàn hoạt động của mình và hệ thống hành vi xã hội được ổn định.

### **1.2.1.3. Cơ cấu hệ thống và các yếu tố tạo nên hoạt động quản lý nhà nước**

Cơ cấu, hệ thống quản lý nhà nước bao gồm các yếu tố sau đây tạo thành: chủ thể quản lý, đối tượng quản lý và mối quan hệ giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý trong quá trình quản lý.

Chủ thể quản lý nhà nước được xác định theo vùng lãnh thổ trên cơ sở hình thành các đơn vị hành chính và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau theo quy định của pháp luật. Hệ thống quản lý nhà nước được xây dựng theo hệ thống chức năng chiều dọc, tạo ra cơ cấu quản lý phù hợp với chức năng quản lý của từng lĩnh vực theo các cơ quan nhà nước và theo ngành. Hệ thống quản lý nhà nước là một tập hợp các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội được nhà nước uỷ quyền. Trong các cơ quan tổ chức đó, cán bộ, công chức nhà nước được xác định cụ thể về quyền và nghĩa vụ.

Xác định đối tượng quản lý nhà nước giúp cho ta trả lời câu hỏi “*quản lý ai*” và suy cho cùng đối tượng quản lý nhà nước chính là con người, hay cụ thể hơn là hành vi con người trong xã hội. Căn cứ vào các tiêu chí khác nhau có thể phân chia đối tượng quản lý nhà nước ra nhiều loại, như các cấp độ đối tượng quản lý (con người, tập thể, toàn bộ hệ thống tổ chức).

Trong quản lý nhà nước cần làm rõ khách thể của quản lý nhà nước. Khách thể của quản lý nhà nước chính là hệ thống các hành vi, hoạt động của con người, các tổ chức con người trong cuộc sống xã hội, là hệ thống trong đó bao trùm các lĩnh vực sản xuất và tái sản xuất các giá trị vật chất và tinh thần cũng như các điều kiện sống của con người trong xã hội. Có thể chia khách thể của quản lý nhà nước theo các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Để xem xét được mối quan hệ giữa chủ thể quản lý, đối tượng quản lý và khách thể quản lý cần xem xét mối quan hệ này trong từng lĩnh vực cụ thể.

Các yếu tố tạo nên hoạt động của quản lý nhà nước: Mục đích nhiệm vụ của quản lý nhà nước; phương pháp quản lý nhà nước và chương trình quản lý nhà nước.

Mục đích, nhiệm vụ của quản lý nhà nước là mục tiêu hướng tới của chủ thể quản lý đối với đối tượng bị quản lý.

Phương pháp quản lý nhà nước là phương thức, cách thức mà chủ thể quản lý tác động lên khách thể quản lý (hành vi, đối tượng quản lý) nhằm đạt được những mục đích quản lý. Phương pháp quản lý nhà nước thể hiện ý chí của nhà nước, nó phản ánh thẩm quyền của các cơ quan nhà nước và được biểu hiện dưới những hình thức nhất định. Các phương pháp quản lý trong hoạt động quản lý nhà nước là: thuyết phục, cưỡng chế, hành chính, kinh tế, theo dõi, kiểm tra; ngoài ra còn những phương pháp riêng áp dụng trong quá trình thực hiện những chức năng riêng biệt hoặc những khâu những giai đoạn riêng biệt của quá trình quản lý.

Chương trình quản lý được diễn ra kế tiếp nhau theo trình tự thời gian tương ứng với việc giải quyết một số nội dung trong quản lý như: đánh giá tình hình các vấn đề cần giải quyết; chuẩn bị dự thảo quyết định; thông qua quyết định; ban hành quyết định; tổ chức thực hiện quyết định và kiểm tra đánh giá thực hiện các quyết định.

Tóm lại, quản lý nhà nước phụ thuộc vào các yếu tố nội tại trong nó. Muốn đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước thì cần phải phân tích cơ cấu quản lý tạo nên hoạt động quản lý và sự tác động của từng yếu tố đó đến hoạt động quản lý.

## **1.2.2. Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam**

### ***1.2.2.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về tổ chức phi chính phủ***

Đối với các TCPCP trong và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam, Quan điểm, Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là nhất quán thông qua các văn bản chính thức của Đảng và Nhà nước, thể hiện rõ lập trường và quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong một số quan điểm cơ bản sau đây.

- Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước;
- Mở rộng tăng cường hợp tác với các tổ chức chính phủ;
- Thực hiện dân chủ;
- Tôn trọng và bảo đảm lợi ích chính đáng của các tổ chức nhân dân;
- Đa dạng các hình thức tập hợp nhân dân;
- Hoàn thiện thể chế, tăng cường quản lý, kiểm tra của Nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ;

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân;
- Tăng cường công tác dân vận của chính quyền;
- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

#### ***1.2.2.2. Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ***

Quản lý nhà nước đối với các TCPCP cần phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

##### ***Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ***

Đảng đã xác định đây là đây vừa là nguyên tắc cơ bản vừa là cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội trong đó có quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài. Nguyên tắc này đòi hỏi sự quản lý của Nhà nước phải coi trọng vai trò làm chủ của nhân dân, đồng thời khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, cũng là khẳng định định hướng XHCN. Cụ thể, nguyên tắc này yêu cầu: quản lý các TCPCPNN trước hết phải đảm bảo đúng đường lối, chính sách chỉ đạo của Đảng về đối ngoại nói chung và đối ngoại nhân dân nói riêng; phải đảm bảo sự quản lý thống nhất, ở tầm vĩ mô và chiến lược của Nhà nước; phải đảm bảo sao cho tất cả vì nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân, phải tăng cường sự tham gia của nhân dân vào công tác quản lý, để người dân không chỉ đơn thuần là đối tượng nhận viện trợ mà trở thành một bên đối tác trong cơ chế hợp tác ba bên: chính quyền - nhân dân - các TCPCPNN.

##### ▪ ***Nguyên tắc tập trung dân chủ***

Đây là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc. Tập trung và dân chủ là một thể thống nhất, không đối lập, không hạn chế nhau, theo đó Nhà nước giữ quyền thống nhất quản lý những vấn đề lớn, mang tính chiến lược, cơ bản trao cho Trung ương, đồng thời giao quyền hạn và trách nhiệm giải quyết các vấn đề cụ thể cho các bộ, ngành và địa phương để phát huy tính sáng tạo, chủ động và linh hoạt của các cấp, các ngành, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Tập trung là để tránh buông lỏng, thả nổi quản lý dẫn đến các hiện tượng tự do chủ nghĩa, vô chính phủ; dân chủ là để tránh thâm tóm quyền lực dẫn đến độc quyền, độc tài.

- *Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ*

Nguyên tắc này đòi hỏi các lĩnh vực có sự tham dự của các TCPCPNN thì quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ phải phối hợp, gắn bó với nhau. Các bộ ngành và các địa phương có trách nhiệm chung trong việc hoàn thành nhiệm vụ quản lý mà Nhà nước giao cho từng bộ, ngành cũng như cho từng địa phương để đạt được mục đích quản lý chung. Giữ vững nguyên tắc này là đảm bảo tính hệ thống thứ bậc trên dưới của bộ máy nhà nước, đảm bảo được sự thống nhất giữa cơ cấu ngành với cơ cấu lãnh thổ.

- *Nguyên tắc tăng cường pháp chế XHCN*

Nguyên tắc này đòi hỏi việc quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài phải dựa trên cơ sở pháp luật của Nhà nước, không cho phép các cơ quan quản lý của Nhà nước thực hiện việc quản lý một cách tùy tiện, theo cảm tính, theo ý muốn chủ quan. Để thực hiện tốt nguyên tắc này phải đảm bảo 3 điều kiện; thứ nhất, phải xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về phi chính phủ nước ngoài nói riêng; thứ hai, phải giáo dục pháp luật, tăng cường nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật cho cả các TCPCPNN và người dân; và thứ ba, xử lý nghiêm minh mọi vi phạm dù là của phía Việt Nam hay của phía nước ngoài theo đúng những quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế.

- *Nguyên tắc công khai, minh bạch*

Tổ chức hoạt động của Nhà nước phải công khai, minh bạch. Các chính sách, quy định của Nhà nước phải được công khai cho dân biết cũng như cho các TCPCPNN biết. Nguyên tắc này lại càng đặc biệt quan trọng bởi quản lý các TCPCP có liên quan rất nhiều đến quản lý tiền, hàng viện trợ và một số quyền lợi kinh tế.

Để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với TCPCP ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung như trên, cần phải chú trọng một số nguyên tắc sau:

- Nhà nước quản lý các TCPCP theo luật định, quyền lực quản lý của Nhà nước đối với các TCPCP là thống nhất, có sự phân công phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Nhà nước các cấp;

- Bảo đảm, bảo vệ tự do, quyền lợi ích hợp pháp của công dân; giữ gìn kỷ cương xã hội và xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật;

- Bảo đảm và phát huy tính tự nguyện, tự quản, tự chủ, tự trang trải, tự chịu trách nhiệm của TCPCP trong khuôn khổ pháp luật;

- Đổi mới tăng cường hoạt động QLNN phải tiến hành song song với việc phát triển tổ chức và hoạt động của các TCPCP, phù hợp với lợi ích quốc gia và thông lệ quốc tế.

### **1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam**

#### **1.2.3.1. Quản lý về tổ chức của các TCPCPNN tại Việt Nam**

- *Quản lý việc xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại giấy phép.*

+ *Quy định cơ quan có thẩm quyền xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại giấy phép.*

+ *Quy định điều kiện để được xét cấp giấy phép và thủ tục xin cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy phép.*

+ *Quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan QLNN với TCPCPNN trong việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy phép.*

- *Quản lý viện trợ các TCPCPNN.*

#### **1.2.3.2. Phương thức quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN tại Việt Nam**

- Nhà nước quản lý theo pháp luật và bằng pháp luật.

- Quản lý các TCPCP bằng hệ thống chính sách.

- Quản lý TCPCP bằng hệ thống tổ chức bộ máy.

- Quản lý TCPCP bằng kiểm tra, giám sát.

- Quản lý TCPCP bằng tổng kết, đánh giá.

#### **1.2.3.3. Sự phân cấp quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN tại Việt Nam**

##### **a) Đối với Trung ương**

- Quốc hội: Ban hành các văn bản pháp luật quy định về tổ chức hoạt động và quản lý TCPCP; quy định công tác quản lý về mặt Nhà nước...nhằm tạo hành lang pháp lý cho các TCPCP.

- Chính phủ:

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết những văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành.



+ Ban hành các văn bản quy định những chính sách ưu đãi và tạo điều kiện hỗ trợ đảm bảo sự hoạt động cho các TCPCP.

+ Chính phủ thống nhất QLNN về mọi nguồn viện trợ của các TCPCPNN, điều phối, giám sát để đảm bảo sử dụng nguồn viện trợ đúng mục đích và có hiệu quả.

+ Chỉ đạo các cơ quan chức năng của chính phủ và các cấp, các ngành thực hiện tốt nhiệm vụ QLNN theo thẩm quyền chính phủ phân công, phân cấp.

- Ban Đối ngoại TW hướng dẫn các cấp Ủy ban và các tổ chức Đảng về quy chế quản lý đối với các Hội và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đó.

- Ban cán sự Đảng, Chính phủ chỉ đạo việc dự thảo luật về Hội trình Quốc hội thông qua.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ngành chuyên môn quản lý theo lĩnh vực, quyền hạn trách nhiệm, nhiệm vụ của mình.

Cụ thể như sau:

*\* Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao:*

Là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các TCPCPNN

+ Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN .

+ Thực hiện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN .

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ phân công.

*\* Trách nhiệm của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN*

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giải quyết những vấn đề liên quan đến các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Chủ trì công tác thẩm định đối với các TCPCPNN thông qua các cơ quan thành viên Ủy ban để chuyển hồ sơ cho Bộ Ngoại giao xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động của TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động của TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Định kỳ thông báo cho các Bộ, ngành, địa phương về các TCPCPNN đăng ký hoạt động trong lĩnh vực và địa bàn liên quan với các Bộ, ngành, địa phương.

+ Phổ biến, cung cấp thông tin liên quan tới hoạt động phi chính phủ nước ngoài tới các cơ quan đối tác Việt Nam và TCPCPNN .

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân công và theo quy định của pháp luật.

*\* Trách nhiệm của các cơ quan có đại diện là thành viên Ủy ban Công tác về các TCPCPNN*

+ Văn phòng Chính phủ:

- Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo công tác QLNN đối với hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Bộ Nội vụ: chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan tới quan hệ giữa các TCPCP trong nước, các hội với các TCPCPNN .

+ Bộ Công an: chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan tới an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư: chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan tới việc QLNN đối với viện trợ của các TCPCPNN tại Việt Nam.

+ Bộ Tài chính: chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến QLNN về tài chính đối với viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

+ Ban Tôn giáo Chính phủ: chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan

đến tôn giáo trong hoạt động của các TCPCPNN .

+ Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam: chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; là Cơ quan thường trực của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN .

*\* Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương*

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các TCPCPNN hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi QLNN của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

+ Tổng hợp tình hình hoạt động của TCPCPNN có hợp tác trực tiếp với ngành, gửi Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài 6 (sáu) tháng một lần hoặc khi được yêu cầu, để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

+ Xác định một đơn vị trực thuộc phù hợp làm đầu mối trong quan hệ và quản lý hoạt động của các TCPCPNN thuộc phạm vi QLNN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

*b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW :*

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các TCPCP nước ngoài hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Phối hợp với Ủy ban Công tác về các TCPCPNN trong việc xem xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký.

+ Tổng hợp tình hình hoạt động của TCPCPNN trên địa bàn, gửi Ủy ban Công tác về các TCPCPNN sáu tháng một lần hoặc khi được yêu cầu, để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

+ Xác định một đơn vị trực thuộc phù hợp làm đầu mối trong quan hệ và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại địa phương.

*c) Đối với thành phố Hà Nội*

*\* Quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN ở Hà Nội*

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, UBND thành phố Hà Nội phân công nhiệm vụ như sau:

+ Sở Ngoại vụ Hà Nội là cơ quan đầu mối quản lý, hướng dẫn hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố, tham mưu cho UBND Thành

phổ về việc cho phép các TCPCPNN được đặt trụ sở ở Hà Nội.

Là cơ quan cho phép những cá nhân người nước ngoài thuộc TCPCP đến làm việc với các đối tác của Thành phố.

Là cơ quan tham gia ý kiến đối với các cơ quan có liên quan trong việc cấp giấy đăng ký, gia hạn, sửa đổi và bổ sung giấy đăng ký của các TCPCPNN.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho UBND Thành phố thẩm định, trình phê duyệt các dự án do các TCPCPNN tài trợ.

Là đầu mối về công tác vận động viện trợ các TCPCPNN .

+ Công An Thành phố: chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh, làm thủ tục xuất nhập cảnh cho các cá nhân, TCPCPNN hoạt động trên địa bàn Thành phố.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương này, luận án đã hệ thống hóa các văn bản, tài liệu, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến luận án, trên cơ sở đó đã trình bày, phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn về QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam. Tại mục 1.1, Cơ sở lý luận về TCPCPNN, mục này đã phân tích và làm rõ khái niệm, các hình thức phân loại của các TCPCPNN, nhiệm vụ và nội dung, hình thức, đặc điểm, chức năng, tính chất và vai trò của TCPCPNN nói chung và đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói riêng. Mục 1.2, Công tác quản lý Nhà nước đối với các TCPCPNN, mục này đã phân tích một cách hệ thống từ khái niệm, đặc điểm, cơ cấu quản lý nhà nước nói chung, từ đó phân tích sâu nội hàm về công tác QLNN đối với các TCPCP nói chung và TCPCPNN nói riêng ở Việt Nam, trong đó đi sâu vào ba vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước về tổ chức, phương thức QLNN và sự phân cấp QLNN đối với các TCPCPNN... Với các nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn của Chương 1 sẽ là cơ sở để đánh giá thực trạng hoạt động và công tác QLNN của Hà Nội đối với các TCPCPNN hoạt động ở thành phố Hà Nội trong những năm qua.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI

#### 2.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

##### 2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của Hà Nội

###### 2.1.1.1. Đặc điểm

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật và một số trung tâm lớn về kinh tế, giáo dục quốc tế của cả nước; là nơi đặt trụ sở Đại sứ quán của tất cả các nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức và đầy đủ với nước ta, nơi Liên hiệp quốc, các tổ chức kinh tế, ngân hàng, công ty và doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở, cơ quan đại diện và văn phòng giao dịch.

Từ đặc điểm, vị trí của Hà Nội nêu trên, các thế lực thù địch coi đây là địa bàn chiến lược trọng yếu, có tầm quan trọng và quyết định, nếu như thâm nhập được vào Hà Nội, thì sẽ ảnh hưởng và có sức lan toả, gây hại trên diện rộng, trước hết là ở các thành phố, đô thị lớn. Hoạt động của các TCPCPNN tại Hà Nội cũng vậy, có sức lan toả trên phạm vi cả nước.

###### 2.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Kinh tế Thủ đô tiếp tục phát triển tích cực, đúng hướng, duy trì mức tăng trưởng khá. GRDP bình quân 5 năm (2011 - 2015) dự kiến tăng 9,25%. Quy mô GRDP năm 2015 ước đạt 381.355 tỷ đồng; gấp 1,55 lần so với năm 2010. Thu nhập tính theo GRDP tăng lên, năm 2015 ước đạt 75-77 triệu đồng/người; bằng 1,73 - 1,78 lần năm 2010. Cơ cấu ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp:

*Ngành dịch vụ duy trì tốc độ tăng trưởng cao nhất*, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GRDP của thành phố. Bình quân giai đoạn 2011 - 2015, giá trị gia tăng ngành dịch vụ ước tăng 9,6%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu giai đoạn 2011 - 2015 tiếp tục tăng trưởng: xuất khẩu ước tăng bình quân 8,1%/năm, trong đó xuất khẩu địa

phương dự kiến tăng 9,6%/năm. Cơ cấu ngành, hàng xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tăng dần xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ, điện tử và hàng dệt may; giảm dần xuất khẩu than đá và xăng dầu. Kim ngạch nhập khẩu tăng 3,7% trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng ổn định (tương ứng 10,4% và 9,5%).

Dự kiến, 5 năm 2011 - 2015, tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 714.500 tỷ đồng, tỷ lệ tăng bình quân khoảng 7,1%/năm; chi ngân sách địa phương 272.910 tỷ đồng, tăng bình quân 7,7%/năm, về cơ bản đảm bảo nhu cầu chi thường xuyên và tập trung cho đầu tư phát triển.

*Các thành phần kinh tế*, được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được đổi mới, sắp xếp lại theo đúng kế hoạch, lộ trình thực hiện đề án tái cơ cấu kinh tế; sau sắp xếp, nhiều doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn. Khu vực kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã dịch vụ, được quan tâm củng cố; khu vực kinh tế ngoài nhà nước phát triển cả về chất và lượng, góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế Thủ đô; khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục tăng trưởng. Kinh tế Nhà nước (TW và địa phương) duy trì tỷ trọng lớn nhất, từ 43,4% - 43,6%; kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhẹ, từ 38,5% - 38,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm nhẹ, từ 16,6% - 16,5%.

*Công tác quản lý đô thị, chấn chỉnh trật tự, kỷ cương xây dựng, bảo đảm an toàn giao thông và trật tự, văn minh đô thị được tăng cường và có chuyển biến tích cực.* Quản lý trật tự xây dựng được đẩy mạnh; tỷ lệ công trình xây dựng có giấy phép tăng dần qua từng năm, đến nay đạt trên 90%. Việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm ùn tắc giao thông, đảm bảo đường thông, hè thoáng được triển khai quyết liệt. Việc giữ gìn trật tự, văn minh đô thị được quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt “Năm trật tự văn minh đô thị 2014”. nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội có sự chuyển biến tốt hơn.

*Sự nghiệp phát triển văn hóa và xây dựng con người mới trên địa bàn Thủ đô tiếp tục được đẩy mạnh*, tạo chuyển biến tích cực, bộ mặt Thủ đô ngày càng khang trang, sạch đẹp hơn; xã hội văn minh, dân chủ hơn; đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thành phố đã xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể ngành văn hóa giai đoạn 2010 -

2020, tầm nhìn 2030, tập trung ưu tiên cho việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đời sống văn hóa cơ sở. Hoạt động của hệ thống các thiết chế văn hóa từ Thành phố đến cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, đảm bảo đồng bộ, chất lượng và hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hưởng thụ văn hóa, sáng tạo và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Giáo dục và đào tạo Thủ đô tiếp tục được đổi mới, phát triển, khẳng định vị trí dẫn đầu cả nước về quy mô giáo dục, mạng lưới trường lớp và chất lượng giáo dục toàn diện. Nhiều cơ chế chính sách phát triển giáo dục được chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

*Các công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ.* Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được đẩy mạnh. Thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, tích cực để khắc phục một bước tình trạng quá tải tại các bệnh viện, phát huy vai trò các bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện. Đặc biệt đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên cho việc cải tạo và xây mới nhiều bệnh viện. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, nhất là ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật cao; các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến thành phố đã triển khai thành công một số công nghệ mới, đáp ứng cơ bản yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

*Thị trường lao động phát triển, giải quyết được nhiều việc làm cho lao động.* Bình quân mỗi năm đào tạo nghề, truyền nghề cho trên 150.000 lao động; trung bình, giải quyết việc làm cho trên 139.000 lượt lao động mỗi năm; tỷ lệ thất nghiệp vẫn được duy trì dưới 4,8%. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện trong nhân dân tiếp tục được phát triển.

*Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội.* Nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được ban hành và nghiêm túc triển khai thực hiện đồng bộ hiệu quả đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của hộ nghèo, cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm 1,0 - 1,8%.

*Công tác đối ngoại của Thành phố tiếp tục được đẩy mạnh toàn diện cả về hình thức và nội dung hợp tác.* Hà Nội tiếp tục mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với hơn 100 thủ đô, thành phố các nước; là thành viên của nhiều tổ chức có uy tín trên thế giới. Nhiều dự án hợp tác song phương và đa dạng được ký kết và triển khai có hiệu quả. Quan hệ hữu nghị và hợp tác với đối tác được

củng cố và tăng cường. Nội dung hoạt động kinh tế đối ngoại của Thủ đô được quan tâm đẩy mạnh, góp phần thiết thực thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tài trợ quốc tế, đẩy mạnh thương mại và du lịch.

Công tác đối ngoại nhân dân được mở rộng, góp phần tăng cường sự hiểu biết và nâng cao vị thế quốc tế của Thủ đô. Công tác thông tin đối ngoại đã được chú ý và từng bước đẩy mạnh, góp phần tích cực quảng bá hình ảnh, nâng cao uy tín của Việt Nam và Hà Nội trên trường quốc tế.

Thành phố đã chủ động, tích cực, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, sự phối hợp, hợp tác của các cán bộ, ban, ngành. Quan hệ hữu nghị, hợp tác cũng phát triển trên các mặt kinh tế - xã hội giữa Thủ đô với các tỉnh, thành phố trong cả nước đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Thành phố đã tổ chức thành công những đoàn cán bộ lãnh đạo đi thăm hữu nghị, làm việc, mở rộng hợp tác đầu tư và hỗ trợ trực tiếp nhiều tỉnh, thành phố vùng Việt Bắc, Tây Bắc, khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ...

### **2.1.2. Công tác đối ngoại và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Hà Nội**

Tích cực tham gia và hỗ trợ thực hiện các dự án phi chính phủ nước ngoài, cụ thể là: (năm 2006) đã tiếp nhận 09 xe ô tô chữa cháy do Nhật Bản tài trợ và tiếp nhận 80 tình nguyện viên sang giúp Hà Nội trong các lĩnh vực xã hội, giáo dục, dạy nghề, y tế; (năm 2007) Thúc đẩy dự án "Tài chính vi mô" do tổ chức Save children của Mỹ tài trợ cho phụ nữ nghèo huyện Đông Anh; dự án nâng cao công tác chăm sóc toàn diện cho bệnh nhân HIV tại Hà Nội do tổ chức GIP ESTHER của Cộng hoà Pháp tài trợ; Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác đối ngoại do UCODEF (Italia) tài trợ; Dự án phòng lây nhiễm HIV/AIDS cho học sinh sinh viên; Dự án phát triển vào cộng đồng và dự án tăng cường vị thế cho phụ nữ Hà Nội trong quá trình phát triển; Chương trình khám chữa bệnh miễn phí của tổ chức Operation Smile (Mỹ) thực hiện; (Năm 2008-2009) Vận động tổ chức Cứu trợ Nhi đồng Anh giúp Sở Lao động, thương binh và xã hội xây dựng dự án mô hình chăm sóc và bảo vệ trẻ em đặc biệt của Thành phố giai đoạn 2009-2011; Tham mưu, giúp đỡ các quận, huyện, đoàn thể xây dựng các dự án để vận động, kêu gọi các TCPCP tài trợ như: vận động tổ chức cứu trợ nhân đạo của Hoa kỳ viện trợ cho Thành hội chữ Thập đỏ



550 chiếc xe lăn mới để giúp cho các đối tượng khó khăn ; Giới thiệu tổ chức Hỗ trợ giáo dục Đại học của Canada đến làm việc và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo với Trường Cao đẳng cộng đồng Hà Nội; Vận động tổ chức PLAN quốc tế tài trợ cho Thành phố Hà Nội chương trình "Hỗ trợ và cải thiện điều kiện sống cho trẻ em ở một số huyện khó khăn của Thành phố như Sóc Sơn, Từ Liêm, Đông Anh và một số quận huyện khác" với giá trị 1 triệu USD trong giai đoạn 2010 -2012 vận động và phối hợp với tổ chức Operation Smile xây dựng chương trình "1000 Nụ cười" (chương trình phẫu thuật cho 1000 trẻ em và thanh thiếu niên bị khuyết tật vùng hàm mặt của Hà Nội và các tỉnh lân cận) nhân dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

#### ***2.1.2.1. Công tác đối ngoại***

- *Quan hệ đối ngoại của thành phố được mở rộng, vị thế và uy tín quốc tế của thủ đô Hà Nội được nâng cao. Hà Nội đã có quan hệ hữu nghị và hợp tác với gần 100 thủ đô và thành phố trên thế giới; là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như: Mạng lưới khu vực các chính quyền địa phương quản lý cư dân (Citynet), Hiệp hội các thành phố lớn trên thế giới (Metropolis), Hiệp hội các Thị trường của các thành phố có sử dụng tiếng Pháp trên thế giới (AIMF), Hiệp hội các thành phố lịch sử lâu đời, Mạng lưới các thành phố lớn Châu Á thế kỷ 21 (ANMC21) v.v...*

- *Tham gia thúc đẩy và triển khai nhiều dự án quốc tế song phương và đa phương như: dự án lắp đặt hệ thống chiếu sáng một số khu vực thành phố Viên Chăn trị giá 4.419 tỷ đồng;; dự án xây dựng trường dạy nghề hữu nghị Viên Chăn-Hà Nội trị giá 14,8 tỷ đồng vào năm 2006; Thành phố Hà Nội tặng 350.000 USD cho tỉnh Nakhon Phanom (Lào) xây trường dạy tiếng Việt cho bà con Việt kiều tại tỉnh vào tháng 03/2006; dự án Quy hoạch cơ bản phát triển khu vực hai bên sông Hồng đoạn 40 km chảy qua Hà Nội do Chính quyền TP Seoul tài trợ gần 4,3 triệu USD; Dự án hợp tác với Seoul về Chính phủ Điện tử; Chương trình hợp tác đào tạo thực tập sinh tại Seoul; Các dự án hợp tác với Hàn Quốc khác như xây dựng Bệnh viện đa khoa Kwang Myung 1000 giường tại Cổ Nhuế-Từ Liêm, khu đô thị mới Tây hồ Tây, Dự án khách sạn 5 sao Keang Nam 500 triệu USD; khách sạn 5 sao Chamvit 87 triệu USD, dự án khu đô thị sinh thái Ngọc Liệp Đồng Trúc do Công ty Posco E&C và Công ty*

Seohee Construction v.v...; Tham gia xây dựng chiến lược kinh tế "Hai hành lang Một vành đai" trong khuôn khổ hợp tác giữa hai của chính phủ Việt-Trung; Xây dựng các dự án trong khuôn khổ hợp tác Hà Nội - Ile de France giai đoạn 2006- 2010 về quy hoạch đô thị, giao thông công cộng, môi trường, xử lý nước thải, cải tạo một số tuyến phố nhà Pháp cũ tại Hà Nội; Dự án hợp tác với Toulouse "Hà Nội 2010: Di sản và nét đặc trưng văn hoá"; Hỗ trợ thúc đẩy việc mở đường bay thẳng giữa sân bay Haneda (Tokyo) và sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội); Thúc đẩy các dự án xây dựng Trung tâm Văn hoá Thương mại "Hà Nội - Mátxcova" tại Mátxcova và Trung tâm Văn hoá Thương mại "Nhà Mátxcova" tại Hà Nội; Phối hợp với Văn phòng UNESCO Hà Nội thực hiện dự án "Những công cụ quản lý nguồn văn hoá đô thị dành cho phố cổ Hà Nội"; Dự án hợp tác Hà Nội - Vùng Nam Ostrobothnia về xuất khẩu lao động có tay nghề làm việc tại Phần Lan; Dự án trồng lúa nước tại 2 tỉnh Gaza và Zamberia-Mozambic; Tham mưu TP Hà Nội tham gia 15 trên tổng số 18 dự án chung trong khuôn khổ ANMC21 trong các lĩnh vực đào tạo, môi trường, quy hoạch đô thị, phòng chống thiên tai, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; Phối hợp CityNet và JICA thực hiện Dự án Giáo dục Môi trường AWAREE năm 2006; Phối hợp với Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tổ chức triển lãm quan hệ giữa ADB và Việt Nam tại khu vực vườn hoa Lý Thái Tổ vào tháng 05/2007.

- *Đóng góp phần quan trọng vào sự thành công của các hội nghị hội thảo quốc tế lớn tổ chức trên địa bàn Thành phố:* Tích cực phục vụ việc Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị APEC năm 2006 với một loạt sự kiện và hội nghị lớn mà đỉnh cao là Tuần lễ cấp cao và Hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2006; Phối hợp tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp thủ đô các nước ASEAN (ACBF) tại Hà Nội tháng 10/2007; phối hợp với Bộ Ngoại giao Tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEM 9 vào tháng 5/2009; phối hợp với UNESCO tổ chức thành công Hội thảo lần thứ 12 "Diễn đàn UNESCO - Trường Đại học và Di sản" với chủ đề " Bảo tồn các di tích lịch sử tại đô thị" từ ngày 05-10/04/2009; Tham gia tổ chức Đại hội thể thao Châu Á trong nhà lần thứ III (AI Games III) tại sân vận động Quốc gia Mỹ Đình vào tháng 10/2009; Phối hợp với Quỹ Hàn-việt tổ chức Diễn đàn quốc tế về "Xây dựng

văn hoá giao thông" tổ chức tại Hà Nội vào tháng 08/2009; Tham gia việc Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN theo cơ chế luân phiên vào năm 2010 với nhiều sự kiện, hội nghị lớn diễn ra liên tục từ tháng 3/2010 cho đến hết năm 2010; Hội thảo khoa học quốc tế chào mừng Đại lễ "Phát triển bền vững thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hoà bình" từ ngày 7 đến 9/10/2010, v.v...

Thành phố Hà Nội đã vận động và tổ chức đón nhận bằng công nhận Trung tâm Hoàng Thành-Thăng Long là di sản văn hóa thế giới của UNESCO vào ngày 01/10/2010 tại Lễ khai mạc Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng long Hà Nội, Lễ đón nhận Bằng công nhận 82 Bia đá các khoa thi tiến sỹ triều Lê - Mạc là Di sản Tư liệu thế giới do UNESCO trao, công bố về Nghị quyết tham gia kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội của UNESCO vào tháng 4/2010; Lễ đón nhận Huân chương vàng Quốc gia của Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trao tặng cho Thủ đô Hà Nội nhân Đại lễ 1000 năm Thăng Long-Hà Nội. Hoạt động tình nguyện "Thấm tình hữu nghị Việt - Lào, chào Thăng Long 1000 năm tuổi" tháng 7/2010; những ngày Matxcova tại Hà Nội nhân dịp 1000 năm Thăng Long - Hà Nội ngày 8 đến 10/10/2010. Có thể nói Công tác Đối Ngoại của Thành phố Hà Nội trong những năm qua đã đạt được những thành công đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và của Việt Nam nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường Quốc tế trong đó có sự đóng góp đáng kể của các tổ chức quốc tế, các TCPCPNN đóng trên địa bàn.

#### ***2.1.2.2. Mô hình, tổ chức, nhân sự của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Hà Nội***

Đến thời điểm tháng 12/2013 theo số liệu của sở Ngoại vụ có 186 TCPCPNN đã đăng ký hoạt động trong đó:

- Văn phòng đại diện: 68 văn phòng, bao gồm Mỹ: 29, Pháp, Đức và các nước Tây Âu: 28 UDC, Canada: 8; Nhật, Thái Lan 3.

- Văn phòng dự án: 62 văn phòng bao gồm Mỹ 25; Pháp, Đức và các nước Tây Âu: 27; Úc, Canada: 8; Nhật Bản: 2.

- TCPCP được cấp giấy phép hoạt động: 56 tổ chức, bao gồm Mỹ: 25; Pháp; Đức và các nước Tây Âu: 12; Nhật Bản, Hàn Quốc: 7; Hồng Kông, Thái Lan, Singapore 12.

Căn cứ vào Điều 17 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 1 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam trong thời hạn 45 ngày sau khi được cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi giấy đăng ký, TCPCPNN có trách nhiệm thông báo về việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi giấy đăng ký và kế hoạch hoạt động của tổ chức với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi TCPCPNN có hoặc dự kiến sẽ tiến hành hoạt động liên quan [26].

Phần lớn các TCPCPNN tại Việt Nam có văn phòng đại diện và văn phòng dự án đặt trụ sở tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, song việc triển khai dự án lại thực hiện chủ yếu tại các tỉnh, địa phương khác, nhất là các dự án về y tế, môi trường, dạy nghề, nông nghiệp. Hoạt động của các TCPCPNN tiếp tục có sự quan hệ, chỉ đạo, chi phối chặt chẽ Sứ quán, Chính phủ hoặc thông qua các Hiệp hội doanh nghiệp (như phòng Thương mại Mỹ AMCHAM) điển hình như quỹ Fullbright, quỹ FORD (Mỹ), CHEVENING (Anh).

## **2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

### **2.2.1. Khái quát hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam**

Hiện nay có hơn 900 TCPCPNN có quan hệ với Việt Nam. Tuy nhiên khoảng 600 tổ chức có hoạt động thường xuyên tại Việt Nam trong đó 40% là các tổ chức đến từ khu vực Bắc Mỹ, khoảng 42% từ châu Âu (chủ yếu là Tây Âu) và khoảng 18% từ châu Á - Thái Bình Dương và các khu vực khác. Hợp tác giữa các đối tác Việt Nam với các TCPCPNN được triển khai ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW và ở hầu hết các bộ, ban ngành, tổ chức nhân dân.

Các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam có tôn chỉ, mục đích, quy mô giải ngân, phạm vi, phương thức và lĩnh vực hoạt động rất đa dạng. Hầu hết các TCPCPNN được cấp phép, đăng ký hoạt động đều có thái độ thiện chí với Việt Nam, có quan hệ hợp tác tốt với các cơ quan, tổ chức đối tác và chấp hành tốt các quy định của pháp luật Việt Nam. Các TCPCPNN có đăng ký và hoạt động tại Việt Nam đều có các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và nhìn chung đều thực hiện đầy đủ các cam kết với các đối tác trong nước. Hầu hết các TCPCPNN đều sử dụng nhân viên là người Việt

Nam, tỷ lệ người Việt Nam nắm giữ các vị trí chủ chốt trong các TCPCPNN ngày càng cao.

Trong thời gian qua, các TCPCPNN đã có đóng góp cụ thể với Việt Nam trên các mặt sau:

#### ***2.2.1.1. Về chính trị đối ngoại***

Các TCPCPNN đã và đang là một trong những kênh hợp tác quan trọng giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài, tạo dư luận quốc tế ủng hộ ta trong việc triển khai đường lối đối ngoại do Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra, góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cũng như giữ gìn môi trường quốc tế và khu vực hòa bình để phát triển.

Từ năm 2010, Bộ Ngoại giao đã phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tổ chức các cuộc gặp giữa các TCPCPNN với một số báo cáo viên đặc biệt về nhân quyền Liên hợp quốc khi họ tới Việt Nam. Các tổ chức đó đã có tiếng nói tích cực, khách quan, có hiệu quả tuyên truyền quốc tế. Một số tổ chức cựu chiến binh Mỹ tiếp tục đấu tranh đòi Mỹ bình thường hóa hoàn toàn quan hệ với Việt Nam, giải quyết hậu quả chiến tranh. Nhiều TCPCPNN phản đối dự luật nhân quyền Việt Nam của Quốc hội Mỹ, phản đối đưa Việt Nam vào danh sách quốc gia đặc biệt quan tâm về tôn giáo (CPC), phản đối công nhận cờ của chế độ Sài Gòn cũ ở một số thành phố Mỹ.

Trước những diễn biến phức tạp tại biển Đông thời gian vừa qua, gần 400 người đại diện các TCPCPNN tại Việt Nam đã tham dự buổi “Chia sẻ tình hình biển Đông” do Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam tổ chức. Qua buổi gặp mặt đó, các TCPCPNN đã được thông tin đầy đủ và hiểu rõ thực chất hành động Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, hiểu rõ và ủng hộ chủ trương, lập trường của Việt Nam để từ đó tạo dư luận quốc tế góp phần buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan sớm hơn so với kế hoạch.

#### ***2.2.1.2. Về mặt hội nhập kinh tế quốc tế***

Một số TCPCPNN hỗ trợ ta trong hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam trong các vấn đề thương mại với Liên minh châu Âu và châu Mỹ: 13 TCPCP Mỹ tham gia liên minh ủng hộ Việt Nam hưởng Quy chế Thương mại bình thường vĩnh viễn và gia nhập WTO;

Năm 2008, một số TCPCP châu Âu và Mỹ như ActionAid International, Oxfam Anh, Oxfam Bỉ, Hội đồng thương mại Mỹ - Việt (US-Vietnam Trade Council)... gửi thư cho Ủy ban châu Âu đề nghị thông qua việc áp thuế chống bán phá giá đối với hàng dệt may, giày mũ da xuất khẩu của Việt Nam sang châu Âu, phản đối Hiệp hội Nuôi cá da trơn của Mỹ kiện ta “bán phá giá” cá tra, các basa tại Mỹ, hay việc áp đặt mức thuế cao đối với tôm nhập khẩu từ Việt Nam.

### **2.2.1.3. Về các vấn đề xã hội - phát triển**

Viện trợ của các TCPCPNN đã góp phần giảm bớt các khó khăn ở nhiều vùng, đặc biệt đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào thiểu số.

Trong giai đoạn 2002 - 2012, các TCPCPNN đã triển khai tổng cộng 28.052 chương trình, dự án và các khoản viện trợ với tổng giá trị khoảng 2,4 tỷ đô la Mỹ, trung bình mỗi năm có 2000 chương trình, dự án với tổng giá trị 150 triệu đô-la/năm, trong đó, trên 1,12 tỷ USD viện trợ đến từ khu vực Bắc Mỹ (47%), 813 triệu USD từ Châu Âu (34%) và trên 450 triệu USD từ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (19%).

Về lĩnh vực y tế, chiếm khoảng 807 triệu (chiếm 33%) với 7.142 dự án; giải quyết các vấn đề xã hội: 506 triệu USD (21%) với 7.856 dự án; phát triển KT - XH: 443,9 triệu USD (19%) với 4.728 dự án; giáo dục - đào tạo: 360 triệu USD (15%) với 4.725 dự án; tài nguyên - môi trường: 149,7 triệu USD (6%) với 1.797 dự án; các lĩnh vực khác: 120,4 triệu USD (5%) với 1.804 dự án. (Nguồn: Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài)

Các chương trình, dự án tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ: phát triển kinh tế, phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục, khắc phục hậu quả chiến tranh, giải quyết các vấn đề xã hội, chăm sóc trẻ em, phụ nữ, người tàn tật, bảo vệ môi trường, viện trợ khẩn cấp, hỗ trợ cải cách kinh tế, phòng chống ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em,...

Bên cạnh mặt mạnh, mặt tích cực hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam đã bộc lộ một số mặt hạn chế và phức tạp sau:

*Một là*, hiệu quả kinh tế - xã hội chưa cao: một số TCPCPNN quy mô nhỏ song hoạt động dàn trải ở nhiều địa phương, thời gian dự án dài, chi phí hành chính cao. Nguồn viện trợ này cũng chưa được điều phối hợp lý, nhiều

địa phương miền núi, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và tỷ lệ nghèo cao, song giá trị viện trợ thấp (Năm 2011, giá trị viện trợ PCPNN trung bình của cả nước là khoảng 3,4 đô la/ người; tuy nhiên, một số tỉnh miền núi phía Bắc, Nam Trung bộ và Tây Nguyên chỉ đạt dưới 01 đô la/ người, thậm chí có nơi chỉ đạt khoảng 0,5 đô la/ người).

*Hai là*, một số TCPCPNN với đặc thù hoạt động trong nhiều lĩnh vực, nhiều địa bàn, tiếp xúc với nhiều tầng lớp xã hội lợi dụng và bị lợi dụng để thu thập thông tin, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức xã hội dân sự theo mô hình phương Tây, tác động vào việc xây dựng chủ trương, chính sách của ta.

*Ba là*, một số TCPCPNN lôi kéo các phần tử xấu người Việt Nam tham gia các tổ chức chống đối Chính phủ, nhất là ở địa bàn Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc.

*Bốn là*, thông qua các TCPCP Việt Nam, phương Tây thúc đẩy các tổ chức “xã hội dân sự” tại Việt Nam. Trong 10 năm trở lại đây, một số TCPCPNN quan tâm, thúc đẩy hình thành và sự phát triển của các TCPCP Việt Nam hoặc Việt Nam hóa tổ chức của họ, tiến tới chuyển giao viện trợ qua kênh TCPCP Việt Nam.

*Năm là*, một số TCPCPNN có nguồn gốc tôn giáo lợi dụng phát triển các tôn giáo tương ứng tại Việt Nam.

## **2.2.2. Khái quát thực trạng Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam**

### ***2.2.2.1. Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách đối với TCPCPNN tại Việt Nam***

Trong phát triển kinh tế - xã hội, bất kể lĩnh vực nào cũng cần phải có một môi trường pháp lý vững chắc. Cùng với môi trường chính trị và cơ sở hạ tầng, một môi trường pháp lý đầy đủ, phù hợp với trình độ và mục tiêu phát triển sẽ vừa là điều kiện để triển khai hoạt động phát triển, vừa là biểu hiện của sự quản lý hiệu quả của Nhà nước đối với lĩnh vực và đối tượng trong diện quản lý. Về môi trường pháp lý cho các TCPCPNN tiến hành hoạt động ở Việt Nam, hiện nay đã thiết lập được một hệ thống văn bản pháp quy tương đối căn bản.

Trước năm 1989, do điều kiện khách quan, công tác quản lý các TCPCPNN ở nước ta mang tính tập trung rất cao. Từ việc duyệt cho đoàn TCPCP vào Việt Nam đến việc sử dụng từng khoản viện trợ của các TCPCPNN đều phải có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc của các cơ quan quản lý tổng hợp. Quyết định 51/HĐBT ngày 25/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao cho Liên hiệp các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị Việt Nam (nay là Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam) làm cơ quan đầu mối trong quan hệ với TCPCPNN; các ngành, địa phương trực tiếp quan hệ và quản lý viện trợ phi chính phủ. Sau một năm thực hiện theo tinh thần Quyết định này, thực tế cho thấy công tác quản lý các TCPCPNN, có hiện tượng tranh giành viện trợ giữa các đơn vị nhận viện trợ, số viện trợ phi chính phủ không tăng, bị xé lẻ manh mún và chỉ tập trung ở một số nơi.

Để phần nào tháo gỡ tình hình này, ngày 28/3/1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định 80/CT xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đầu mối, ban hành quy định trong quan hệ với các TCPCPNN, đề ra quy chế phân cấp quyết định tiếp nhận và sử dụng viện trợ. Hết sức đáng chú ý, Quyết định này đã cho phép thành lập Nhóm Công tác phi chính phủ gồm đại diện 6 cơ quan (Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Tôn giáo Chính phủ và Văn phòng Chính phủ) nhằm mục đích là tăng cường sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan và tư vấn cho Chính phủ về những vấn đề liên quan đến công tác viện trợ phi chính phủ. Quyết định 80/CT đã có tác dụng lớn. Giai đoạn này, công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài có chuyển biến tích cực, số lượng các TCPCPNN có quan hệ với ta tăng lên và giá trị viện trợ cũng tăng lên (tất nhiên cũng nhờ có cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác). Tuy nhiên, trên thực tế, các cơ quan quản lý vẫn không nắm được đầy đủ số liệu và tình hình quản lý công tác phi chính phủ cũng như tình hình quản lý và sử dụng viện trợ. Quyết định số 214/TTg ngày 7/5/1993 của Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Công tác phi chính phủ gồm đại diện 5 cơ quan (Văn phòng Chính phủ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam) để giúp Thủ tướng giải quyết những vấn đề liên quan tới hoạt động quản lý các TCPCPNN. Trong thời kỳ này, tuy chưa có quy chế cụ thể về việc lập văn phòng đại diện hay các dạng đại diện khác



của các TCPCPNN tại Việt Nam, nhưng ta đã cho phép một số tổ chức có quan hệ lâu năm với Việt Nam và có chương trình viện trợ lớn, dài hạn lập văn phòng đại diện chính thức tại Hà Nội với một số ưu đãi về cấp thị thực, mở tài khoản, nhập thiết bị văn phòng.

Căn cứ nhu cầu triển khai hoạt động viện trợ phi chính phủ tại Việt Nam, khuôn khổ pháp lý cũng đã được mở rộng hơn. Ngày 24/5/1996, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 339/TTg thành lập Ủy ban Công tác về các TCPCP gồm 6 thành viên cấp bộ (Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam) để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý phi chính phủ của Việt Nam. Song song với Quyết định này, Thủ tướng cũng ra Quyết định 340/TTg ban hành Quy chế về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam, theo đó, để được tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận hoặc mục đích khác, các TCPCPNN phải được phép của Chính phủ Việt Nam dưới các hình thức Giấy phép hoạt động, Giấy phép lập văn phòng đại diện hoặc Giấy phép lập văn phòng dự án.

Thực hiện cải cách hành chính, ngày 6/7/2000, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 79/2000/QĐ-TTg về việc giải thể và chuyển giao nhiệm vụ của một số tổ chức đã được thành lập trước đó, trong đó có Ủy ban Công tác về các TCPCP. Quyết định này có hiệu lực từ 21/7/2000. Nhưng do tính chất phức tạp về an ninh, chính trị, tôn giáo của hoạt động phi chính phủ nước ngoài, nhiều cơ quan, đặc biệt là các thành viên của Ủy ban đã báo cáo và kiến nghị trên sớm thành lập cơ chế mới để quản lý các TCPCPNN và để họ sớm có môi trường hoạt động bình thường, tránh tình trạng một số tổ chức lợi dụng tình hình đó để hoạt động ngoài mục đích nhân đạo đã đăng ký tại các địa phương không thuộc phạm vi được phép hoạt động, ví dụ ở các địa bàn Tây Nguyên, các tỉnh Tây Bắc và Tây Nam.

Trước tình hình đó, tháng 4/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hai văn bản pháp lý quan trọng là Quyết định 59/2001 (24/4/2001) và Quyết định 64/QĐ-TTg (26/4/2001). Quyết định 59 thành lập Ủy ban Công tác về các TCPCPNN gồm đại diện của 7 cơ quan (Bộ Ngoại giao, Liên hiệp các tổ chức

hữu nghị Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ, Văn phòng Chính phủ). Quyết định 64/2001 được ban hành kèm theo Quy chế quản lý, sử dụng viện trợ của các TCPCPNN tại Việt Nam trong đó có quy định rõ về thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài và trách nhiệm QLNN về viện trợ phi chính phủ của các cơ quan Việt Nam. Quyết định 64 trên thực tế là Quyết định sửa đổi thay thế cho Quyết định 28/1999 ngày 23/2/1999, Quyết định 64 sửa đổi theo hướng phân cấp mạnh hơn cho các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo quản lý tốt và có hiệu quả hơn các nguồn vốn phát triển viện trợ của các TCPCPNN. Có thể nói, hai Quyết định 64 và 59 được ban hành đã tạo ra một bước tiến lớn trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc quản lý công tác phi chính phủ sau một thời gian khá dài còn nhiều lúng túng. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương trong công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ đã được hình thành rõ nét; cơ chế quản lý, bộ máy tổ chức của cơ quan chuyên trách (Ủy ban Công tác về các TCPCPNN) đã được kiện toàn. Công tác quản lý phi chính phủ bắt đầu trở lại hoạt động bình thường.

Ngày 1/3/2012 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam [26]. Theo Nghị định này Nhà nước Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các TCPCPNN thực hiện hoạt động nhân đạo phát triển tại Việt Nam và các tổ chức này phải đăng ký với cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam và phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. So với Quyết định 340/1996/TTG Ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ thì theo Nghị định 12 thời hạn có giá trị của giấy phép đăng ký thành lập từ 3 năm thành 5 năm đối với văn phòng đại diện và văn phòng dự án, giấy đăng ký hoạt động từ 1 năm thành 3 năm và địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức có giấy phép lập văn phòng đại diện có thể ở tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh trước đây chỉ được đặt tại Hà Nội.

Vì hoạt động của các TCPCPNN liên quan nhiều đến viện trợ (tiền, hàng...) nên bên cạnh những văn bản pháp lý chuyên về cơ quan quản lý phi chính phủ nước ngoài như vừa nói ở trên, ta đã xây dựng được một loạt các văn bản trên các lĩnh vực thương mại, tài chính... trong đó cùng hướng tới đối

tượng là các TCPCPNN. Đáng chú ý nhất có thể kể tới các văn bản như Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng. Thông tư số 119-1999 ngày 5/10/1999 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, Nghị định số 85/1998/NĐ-CP ngày 20/10/1998 của Chính phủ về việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 46/1999/NĐ-CP ngày 1/7/1999 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 85/1998/NĐ-CP... Để quản lý chặt chẽ hơn nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, ngày 22/10/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài thay thế Quyết định số 64/2001/QĐ-TTG. Theo Nghị định này Chính phủ thống nhất QLNN về viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên cơ sở công khai minh bạch có phân công, phân cấp gắn quyền hạn với trách nhiệm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy được tính chủ động của các cấp các cơ quan quản lý, các ngành, các địa phương, tổ chức và các đơn vị thực hiện. Các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài khi được thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### ***2.2.2.2. Xây dựng, hoàn thiện bộ máy và cơ chế phối hợp trong quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam***

Bộ máy tổ chức quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở nước ta hiện nay đã được cơ bản hình thành, bao quát từ trung ương đến địa phương. Tuy không phải là mối quan hệ mang tính chi phối ngành dọc, song giữa các đơn vị ở trung ương với địa phương có liên kết chặt chẽ và có thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ.

Ở cấp Trung ương, bộ máy bao gồm 4 cơ quan là Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ban Điều phối viện trợ nhân dân và Nhóm công tác về các TCPCPNN.

##### ***\* Ủy ban Công tác về các TCPCPNN***

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN được thành lập theo Quyết định 59/2001/QĐ-TTg ngày 24/4/2001 nhằm giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo

hoạt động, giải quyết những vấn đề liên quan đến các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam. Ủy ban có con dấu riêng, song không có biên chế và ngân sách riêng; Ủy ban sử dụng trụ sở và bộ máy của cơ quan Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam để làm việc.

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN có các nhiệm vụ sau đây:

- Đề xuất chủ trương, chính sách liên quan đến TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam; phối hợp các cơ quan liên quan để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN.

- Quản lý việc xét, cấp sửa đổi và thu hồi Giấy phép hoạt động, Giấy phép lập văn phòng dự án, Giấy lập văn phòng đại diện của TCPCPNN tại Việt Nam theo Quy chế hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 340/TTg ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

- Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

- Thực hiện các nhiệm vụ công tác khác về TCPCPNN do Thủ tướng Chính phủ giao.

Về mặt tổ chức, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN là cơ quan liên ngành, được cơ cấu bao gồm đại diện của các cơ quan:

- Bộ Ngoại giao (Thứ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban);

- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (Chủ tịch, Ủy viên thường trực);

- Bộ Công an (Thứ trưởng, Ủy viên);

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thứ trưởng, Ủy viên);

- Ban tổ chức - Cán bộ Chính phủ nay là Bộ nội vụ (Phó trưởng ban, Ủy viên);

- Ban Tôn giáo của Chính phủ (Trưởng ban, Ủy viên);

- Văn phòng Chính phủ (Phó Chủ nhiệm, Ủy viên);

- Ban Đối ngoại Trung ương Đảng (Phó trưởng Ban, Ủy viên);

Theo Quyết định này thì Chủ nhiệm Ủy ban có quyền quy định về lề lối làm việc của Ủy ban và có quyền phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ủy ban; các thành viên của Ủy ban có trách nhiệm cử cán bộ, chỉ đạo ngành, cơ quan mình thực hiện nhiệm vụ được giao

**\* Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (trước đây là liên hiệp các tổ chức hoà bình, đoàn kết hữu nghị Việt Nam) thành lập theo Quyết định số 95/TTg ngày 14/11/1992, là tổ chức chính trị - xã hội trên phạm vi cả nước, có chức năng xây dựng và phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới. Liên hiệp được xác định là cơ quan đầu mối trong quan hệ với các TCPCPNN (Quyết định số 51/HĐBT ngày 25/5/1989).

Với Quyết định 80/CT ngày 28/3/1991, chức năng đầu mối của Liên hiệp được xác định rõ ràng và nhấn mạnh hơn. Cũng theo Quyết định này, đã thành lập Nhóm Công tác liên bộ làm tham mưu cho Chính phủ về công tác phi chính phủ (gồm đại diện các cơ quan là Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Tôn giáo Chính phủ, Văn phòng chính phủ, sau bổ sung thêm Ban Tổ chức Cán bộ - Chính phủ, Ban Đối ngoại Trung ương). Nhóm công tác này là do Liên hiệp chủ trì, nhằm tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, tư vấn cho chính phủ về những vấn đề liên quan tới công tác viện trợ phi chính phủ.

Gần đây hơn, theo Quyết định số 339/TTg ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Công tác về các TCPCPNN thì Liên hiệp được chỉ định là cơ quan thường trực về công tác phi chính phủ nước ngoài; Chủ tịch Liên hiệp tham gia Ủy ban với tư cách Ủy viên Thường trực. Các đơn vị trong Liên hiệp (bao gồm các ban khu vực và Ban Điều phối viện trợ nhân dân) là các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm phụ trách các TCPCPNN. Trong đó, Ban Điều phối là bộ phận chính, phụ trách chung việc quan hệ với các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam.

Vai trò đầu mối của Liên hiệp trong công tác phi chính phủ nước ngoài được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ sau:

- Là cơ quan thường trực của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, làm đầu mối vận động viện trợ nhân đạo và phát triển với các TCPCP (...) nhằm góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân Việt Nam.

- Tổ chức nghiên cứu các vấn đề về hoà bình, quan hệ quốc tế về phát triển, hoạt động của các TCPCPNN, làm cơ sở cho việc thực hiện những nhiệm vụ của mình và đề xuất các kiến nghị thích hợp với Nhà nước và tổ chức liên quan.

### **\* Ban Điều phối viện trợ nhân dân**

Xét về mặt tổ chức hành chính, Ban Điều phối viện trợ nhân dân chỉ là một bộ phận trực thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, nhưng trong công tác phi chính phủ nước ngoài, Ban Điều phối là đơn vị chuyên trách. Được thành lập năm 1989, Ban Điều phối được cơ cấu thành Ban Giám đốc (01 Giám đốc, các phó Giám đốc) và các điều phối viên chương trình. Ban Điều phối có các cơ quan đầu mối ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Ban Điều phối có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Làm cầu nối giữa các địa phương và đối tác Việt Nam với các TCPCPNN.
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam và hỗ trợ các đối tác Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức này;
  - Thu thập, chia sẻ thông tin liên quan đến các hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam; tiến hành nghiên cứu về hoạt động của TCPCPNN và nhu cầu của các địa phương;
  - Kiến nghị với Chính phủ các chính sách về TCPCPNN ở Việt Nam.
- Các hoạt động chính của Ban Điều phối bao gồm:
- Làm thủ tục xin cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi các loại giấy phép cho các TCPCPNN đang hoạt động ở Việt Nam theo Quy chế về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam;
  - Lượng giá nhu cầu, thẩm định, giám sát và đánh giá chương trình dự án, lập kế hoạch chiến lược;
  - Thu thập, chia sẻ thông tin; tổ chức hội thảo, tập huấn; nghiên cứu biên tập tài liệu.

### **\* Nhóm công tác phi chính phủ nước ngoài**

Nhóm Công tác phi chính phủ nước ngoài là đơn vị trực thuộc Ủy ban Công tác về các TCPCPNN. Nhóm Công tác được thành lập theo Quyết định số 36/2001/QĐ-UB của Ủy ban nhằm giúp việc Ủy ban. Nhóm Công tác bao gồm đại diện cấp vụ của các cơ quan: Bộ Ngoại giao, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Tôn giáo của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ban Đối ngoại Trung ương. Từ khi thành lập đến nay, Nhóm Công tác đã hoạt động hiệu quả trong việc tham mưu, tư vấn cho Ủy ban và cơ quan

chức năng trong mọi vấn đề liên quan đến công tác phi chính phủ nước ngoài.

Trên đây là những cơ quan trung ương có chức năng quản lý hoạt động phi chính phủ nước ngoài. Tại đa số các bộ, ban, ngành cũng đã thành lập cơ quan đầu mối về vận động viện trợ và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại ngành, tổ chức, cơ quan mình. ở các bộ, ngành, cơ quan đầu mối đều là vụ quan hệ quốc tế, vụ hợp tác quốc tế hay ban quốc tế. Còn ở các địa phương, hiện vẫn duy trì nhiều mô hình cơ quan đầu mối khác nhau; 36 tỉnh và thành phố chỉ định văn phòng UBND tỉnh hoặc cơ quan ngoại vụ của tỉnh/thành phố là cơ quan đầu mối; 12 tỉnh chỉ định Liên hiệp các tổ chức hữu nghị; 13 tỉnh/thành phố chỉ định Sở Kế hoạch - Đầu tư. Ngoài việc chỉ định cơ quan đầu mối, một số tỉnh (Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Nguyên, Hà Tĩnh...) còn chính thức hình thành cơ chế phối hợp giữa một số ngành công an, tôn giáo, ngoại vụ, kế hoạch - đầu tư, tài chính dưới danh ban công tác phi chính phủ của tỉnh nhằm tham mưu cho UBND tỉnh trong xử lý các vấn đề trong viện trợ phi chính phủ.

Cơ chế phối hợp quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài ở Trung ương được thể hiện trước hết qua việc phân công các cơ quan thực hiện nhiệm vụ phù hợp với chức năng của mình. Cụ thể như sau:

- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là đầu mối xử lý công việc của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, thay mặt Ủy ban làm việc với các cơ quan, tổ chức, địa phương Việt Nam và với các TCPCPNN; chỉ đạo, theo dõi các hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; thực hiện công tác quan hệ và vận động viện trợ của các TCPCPNN cho Việt Nam

- Vụ các tổ chức quốc tế (Bộ Ngoại giao) và Ban Điều phối viện trợ nhân dân (Liên hiệp) phối hợp xử lý những vấn đề hàng ngày liên quan tới hoạt động phi chính phủ nước ngoài, đảm bảo công tác tham mưu, cung cấp thông tin cho Chủ nhiệm và các Ủy viên của Ủy ban.

- Bộ Công an chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến an ninh quốc gia trong hoạt động của các TCPCPNN.

- Ban Tôn giáo của Chính phủ chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến tôn giáo trong nước hoạt động của các TCPCPNN.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về công tác QLNN đối với nguồn viện trợ của các TCPCPNN.

- Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm tham gia chỉ đạo công tác thông tin, nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách liên quan đến các TCPCPNN.

- Ban Đối ngoại Trung ương Đảng chịu trách nhiệm tham gia chỉ đạo công tác thông tin, nghiên cứu đề xuất các chủ trương, chính sách liên quan đến các TCPCPNN; tham gia chỉ đạo quan hệ giữa các tổ chức nhân dân trong nước với các tổ chức nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

Cơ chế phối hợp ở cấp Trung ương được thực hiện thông qua một số hình thức sau:

- Các kỳ họp của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN (6 tháng 1 lần) và của Nhóm Công tác phi chính phủ;

- Hoạt động kiểm tra (định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết) của Đoàn kiểm tra liên ngành gồm 01 Ủy viên của Ủy ban (Trưởng đoàn) và đại diện các cơ quan thành viên và địa phương nơi có hoạt động của các TCPCPNN. Trưởng đoàn có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra và kiến nghị lên Chủ nhiệm Ủy ban.

- Các báo cáo của các cơ quan đầu mối địa phương và hoạt động phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương trong mỗi chương trình/dự án và hoạt động của các TCPCPNN.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp quản lý hoạt động phi chính phủ còn được tăng cường qua các hội nghị tổng kết công tác phi chính phủ. Đã có hội nghị tổng kết 10 năm công tác phi chính phủ ở phạm vi quốc gia được tiến hành do Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam làm đầu mối tổ chức chính. ở tầm lớn hơn, từ năm 1992 tới nay đã có 02 hội nghị quốc tế được tổ chức tại Việt Nam về hoạt động của các TCPCPNN và quan hệ với đối tác Việt Nam được tổ chức (1992 và 2003). Do cho đến nay ta vẫn chưa có một nghiên cứu toàn diện về công tác phi chính phủ và hoạt động QLNN trên lĩnh vực này nên những hội nghị như vậy là cơ hội quý báu để cả phía Việt Nam cộng đồng phi chính phủ trao đổi, hiểu nhau rõ hơn; để các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý hoạt động phi chính phủ có thể cùng nhau trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, đánh giá..., trên cơ sở đó thống nhất về nhận thức và đề xuất những biện pháp phù hợp để tranh thủ và sử dụng có hiệu quả viện trợ TCPCPNN đồng thời hạn chế những đối tượng xấu lợi dụng của hoạt động này gây hại cho an ninh quốc gia.



Ở cấp địa phương, cho tới nay, tại tất cả các tỉnh thành có các TCPCPNN hoạt động đều đã thành lập cơ chế phối hợp để quản lý. Có thể khái quát vài nét như sau:

- Trước hết, đã hình thành quan hệ phối hợp giữa cơ quan đầu mối của địa phương với cơ quan đầu mối Trung ương. Sự phối hợp cho đến nay có thể đánh giá là tương đối tốt. Các địa phương giữ mối liên hệ thường xuyên với cơ quan đầu mối ở trung ương, nhận sự chỉ đạo của Trung ương và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ.

- Hiện nay, các cơ quan đầu mối thường trực công tác phi chính phủ nước ngoài của các địa phương không có hình thức tổ chức thống nhất. Có địa phương thành lập Ban Chỉ đạo công tác phi chính phủ nước ngoài (Thái Nguyên) có địa phương trao nhiệm vụ đầu mối cho Liên hiệp các tổ chức hữu nghị (Thành phố Hồ Chí Minh), cho Sở Ngoại vụ (Hà Nội), hay cho Ban Quản lý các TCPCP (Cần Thơ)... Những mô hình tổ chức đầu mối này tuy khác nhau nhưng tất cả đều đặt dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh/thành phố. Đa phần lãnh đạo các địa phương đều nhận thực được về vai trò quan trọng của cơ quan đầu mối trong việc thực hiện cơ chế phối hợp, vì vậy đều cố gắng xây dựng một cơ quan đầu mối đủ mạnh giúp UBND tỉnh điều phối các hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong vận động viện trợ cũng như quản lý. Tham gia quản lý có sự phối hợp của nhiều ngành như ngoại vụ, Công an, Đầu tư, văn hoá, tài chính, y tế... và của nhiều cơ quan chức năng. Sự phối hợp quản lý được thể hiện ở các mặt như phối hợp trong tổ chức tập huấn cho các ngành, các cấp của địa phương về kiến thức đối ngoại nhân dân trong đó có kiến thức về các TCPCPNN và kỹ năng làm việc với các tổ chức này; phối hợp trong xây dựng dự án kêu gọi viện trợ phi chính phủ; phối hợp trong thẩm định dự án; phối hợp trong vận động viện trợ...

*Đối với công dân nước ngoài*, trước hết, Nhà nước quản lý bằng các chính sách xuất nhập cảnh, đi lại, cư trú. Trong Quy chế về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam, Nhà nước cho phép các tổ chức này được phép yêu cầu cấp thị thực xuất nhập cảnh cho người nước ngoài theo thời hạn và theo mục đích nhập cảnh cụ thể. Các cơ quan quản lý của Việt Nam sẽ có trách nhiệm làm các thủ tục cần thiết và phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh

(Bộ Công an) kiến nghị việc xét cấp thị thực cho từng trường hợp cụ thể. Trong những trường hợp đặc biệt, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể không cho người nước ngoài xuất nhập cảnh. Nhà nước cũng có quy định cụ thể về thủ tục xin cấp thị thực xuất nhập cảnh riêng cho các TCPCP đã được cấp giấy phép. Thông qua các quy định hợp lý về xuất nhập cảnh, Nhà nước có thể quản lý được các đối tượng người nước ngoài làm việc tại các TCPCP, hạn chế được tình trạng một số cá nhân mượn danh nghĩa nhân viên phi chính phủ vào hoạt động tại Việt Nam vì những mục đích xấu.

*Đối với công dân Việt Nam*, vấn đề người Việt Nam làm việc tại các TCPCPNN đã được quy định tương đối rõ ràng trong Nghị định 85/1998/NĐ-CP ngày 20/10/1998 của Chính phủ về tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Theo Nghị định này thì Nhà nước ta khuyến khích tổ chức và cá nhân nước ngoài (trong đó có các TCPCP, cụ thể là Văn phòng đại diện và Văn phòng dự án) sử dụng lao động Việt Nam theo những quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là của Bộ luật Lao động và của Nghị định.

Việc quản lý được thực hiện thông qua tổ chức cung ứng lao động do Bộ Ngoại giao phụ trách. Các TCPCPNN có nhu cầu sử dụng lao động Việt Nam cần gửi văn bản yêu cầu đến tổ chức cung ứng; người lao động Việt Nam có nhu cầu làm việc cho văn phòng của các TCPCP cần nộp hồ sơ xin việc làm tại tổ chức cung ứng. Tổ chức cung ứng có trách nhiệm tiếp nhận các văn bản hồ sơ này, giao kết hợp đồng cung ứng lao động với bên nước ngoài; tổ chức tuyển chọn, giới thiệu và cung ứng lao động Việt Nam theo đúng hợp đồng đã giao kết; giải quyết các thủ tục hành chính và nhân sự đối với người lao động Việt Nam theo sự uỷ quyền của cơ quan QLNN có thẩm quyền; thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Lao động, Nghị định 85 và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và định kỳ báo cáo cơ quan lao động có thẩm quyền về tình hình tuyển chọn đào tạo, cung ứng lao động Việt Nam.

Nghị định quy định rõ ràng trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài là phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam; thực hiện đúng các

điều khoản của hợp đồng lao động đã giao kết với cá nhân, tổ chức nước ngoài; thực hiện đúng các quy định của tổ chức cung ứng lao động.

Quản lý người Việt Nam làm việc cho cá nhân, tổ chức nước ngoài nói chung và các TCPCPNN nói riêng đòi hỏi sự phối hợp của Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

### ***Quản lý thông tin liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam***

Hiện nay, chưa có văn bản pháp lý nào về nội dung quản lý thông tin cho các TCPCPNN nên việc quản lý tuân thủ các quy định chung của Nhà nước về quản lý thông tin. Có thể nói, đối với các TCPCPNN, quản lý thông tin có hai mặt. Một mặt Nhà nước cung cấp các thông tin cần thiết cho các TCPCPNN để họ nắm được tình hình kinh tế - xã hội cơ bản của Việt Nam, của lĩnh vực và địa phương cụ thể mà họ quan tâm cũng như những thông tin về quy định pháp lý, về chính sách của ta, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tiến hành hoạt động tại Việt Nam. Mặt khác, Nhà nước phải giám sát chặt chẽ để tránh rò rỉ thông tin liên quan đến ổn định chính trị, an ninh quốc phòng...

Trong cơ chế phối hợp của các TCPCPNN đã có Trung tâm dữ liệu phi chính phủ thành lập năm 1993 và tới năm 1998, sau khi tăng cường quan hệ đối tác với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam thì được đổi thành Trung tâm dữ liệu phi chính phủ Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được thành lập năm 1993 hoạt động theo cơ chế đồng giám đốc. Ban chỉ đạo Trung tâm gồm 5 đại diện của các TCPCPNN và 5 thành viên của Ủy ban Công tác về các TCPCP. Trung tâm được thành lập là để tăng cường chia sẻ thông tin giữa các TCPCPNN và các đối tác Việt Nam, giúp các TCPCPNN có đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, các quy định của pháp luật, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và của các địa phương..., trên cơ sở đó hướng hoạt động của mình cho phù hợp và tăng cường khả năng phối hợp với nhau và với các đối tác Việt Nam để hoạt động tốt hơn. Có thể nói, cơ chế này giúp ta quản lý thông tin dễ dàng và hiệu quả hơn và cũng được cộng đồng phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam đánh giá khá cao. Cho đến nay, có thể nói việc quản lý thông tin của ta được thực hiện tốt, không để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng.

### **2.2.2.3. Quản lý công tác vận động viện trợ TCPCPNN**

Vốn tài trợ của các TCPCPNN tại Việt Nam chủ yếu đến từ các nguồn sau đây:

- Chính phủ (các chương trình phát triển, ODA...)
- Liên chính phủ;
- Liên hợp quốc;
- Các tổ chức tôn giáo;
- Các quỹ;
- Các công ty;
- Các cá nhân (hội viên, cá nhân hảo tâm, tự nguyện...)
- Ngân sách tự có thông qua các hoạt động dịch vụ, kinh doanh (đầu tư bất động sản, buôn bán...)

Nhìn chung, viện trợ của các TCPCPNN thường rất đa dạng và không ổn định (do phụ thuộc nguồn tài trợ). Số lượng viện trợ không lớn, tính trung bình chỉ hơn 1 đô - la Mỹ/người/năm cho Việt Nam. Hình thức thực hiện dự án có thể là trực tiếp đối với các đối tác Việt Nam hoặc qua bên thứ 3 (Việt Nam hoặc nước ngoài), chủ yếu ở Việt Nam (nhưng về đào tạo thì thường ở nước ngoài). Phương thức hoạt động cơ bản của TCPCPNN là trực tiếp làm dự án và trực tiếp quan hệ với địa phương cơ sở. Từ 1989 đến nay là thời kỳ đa số TCPCPNN tiến hành các dự án mang tính phát triển bền vững (về kinh tế, y tế, xã hội, giáo dục và cả trong viện trợ khẩn cấp), hiện trên 80% giá trị viện trợ tập trung cho các dự án theo 6 lĩnh vực chính là y tế, phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và viện trợ khẩn cấp.

#### **\* Phương thức viện trợ của các TCPCPNN tại Việt Nam**

Phương thức viện trợ của các TCPCPNN tại Việt Nam có thể được chia ra làm một số loại chủ yếu.

- Dự án phát triển nông thôn tổng hợp mang tính cộng đồng trên quy mô huyện hay cụm xã, bao gồm nhiều phần khác nhau như công trình thủy nông, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, làm nghiệp, giáo dục... Mục tiêu chung của các dự án này là giải quyết đồng bộ các khó khăn kinh tế - xã hội, giúp khu vực đó tự phát triển bền vững sau khi các TCPCPNN đó ngừng tài trợ.

- Dự án chuyên ngành mang tính cộng đồng ở đơn vị huyện hay cụm

xã, ví dụ dự án y tế cộng đồng, dự án VAC, nuôi trồng, đánh bắt hải sản, vốn quay vòng...

- Dự án giải quyết công ăn việc làm dạy nghề cho thanh niên. Những dự án này thường được thực hiện dưới dạng là (i) "lương thực cho lao động" của Liên minh Châu Âu và "lương thực cho phát triển" của Mỹ với mục tiêu là cung cấp lương thực cho người lao động ở những vùng khó khăn ở nông thôn để họ xây dựng những công trình cần thiết như thủy nông nhằm chủ động hơn nữa trong sản xuất nông nghiệp, và (ii) dự án dạy nghề thường được thực hiện ở các đô thị có nhiều thanh niên không có công ăn việc làm, thu nhập thấp và người khuyết tật; dạng dự án này được thực hiện thông qua các trung tâm dạy nghề, trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm lao động nữ...

- Dự án cho người nghèo vay vốn quay vòng, thông qua một số đối tác cụ thể như hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên... để tổ chức tập huấn về cách sử dụng và quản lý vốn do các TCPCPN cho vay, tạo điều kiện cho người nghèo tăng thu nhập.

- Dự án sản xuất hàng hoá: nguyên lý chung là tiếp cận thị trường, bỏ vốn ra đào tạo, dùng nguyên liệu và lao động tại chỗ để sản xuất hàng hoá và tạo điều kiện để bán hàng. Mục tiêu chung là chuyển giao công nghệ, dạy nghề thích hợp và tăng thu nhập. Đây là dạng dự án mới, chưa phổ biến vì có liên quan đến nhiều vấn đề phức tạp như hạch toán sản xuất, kinh doanh, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- Dự án giúp phát triển các doanh nghiệp: mục đích là hỗ trợ cho lĩnh vực kinh tế tư nhân, mở các lớp đào tạo về quản trị kinh doanh và hỗ trợ vốn cho thanh niên.

- Quyên góp vật chất: thường là quyên góp trang thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh, đồ chơi trẻ em..., giúp các bệnh viện và những địa phương bị thiên tai và những vùng còn gặp nhiều khó khăn thiếu thốn về cơ sở vật chất.

- Xây dựng khả năng: đây là dạng dự án hoặc chương trình nhằm giúp các cơ quan, tổ chức của Việt Nam tăng cường khả năng tổ chức, quản lý hoạt động. Thường là những chương trình đào tạo, trao đổi kinh nghiệm quản lý dự án, những kỹ năng cụ thể trong các hoạt động liên quan đến quản lý điều hành và phát triển.

Người tình nguyện: một số tổ chức chuyên làm chương trình về người tình nguyện, một số khác kết hợp lồng ghép với các chương trình y tế, giáo dục và các chương trình phát triển khác. Người tình nguyện đa số là bác sỹ chuyên khoa, giáo viên tiếng Anh, Pháp từ tiểu học đến đại học, giáo viên kỹ thuật, chuyên gia trên từng lĩnh vực.

#### **2.2.2.4. Tăng cường công tác QLNN đối với TCPCPNN**

- *Về cơ chế, bộ máy quản lý:*

Theo Nghị định 12/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Ngoại giao là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các TCPCPNN với 4 trách nhiệm sau: (i) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; (ii) Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN; (iii) Thực hiện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các TCPCPNN tại Việt Nam; (iv) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN.

Xác định rõ về tầm quan trọng của công tác quản lý các TCPCPNN từ năm 2001, Chính phủ đã thành lập Ủy ban công tác về các TCPCPNN (sau đây gọi là Ủy ban) - tổ chức liên ngành để quản lý các TCPCPNN. Ủy ban do 01 đồng chí Thứ trưởng Bộ Ngoại giao là Chủ nhiệm, các thành viên khác là Chủ tịch Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam, đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, Ban Đối ngoại TW, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ. Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam là cơ quan thường trực của Ủy ban. Theo Nghị định số 12/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban được giao trách nhiệm chủ trì những công việc sau: (i) Thẩm định đối với các TCPCPNN thông qua các cơ quan thành viên Ủy ban để chuyển hồ sơ cho Bộ Ngoại giao xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các TCPCPNN tại Việt Nam; (ii) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; (iii) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; (iv) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; (v) Định kỳ thông báo cho các Bộ, ngành, địa phương về các TCPCPNN đăng ký hoạt động trong lĩnh vực và địa bàn liên

quan đến các Bộ, ngành, địa phương; (vi) Phổ biến, cung cấp thông tin liên quan tới hoạt động PCPNN tới các cơ quan đối tác Việt Nam và các TCPCPNN [26].

Ngay từ năm 2005, Chủ nhiệm Ủy ban đã thành lập Tổ công tác về Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tôn giáo (Tổ 4T) tham mưu cho Ủy ban về các TCPCPNN xin hoạt động tại địa bàn 3T hoặc các tổ chức liên quan đến Tôn giáo. Tháng 5/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 765/QĐ-TTg về việc kiện toàn Ủy ban công tác về các TCPCPNN; trên cơ sở quyết định này, Chủ nhiệm Ủy ban đã ra Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban đồng thời quyết định thành lập Nhóm công tác về các TCPCPNN với nhiệm vụ và quy chế làm việc rõ ràng.

Hầu hết các Bộ, ban, ngành, tổ chức nhân dân đã có các cơ quan đầu mối về PCPNN, có nhiệm vụ đôn đốc và theo dõi thực hiện chương trình xúc tiến và quản lý viện trợ PCPNN cũng như quản lý hoạt động của các TCPCPNN trong lĩnh vực, địa phương mình quản lý. Trên cơ sở Nghị định 12/2012/NĐ-Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã giao cho Cục Ngoại vụ là đơn vị chuyên trách về công tác PCPNN từ cuối năm 2013.

Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (sau đây gọi là địa phương) đều đã phân công một đồng chí cấp ủy (Phó Bí Thư tỉnh/ thành ủy) hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố trách công tác PCPNN. Nhiều địa phương đã thành lập Ban công tác về các TCPCPNN - quy chế phối hợp liên ngành và phân công đầu mối quản lý hoạt động của các TCPCP tại địa phương mình.

- *Về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát:* Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các cơ quan trong việc cấp đăng ký hoạt động và kiểm tra giám sát thường xuyên, chặt chẽ hoạt động của các TCPCPNN. Trong 10 năm qua, các cơ quan thành viên Ủy ban sàng lọc, thẩm định và cấp 70 Giấy phép lập Văn phòng đại diện, 158 Giấy phép lập Văn phòng dự án và 617 Giấy phép hoạt động cho các TCPCPNN. Theo Nghị định 12, tính đến hết tháng 9 năm 2014, Bộ Ngoại giao đã chuyển đổi và cấp mới 250 Giấy đăng ký Hoạt động, 83 Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, 39 Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện. Sau vụ việc tại Tây Nguyên năm 2001 và 2003, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã phối hợp với Bộ Công an phân

loại các TCPCPNN tại Việt Nam, kiên quyết không cho các tổ chức có biểu hiện phức tạp lên hoạt động tại Tây Nguyên (sau năm 2002, số tổ chức hoạt động tại Tây Nguyên giảm từ 70 xuống còn 22 tổ chức).

Mọi dự án và khoản viện trợ PCPNN đều được thẩm định, xét duyệt một cách chặt chẽ theo đúng quy định của Chính phủ, trong đó có các dự án có nội dung nhạy cảm, liên quan đến an ninh quốc phòng, thể chế chính sách, tôn giáo, văn hóa đều được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi thực hiện.

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, không cho các TCPCPNN có ý định xấu hoạt động tại Việt Nam, yêu cầu các cơ quan, tổ chức của ta không tiếp xúc, không chấp nhận dự án của các tổ chức này (Bộ Công an đã xây dựng danh sách các tổ chức thuộc diện này).

Tóm lại, trong nhiều năm qua, công tác quản lý các TCPCPNN đã được thực hiện tốt với việc phát huy mặt tích cực của các TCPCPNN, các cơ quan liên quan của ta đều nhận thức đúng các khía cạnh nhạy cảm của viện trợ PCPNN và đã phối hợp khá chặt chẽ nhằm ngăn chặn các hoạt động sai trái của các TCPCPNN. Cho đến nay, cơ bản ta đã đảm bảo ba nhiệm vụ đề ra trong chỉ thị 19, duy trì viện trợ PCPNN ở mức cao (dù nguồn viện trợ có thể bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế - tài chính thế giới), đồng thời hạn chế được các mặt phức tạp, không để xảy ra các vấn đề lớn về an ninh - chính trị. Một số vi phạm (hoạt động chưa đăng ký, hoạt động ngoài địa bàn và lĩnh vực được cấp phép, truyền đạo trái phép) đều được phát hiện và xử lý kịp thời.

Tuy nhiên công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN còn bất cập như Kết luận số 98-KL/TW ngày 28/6/2014 của Ban Bí thư đã chỉ ra, cụ thể như sau:

- *Một là:* cơ chế quản lý viện trợ và quản lý hoạt động của các TCPCPNN còn phân tán, thiếu đồng bộ, thống nhất. Trong khi đầu mối về công tác PCPNN ở các Bộ, ban, ngành và tổ chức nhân dân ở TW tương đối thống nhất (giao cho các bộ phận quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế) thì mô hình cơ quan quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở các địa phương còn rất khác nhau, hiện có 32 tỉnh giao Sở Ngoại vụ, 13 tỉnh giao Văn phòng UBND tỉnh,



10 tỉnh giao cho Liên hiệp hữu nghị tỉnh, 8 tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối quản lý. Việc phân định cơ quan đầu mối quản lý không đồng nhất khiến cho công tác phối hợp tại địa phương, công tác chỉ đạo từ TW xuống địa phương còn lúng túng. Điều này cũng làm cho các TCPCPNN và ngay các đối tác địa phương cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác phối hợp.

- *Hai là:* Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, giữa TW và địa phương chưa chặt chẽ, thường xuyên. Chưa khắc phục được tình trạng các cơ quan TW thực hiện dự án nhưng không thông báo, phối hợp với các địa phương triển khai.

- *Ba là:* Công tác quản lý các TCPCPNN còn có phần nặng về hành chính, chủ yếu thông qua văn bản, báo cáo. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức này chưa thường xuyên.

- *Bốn là:* Công tác giám sát về tài chính và hoạt động của các TCPCPNN, nhất là giám sát việc tài trợ cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước còn nhiều hạn chế.

- *Năm là:* Thế lực thù địch đã lợi dụng viện trợ và hoạt động PCPNN tác động vào nội bộ ta, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, truyền thông, báo chí, dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo và xây dựng pháp luật.

### **2.3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TCPCPNN Ở HÀ NỘI**

Tính đến năm 2014, có khoảng 900 TCPCPNN có quan hệ với Việt Nam, trong đó khoảng 600 tổ chức hoạt động thường xuyên tại Việt Nam. Nguồn gốc xuất xứ của các TCPCPNN tại Việt Nam tập trung đông nhất (chiếm 42% đến từ châu Âu, chủ yếu Tây Âu; 40% các tổ chức đến từ Bắc Mỹ, 18% các tổ chức đến từ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và các khu vực khác. Hầu hết các TCPCPNN được cấp phép, đăng ký hoạt động, có quan hệ tốt và có thái độ thân thiện với các cơ quan, tổ chức của Việt Nam. Vai trò đóng góp của các TCPCPNN là một trong những kênh hợp tác quan trọng giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, không chỉ ủng hộ Việt Nam giải quyết những vấn đề khó khăn về kinh tế - xã hội mà còn đóng góp, ủng hộ Việt Nam nâng cao vị thế chủ quyền quốc gia cũng như mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo điều kiện cho nước ta đa dạng hóa các quan hệ Hội nhập quốc tế.

Đối với Hà Nội, với tư cách là Thủ đô, nên phần lớn các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam đều có văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội. Tuy nhiên, số các TCPCPNN do Hà Nội quản lý trực tiếp, tính đến thời điểm năm 2014, có 240 TCPCPNN, chiếm khoảng 25% tổng số TCPCPNN hiện có tại Việt Nam, trong đó có 64 tổ chức có giấy đăng ký lập văn phòng đại diện, 59 tổ chức có giấy đăng ký lập văn phòng dự án và 99 tổ chức có giấy phép đăng ký hoạt động.

### **2.3.1. Hoạt động và tính chất hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội**

Các TCPCPNN hoạt động ở Hà Nội rất đa dạng về nội dung và tính chất, phù hợp với mục đích, yêu cầu của Hà Nội cũng như đáp ứng các điều kiện chuyên môn cũng như ý nghĩa đặt ra đối với các TCPCPNN.

#### ***2.3.1.1. Hoạt động của các TCPCPNN trong lĩnh vực thông tin, truyền thông***

Mục đích của các tổ chức này là trao đổi thông tin, tìm hiểu thông tin về tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, tự do báo chí... Chỉ tính riêng năm 2014, có 10 TCPCPNN xin tổ chức họp nội bộ tại Hà Nội về chia sẻ thông tin dự án, tình hình kinh tế - xã hội dưới các hình thức hội thảo, hội nghị, họp báo. Ngoài ra các tổ chức này còn tiến hành các cuộc khảo sát, tham quan, trao đổi trực tiếp với một số cơ quan, trường đại học, các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội của Hà Nội (như các đoàn tổ chức Ân xá quốc tế (Mỹ), đoàn chủ tịch tiểu ban Đông Á - Thái Bình Dương thuộc ủy ban đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ...)

#### ***2.3.1.2. Hoạt động của các TCPCPNN liên quan đến vấn đề tôn giáo, dân tộc***

Hoạt động của các tổ chức này chủ yếu nghiên cứu tìm hiểu về vấn đề tôn giáo, dân tộc, thông qua các buổi thuyết giảng, thực hiện các chương trình tài trợ, tặng quà hoặc các hoạt động từ thiện khác để tìm hiểu phong tục, tập quán, các vấn đề vì tôn giáo...

#### ***2.3.1.3. Hoạt động của các TCPCPNN liên quan đến y tế, giáo dục, văn hóa***

Phần lớn các TCPCPNN hoạt động trên địa bàn Hà Nội đều thực hiện các chương trình, dự án theo các lĩnh vực ưu tiên cần vận động viện trợ của Thành phố.

- Đối với vấn đề xóa đói, giảm nghèo: tập trung hướng ưu tiên viện trợ cho công tác xóa đói, giảm nghèo tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số của 3 huyện Ba Vì, Mỹ Đức, Chương Mỹ của Hà Nội. Bên cạnh các nguồn viện trợ trực tiếp thông qua các chương trình, dự án, các TCPCPNN còn tiến hành khảo sát tình hình, phân tích các nguyên nhân nghèo, xây dựng phương hướng, biện pháp để giải quyết vấn đề nghèo, đặc biệt đề xuất các phương án về giải quyết nghèo ở cả đô thị lẫn nông thôn của Hà Nội theo cách tiếp cận nghèo đa chiều (MPI). Điển hình như dự án Ngân hàng Bò của Tổ chức Hội thành Gallileo (Hàn Quốc), Hỗ trợ phát triển cụm dân cư nông thôn cho 2 xã Thương Vực và Nam Phương Tiến (Huyện Chương Mỹ) của tổ chức Alliam-Mission (Mỹ), dự án Hướng nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm cho thanh niên dân tộc miền núi cho trường Hoa Sữa (Hà Nội) của tổ chức Samasitan's Purse (Mỹ)...

- Đối với vấn đề y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Phần lớn các TCPCPNN thực hiện hỗ trợ trực tiếp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chăm sóc sức khỏe, tổ chức các đoàn khám chữa bệnh miễn phí, ngăn chặn dịch bệnh. Điển hình như các dự án viện trợ chuyên giao 32 máy lọc thận đã qua sử dụng, giá trị thiết bị còn 80% vốn giá trị 216.640 USD của tổ chức Micly-Pyrenees Sante (Đại học Y khoa Paul Sabatien - Pháp) cho Bệnh viện Thận Hà Nội, dự án tài trợ thiết bị y tế của Đại học Limopes - Pháp) cho Bệnh viện Đa khoa Xanh-pôn (Hà Nội) với giá trị 15.800 USD, dự án tài trợ thiết bị y tế cho Bệnh viện Mắt Hà Nội của công ty Quark với giá trị 92.950 USD, dự án Nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của Quỹ Johnson châu Á cho Quỹ Bảo trợ trẻ em Hà Nội với giá trị 75.000 USD, dự án tài trợ cho Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật của Hà Nội của Tổ chức UPS (Mỹ) với giá trị 10.000 USD, dự án chăm sóc và hộ trợ trẻ em mồ côi nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS của tổ chức WWO (Mỹ) cho Trung tâm chữa bệnh, giáo dục lao động số 2 Hà Nội với số tiền là 38.406 USD...

- Đối với các vấn đề xã hội và tệ nạn xã hội: Đây là lĩnh vực được các TCPCPNN hoạt động tại Hà Nội thường xuyên quan tâm thông qua các hoạt động tài trợ, tập huấn, tư vấn. Chỉ tính từ năm 2012 đến năm 2014 đã có 28 dự án thuộc lĩnh vực này. Điển hình như dự án Dự phòng, chăm sóc và điều tra

HIV/AIDS, dự án cung cấp và duy trì dịch vụ chăm sóc và dự phòng HIV tại Hà Nội cho Sở y tế Hà Nội của tổ chức FHI 360 (Liên hợp quốc) với số tiền tài trợ của 2 dự án gần 1 triệu USD, dự án đánh giá chương trình phòng chống HIV dành cho thanh thiếu niên đường phố, dự án “Các yếu tố hỗ trợ và rào cản đối với người có HIV trong việc đăng ký và sử dụng dịch vụ chăm sóc và điều trị HIV tại Việt Nam và Hà Nội” của tổ chức FHI (Liên hợp quốc) cho Viện nghiên cứu y tế xã hội học với tổng giá trị khoảng 350 triệu USD...

#### **2.3.1.4. Hoạt động của TCPCPNN liên quan đến hoạt động tài trợ cho các TCPCPNN Việt Nam và Hà Nội**

Trong thời gian qua các TCPCPNN Việt Nam và Hà Nội đã nhận được sự ủng hộ về tinh thần và tài trợ vật chất từ Mỹ và các nước phương Tây để nâng cao năng lực nghiên cứu, phản biện, vận động chính sách và thúc đẩy phát triển các phong trào xã hội dân sự, tiến hành hoạt động trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, đòi quyền cho người đồng tính, song tính và chuyển giới.

Các TCPCP của Việt Nam và Hà Nội cũng nhận được các khoản tài trợ của các TCPCPNN để tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, tiến hành khảo sát - điều tra, các chuyến thăm quan, học hỏi kinh nghiệm, các buổi làm việc, tiếp xúc với các đoàn quan chức cấp cao, Quốc hội, ngoại giao và các đoàn thể, tổ chức nước ngoài ở cả trong nước cũng như ngoài nước.

#### **2.3.2. Đánh giá về số lượng và giá trị các dự án viện trợ của TCPCPNN ở Hà Nội (giai đoạn 2000 - 2014)**

Bên cạnh những nội dung, tính chất hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội, để đánh giá cụ thể hơn những đóng góp về mặt vật chất của các TCPCPNN ở Hà Nội thời gian qua, phần này sẽ hệ thống hóa và phân tích số lượng và giá trị các dự án viện trợ của các TCPCPNN ở Hà Nội trong giai đoạn 14 năm qua.

**Bảng 2.1 Đánh giá về giá trị dự án, tài trợ của các TCPCPNN ở Hà Nội**

| <b>Năm</b> | <b>Số dự án</b> | <b>Tổng tiền USD (Dự án + Phi dự án)</b> |
|------------|-----------------|--|
| 2000       | 41              | 2.157.665                                |
| 2001       | 32              | 4.159.162                                |
| 2002       | 36              | 4.869.108                                |
| 2003       | 30              | 5.261.108                                |

| <b>Năm</b>     | <b>Số dự án</b> | <b>Tổng tiền USD (Dự án + Phi dự án)</b> |
|----------------|-----------------|--|
| 2004           | 30              | 3.786.910                                |
| 2005           | 21              | 3.602.547                                |
| 2006           | 42              | 3.662.500                                |
| 2007           | 52              | 4.650.000                                |
| 2008           | 49              | 5.800.000                                |
| 2009           | 52              | 5.000.000                                |
| 2010           | 60              | 5.000.000                                |
| 2011           | 58              | 6.100.000                                |
| 2012           | 48              | 4.280.000                                |
| 2013           | 47              | 4.329.536                                |
| 2014           | 36              | 4.146.086                                |
| <b>Tổng số</b> | <b>634</b>      | <b>66,804,622</b>                        |

*Nguồn: Báo cáo về công tác viện trợ của Sở Ngoại vụ Hà Nội.*

Qua bảng trên cho thấy, số dự án viện trợ, tài trợ của các TCPCPNN ở Hà Nội thời gian qua tương đối đều đặn và thường xuyên. Năm số lượng dự án lớn nhất là năm 2010 (60 dự án), năm có số lượng dự án thấp nhất là năm 2005 (21 dự án). Xét về giá trị, năm có giá trị viện trợ lớn nhất là năm 2011 (6,1 triệu USD), năm có giá trị thấp nhất là năm 2000 (2,15 triệu USD). Nếu so năm 2014 với năm 2000, giá trị viện trợ của các TCPCPNN cấp cho Hà Nội tăng khoảng 2 lần. Xét về cơ cấu dự án viện trợ của các TCPCPNN ở Hà Nội, tập trung nhiều nhất là các dự án y tế chiếm 35%, dự án giáo dục - đào tạo chiếm 20%, dự án phát triển kinh tế - xã hội chiếm 15%, còn lại là các dự án thuộc các lĩnh vực khác.

### **2.3.3. Nhận xét chung về thực trạng hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội**

#### **2.2.3.1. Những kết quả đạt được**

Phần lớn các dự án của TCPCPNN xét về số tiền từng dự án không lớn, nhưng về tổng thể cũng là một khoản ngân sách có giá trị (có dự án chỉ có 1.000USD, có dự án có số vốn là 2 triệu USD). Hầu hết các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài là viện trợ 100% không phải hoàn trả, không phải có vốn đối ứng. Mỗi năm thành phố cũng tranh thủ được từ 3,5 đến 6 triệu USD tiền và hàng viện trợ từ các Tổ chức này. Đa số các dự án này đi vào những vấn đề

thiết thực trong cuộc sống và cộng đồng dân cư nên thực sự tác động, giải quyết cải thiện đời sống người dân nơi có chương trình dự án. Các dự án đã giải quyết một số vấn đề bức xúc, khó khăn của người dân như dạy nghề, phát triển nghề truyền thống, tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo, đào tạo nghề cho trẻ em lang thang cơ nhỡ, phòng chống bệnh tật, xây dựng cơ sở vật chất, trường học, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế...

Hoạt động của các TCPCPNN đã tạo bước chuyển biến mới trong nhận thức của cán bộ, nhân dân nơi thụ hưởng dự án về khái niệm kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ. Tạo điều kiện cho các địa phương mở rộng quan hệ song phương, đa phương với nhiều tổ chức, nhiều quốc gia trên thế giới, tranh thủ tài trợ, thúc đẩy cơ chế dân chủ cơ sở, học tập cơ chế quản lý, áp dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ của các nước tiên tiến vào từng địa bàn, lĩnh vực cụ thể.

Qua tìm hiểu quá trình hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội trong thời gian qua, có thể nhận thấy các tổ chức này đã có những đóng góp tích cực nhất định cho việc khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai, xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội ở Hà Nội. Thể hiện ở một số mặt chính như:

*Thứ nhất*, viện trợ phi chính phủ là nguồn bổ sung quan trọng cho ngân sách phát triển của Hà Nội. Giá trị viện trợ tuy nhỏ so với các nguồn khác, nhưng có ý nghĩa ở chỗ đã đưa được tới những người nghèo nhất trong xã hội, vào thời điểm khó khăn nhất, có khả năng đáp ứng kịp thời nhu cầu của một bộ phận nhân dân, giải quyết được một số vấn đề kinh tế - xã hội ở cấp cơ sở trong khi ngân sách nhà nước chưa đủ khả năng bao quát hết và kinh tế thị trường không ngừng làm tăng sự phân hoá giàu - nghèo. Với những địa phương nghèo như huyện Sóc Sơn, Đông Anh... viện trợ phi chính phủ nước ngoài có khi chiếm tỷ lệ lớn trong nguồn thu của địa phương. Hàng năm các TCPCPNN bổ sung vào ngân sách của thành phố qua các dự án, phi dự án từ 3,6 đến 6 triệu USD trong các lĩnh vực như y tế (phòng chống HIV/AIDS, cung cấp các chuyên gia, mổ từ thiện cho trẻ em bị dị tật tại bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, bệnh viện Xanh Pôn...), giáo dục (cung cấp giáo viên tình nguyện dạy tiếng Anh, cung cấp máy tính cho trường học), xoá đói giảm

nghèo... Các dự án phi chính phủ nước ngoài hầu hết là dự án 100% vốn nước ngoài không có đối ứng.

*Thứ hai*, các dự án của TCPCPNN nhìn chung phù hợp với những định hướng ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, như xoá đói giảm nghèo, phát triển vùng sâu, vùng xa. Không chỉ giúp giải quyết khó khăn, một số dự án còn góp phần vào quá trình phát triển bền vững của địa phương, góp phần vào việc xây dựng nông thôn mới. Hình thức viện trợ trực tiếp đến dân của các TCPCPNN giảm bớt các đầu mối trung gian, hạn chế những tiêu cực về tài chính; đồng thời giúp nâng cao kỹ năng chuyên môn, trình độ hiểu biết, kinh nghiệm và phương pháp làm việc của cán bộ địa phương nơi thực hiện dự án.

*Thứ ba*, hầu hết các TCPCPNN khi thực hiện dự án đều tôn trọng và chấp hành các Quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của thành phố Hà Nội. Trong quá trình hoạt động các TCPCPNN thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan của Thành phố để có thể hỗ trợ kịp thời, tôn trọng nguyên tắc quan hệ ba bên: chính quyền địa phương - nhân dân - TCPCPNN, trong đó lấy trung tâm của sự phát triển, coi trọng sự tham gia của người dân ở mọi khâu trong chu trình dự án, phù hợp với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" và quy chế dân chủ ở cơ sở của ta. Các dự án đều tính đến tính bền vững, khả năng duy trì các hoạt động dự án khi kết thúc, quan tâm xây dựng năng lực cho người dân, cho các tổ chức đối tác địa phương. Qua thực hiện dự án, ta tranh thủ được vốn, tiếp cận công nghệ tiên tiến, học hỏi kinh nghiệm tổ chức, điều hành hoạt động và quản lý của các TCPCPNN.

*Thứ tư*, Các dự án giáo dục, đào tạo của các TCPCPNN đã giúp đào tạo đội ngũ cán bộ nhằm tăng cường năng lực, tri thức, kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm, tư duy và phương pháp làm việc hiện đại, chuyển giao kỹ thuật cho các địa phương trong quá trình thực hiện dự án

### **2.2.3.2. Những hạn chế, tồn tại**

Bên cạnh những mặt tích cực vừa nêu, còn tồn tại rất nhiều vấn đề xung quanh hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội hiện nay, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến chính trị, an ninh, tôn giáo.

Một số dự án còn dàn trải, không tập trung, chỉ được thực hiện trong phạm vi nhỏ, phần nhiều mang tính thử nghiệm nên đã hạn chế việc áp dụng công nghệ mới, khiến cho hiệu quả dự án không cao. Nội dung của một số dự án không phù hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển của nhà nước. Một bộ phận TCPCPNN quá chú trọng đảm bảo tính vững bền của dự án nên đã lập ra các tiêu chuẩn lựa chọn quá cao và điều đó đã loại trừ những người nghèo nhất không đến được với một số chương trình giảm nghèo.

Một số TCPCP còn dành tỷ lệ cao cho chi phí hành chính và gián tiếp. Thông thường, chi phí hành chính và chi phí gián tiếp chỉ nên chiếm khoảng 10 - 20%, tổng giá trị dự án, thậm chí còn phải thấp hơn. Tuy nhiên, một số tổ chức nhận nguồn tài trợ từ cơ quan hợp tác phát triển hoặc một số tổ chức trực tiếp triển khai viện trợ thì vẫn duy trì mức chi phí hành chính và chi phí gián tiếp (kể cả chi phí cho chuyên gia nước ngoài) ở mức tới 35 - 60% tổng giá trị dự án, làm ảnh hưởng tới hiệu quả dự án. Một số địa phương chưa kiên trì đấu tranh để hạ chi phí này xuống mà lại chấp nhận nó một cách dễ dãi.

Một phần ngân sách dành cho các dự án tại Hà Nội của các TCPCPNN được lấy từ các cơ quan chính phủ, tổ chức liên chính phủ hoặc các thiết chế tài chính quốc tế nên ngân sách của các TCPCPNN, nhất là các tổ chức nhỏ, rất không ổn định. Khi chính phủ nước cắt giảm ODA, không thực hiện mục tiêu 0,7% GDP cho viện trợ phát triển thì các tổ chức này do ít nhiều lệ thuộc vào trợ cấp chính phủ nên mất đi một phần tính độc lập.

Ngoài các hạn chế trên, qua thực tế triển khai, một số TCPCPNN ở Hà Nội còn vi phạm các quy chế của Nhà nước và Thành phố, cụ thể là:

- Có nhiều TCPCPNN sau khi được cấp đăng ký hoạt động không làm thủ tục thông báo đăng ký hoạt động với thành phố Hà Nội.
- Nhiều tổ chức triển khai các dự án viện trợ khi chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Có những tổ chức hoạt động không đúng với giấy đăng ký được cấp, vượt quá địa bàn được phép hoạt động.
- Nhiều dự án mức chi hành chính phí và tiền lương cho chuyên gia quá cao. Thực tế chưa có quy định của Nhà nước về mặt này.
- Một số tổ chức có chuyên gia nước ngoài làm việc nhưng không làm



thủ tục xin giấy phép lao động tại sở Thương binh xã hội Hà Nội. Việc tuyển chọn lao động không báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền của thành phố.

- Nhiều TCPCPNN không gửi báo cáo hàng năm theo quy định cho thành phố.

### **2.2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại**

- Thiếu sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo các cấp từ trung ương đến địa phương đối với công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài.

- Hệ thống văn bản pháp quy về quản lý phi chính phủ nước ngoài còn chưa đầy đủ.

- Các cơ quan quản lý chưa thường xuyên thanh kiểm tra hoạt động của các TCPCPNN (trên địa bàn) ở Hà Nội.

- Trình độ cán bộ làm công tác đối ngoại còn hạn chế về kỹ năng làm việc và trình độ ngoại ngữ.

- Hàng năm chưa thường xuyên tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội.

- Chưa có sự phân công, hợp tác rõ ràng giữa các sở, ngành trong thành phố. Chưa tổ chức họp giao ban định kỳ giữa các cơ quan quản các TCPCPNN như sở Công an, sở Ngoại vụ, sở Kế hoạch đầu tư, sở Nội vụ.

## **2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI**

### **2.4.1. Hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp quy về QLNN của Thành phố đối với các TCPCPNN ở Hà Nội**

*- Hình thành và củng cố hệ thống văn bản pháp quy*

Trong việc quản lý hoạt động của các TCPCPNN, bên cạnh việc triển khai thực hiện Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 1/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam và Nghị định 93/2009/NĐ-CP ngày 23/10/2009 của Chính phủ ban hành quy chế và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài [25, tr.1], với đặc thù của thành phố Hà Nội thành ủy, UBND thành phố đã ban hành một số văn bản chỉ đạo về công tác đối ngoại và công tác phi chính phủ nước ngoài như:

+ Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 23/8/2006 của Thành ủy Hà Nội về "Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân ở thành phố Hà Nội".

+ Thông tri số 04-TT/TU ngày 3/11/2011 của Thành ủy Hà Nội về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân ở thành phố Hà Nội trong tình hình mới. Thành ủy đã chỉ đạo:

- Chủ động, tích cực mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các thành phố, thủ đô các nước, các vùng lãnh thổ. Coi trọng phát triển quan hệ có chiều sâu với nhân dân các nước láng giềng và các nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của đất nước ta.

- Chú trọng quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học-công nghệ, bảo vệ môi trường,... Chủ động làm tốt công tác vận động các nguồn lực và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, các TCPCP NN, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của tổ chức và lợi ích của quốc gia, dân tộc.

- Kịp thời củng cố, kiện toàn bộ máy, đội ngũ cán bộ, lực lượng làm công tác đối ngoại nhân dân; rà soát, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững nghiệp vụ đối ngoại, giỏi ngoại ngữ [71].

+ Quyết định số 06/2014/ QĐ-UBND ngày 6/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế quản lý hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 9/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc quản lý và sử dụng nguồn viện trợ của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Quy chế quản lý hoạt động của các TCPCPNN ngày 6/2/2014 của UBND thành phố Hà Nội. Theo đó, UBND đã đề ra các nguyên tắc quản lý hoạt động của các TCPCPNN :

- Công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN là một bộ phận của công tác đối ngoại, do vậy, cần bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp của thành ủy; sự quản lý, điều hành thống nhất của UBND TP.Hà Nội, sự hướng dẫn nghiệp vụ của các cơ quan Trung ương, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố.

- Bảo đảm hoạt động của các TCPCPNN phù hợp với lợi ích quốc gia

về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh-quốc phòng và chính sách đại đoàn kết dân tộc, không xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc; không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên.

- Chủ động định hướng, đề ra kế hoạch để tranh thủ nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong từng thời kì từng khu vực, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại của thành phố.

- Bảo đảm nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố.

+ Đặc biệt UBND Thành phố Hà nội đã ban hành quy chế quản lý hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn TP Hà Nội kèm theo quyết định.

Hệ thống văn bản pháp lý quản lý hoạt động của các TCPCPNN bao quát tương đối đầy đủ các khía cạnh của công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN, từ các văn bản quy định về cấp giấy phép, phê duyệt dự án, quản lý lao động Việt Nam làm cho các TCPCPNN... Hệ thống này cũng được xây dựng trong mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ và tương thích với các văn bản pháp lý của các lĩnh vực khác có liên quan như nhập cảnh, tài chính, tôn giáo..., do đó đảm bảo được tính đồng bộ, một trong những yêu cầu quan trọng đảm bảo cho việc quản lý được thực hiện có hiệu quả.

#### **2.4.2. Kiện toàn bộ máy quản lý và phân công, phân cấp công tác quản lý đối với các TCPCPNN ở Hà Nội**

Căn cứ vào Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 6/02/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội, công tác kiện toàn về phân công, phân cấp giữa các cơ quan QLNN của Thành phố đối với các TCPCPNN đăng ký hoạt động trên địa bàn Thành phố đã được xác định cụ thể:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thống nhất quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý hoạt động của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn Thành phố; có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn Thành phố và cử một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Thành phố phụ trách điều phối chung công tác quản lý PCPNN giữa các Sở, Ban, ngành của Hà Nội.

- Sở Ngoại vụ Hà Nội - Cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong quan hệ và quản lý hoạt động của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

+ Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành của Hà Nội trong việc theo dõi, quản lý hoạt động của các Tổ chức PCPNN; tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác PCPNN và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý hoạt động của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn Hà Nội.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác vận động viện trợ của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Chủ trì thẩm định, xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố góp ý Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN và Bộ Ngoại giao trong việc cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký cho các Tổ chức PCPNN hoạt động tại Hà Nội.

+ Tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động và báo cáo hoạt động định kỳ hoặc khi được yêu cầu của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét đề nghị được đặt văn phòng, trụ sở tại Hà Nội của các Tổ chức PCPNN đã được cấp Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án/Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra định kỳ hoặc khi cần thiết đối với hoạt động của các Tổ chức PCPNN tại Hà Nội.

+ Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tiếp nhận các tình nguyện viên nước ngoài đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài các chương trình/dự án đã ký kết và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước về công tác PCPNN, công tác viện trợ PCPNN.

+ Phối hợp với Công an thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cá nhân, Tổ chức PCPNN về các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Phối hợp thiết lập hệ thống thông tin quản lý viện trợ từ cấp Thành phố đến cơ sở; xây dựng trung tâm dữ liệu kinh tế xã hội và thông tin về các chương trình/dự án, xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin để các chủ dự án, các Tổ chức PCPNN và người hưởng lợi có đầy đủ thông tin cần quan tâm liên quan đến chương trình/dự án.

+ Định kỳ 6 tháng và cuối năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban công tác về các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Bộ Ngoại giao công tác quản lý hoạt động và tình hình vận động viện trợ của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn Thành phố.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội - Cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN có nhiệm vụ:

+ Thực hiện theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 9 tháng 12 năm 2011 của UBND Thành phố về việc quản lý và sử dụng nguồn viện trợ của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Chủ trì đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định, phê duyệt, quản lý các chương trình/dự án theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

+ Phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đối ứng cho các chương trình/dự án hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét.

+ Định kỳ 6 tháng và cuối năm thống nhất với Sở Ngoại vụ xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban công tác về các Tổ chức phi

chính phủ nước ngoài, Bộ Ngoại giao công tác quản lý hoạt động và tiếp nhận viện trợ của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Hà Nội có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý, và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các Tổ chức PCPNN, các chương trình, dự án do các Tổ chức PCPNN tài trợ trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

+ Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các Tổ chức PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Sở Nội vụ Hà Nội có trách nhiệm:

+ Chủ trì, phối hợp Công an thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố những vấn đề liên quan đến tôn giáo trong hoạt động PCPNN.

+ Hướng dẫn và hỗ trợ các Tổ chức PCPNN trong quá trình triển khai dự án và các đơn vị tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN thực hiện đúng đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước XNCN Việt Nam.

+ Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các dự án viện trợ PCPNN liên quan đến tôn giáo.

+ Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện xuất sắc nhiệm vụ quản lý hoạt động PCPNN và viện trợ PCPNN.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Sở Tài chính Hà Nội - Cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

+ Chủ trì hướng dẫn các đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và thành phố Hà Nội về quản lý tài chính.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với bên tài trợ theo quy định.

+ Thực hiện ghi thu - ghi chi Ngân sách Nhà nước, quyết toán các khoản viện trợ PCPNN theo quy định.

+ Kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, sử dụng, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong phạm vi chuyên môn của ngành.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Công an Thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

+ Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố những vấn đề bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quá trình vận động, đàm phán, ký kết, tiếp nhận viện trợ PCPNN trên địa bàn Thành phố.

+ Tham gia góp ý trong việc xem xét cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn Hà Nội trong trường hợp cần thiết.

+ Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban công tác về các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Bộ Ngoại giao xử lý đối với các cá nhân, Tổ chức PCPNN, các đối tác trong nước của các Tổ chức PCPNN có hoạt động vi phạm pháp luật hiện hành.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

+ Thực hiện công tác đối ngoại nhân dân, giới thiệu, quảng bá hình ảnh về Thủ đô Hà Nội đến các cá nhân và Tổ chức PCPNN.

+ Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội trong công tác vận động viện trợ PCPNN.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

- Các Sở, Ban, ngành, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các Đoàn thể nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động của các Tổ chức PCPNN và viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

+ Thực hiện và chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, của Thành phố về việc mời đoàn vào, tiếp xúc làm việc với các đoàn khách thuộc các Tổ chức PCPNN; kịp thời báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền đề xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với các Tổ chức PCPNN.

+ Thông báo cho Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi tiếp nhận và kết quả thực hiện những khoản viện trợ PCPNN được phân bổ về cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

+ Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi vận động viện trợ PCPNN gửi Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

+ Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và khi có yêu cầu về hoạt động viện trợ PCPNN với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thông qua Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

+ Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ PCPNN có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn, tài sản của bên tài trợ theo nội dung đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao.

### **2.4.3. Tăng cường quản lý sự hiện diện của các TCPCP đang hoạt động ở Hà Nội**

#### ***a) Quản lý công tác cấp giấy đăng ký hoạt động cho các TCPCPNN***

Cấp giấy đăng ký hoạt động: Nhiệm vụ đầu tiên trong QLNN đối với các TCPCPNN là quyết định cho hay không cho các TCPCPNN vào Việt Nam và Hà Nội, họ có được phép triển khai các hoạt động của mình trên lãnh thổ Việt Nam hay không, là các dạng hoạt động cụ thể nào, tại những địa phương nào và trong thời gian bao lâu. Nói một cách khác, đây là quản lý sự hiện diện của các TCPCPNN trên lãnh thổ Việt Nam. Việc quản lý này được thực hiện thông qua hình thức cấp giấy phép.



Thực hiện quy chế về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam ban hành theo Quyết định 340/TTg được coi là văn bản pháp lý đầu tiên của Việt Nam điều chỉnh hoạt động của các TCPCPNN ở nước ta. Ngày 1/3/2012 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động các TCPCPNN tại Việt Nam. Theo Nghị định này, các TCPCPNN nếu muốn tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển hay viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác thì phải được phép của chính phủ Việt Nam dưới các hình thức: Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký văn phòng dự án hoặc Giấy đăng ký văn phòng đại diện [26].

- Giấy đăng ký hoạt động là sự công nhận và cho phép TCPCPNN tiến hành các hoạt động khảo sát dự án, lập kế hoạch tài trợ, triển khai chương trình, dự án phát triển, nhân đạo tại Việt Nam và Hà Nội hoặc triển khai chương trình, dự án phát triển, nhân đạo thông qua đối tác Việt Nam.

- Giấy đăng ký văn phòng dự án cho phép TCPCPNN được lập văn phòng dự án tại nơi có điều kiện thuận lợi cho việc giám sát chương trình, dự án sau khi được chính quyền sở tại đồng ý. Văn phòng dự án là bộ phận công tác thường xuyên mang tính kỹ thuật của một tổ chức hay của một văn phòng đại diện khi có dự án ở các địa phương xa, đi lại khó khăn, tốn kém; Văn phòng dự án có nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá một hay nhiều chương trình, dự án cụ thể tại địa phương hay trong vùng.

- Giấy đăng ký văn phòng đại diện là sự công nhận chính thức đối với sự có mặt thường xuyên và tính đại diện của TCPCPNN đối với toàn bộ chương trình hoạt động của tổ chức đó tại Việt Nam.

Theo Nghị định 12 cơ quan có thẩm quyền xét cấp, các loại giấy phép là Bộ Ngoại giao, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN ; cơ quan thường trực của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được chỉ định là đầu mối tiếp nhận hồ sơ xin đăng ký của các TCPCPNN. Bộ Ngoại giao là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các TCPCPNN.

Theo số liệu của Ủy ban, tới năm 2013, đã cấp 990 giấy phép các loại cho các TCPCP thuộc các quốc tịch khác nhau và một số TCPCP quốc tế. Khi làm thủ tục xin giấy phép, các TCPCPNN phải khai báo đầy đủ về tôn chỉ,

mục đích hoạt động, lịch sử phát triển, nguồn và khả năng tài chính, chương trình, dự án và kế hoạch hành động tại Việt Nam, thông tin về người được giao phụ trách các hoạt động tại Việt Nam, điều lệ của tổ chức, văn bản chứng nhận tư cách pháp nhân do cơ quan có thẩm quyền của nơi thành lập hoặc nơi đặt trụ sở chính cấp. Thông qua việc cấp giấy phép, ta có thể nắm được rất nhiều thông tin về các TCPCPNN cần thiết cho việc quản lý. Thực tế cho thấy, Giấy phép đã trở thành cơ sở pháp lý để quản lý và điều chỉnh hoạt động của các tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho những tổ chức hoạt động có hiệu quả, đồng thời hạn chế hoặc chấm dứt hoạt động của một số tổ chức phức tạp vi phạm pháp luật, viện trợ không có hiệu quả hoặc có những hoạt động không phải vì mục đích nhân đạo từ thiện, phi lợi nhuận như hoạt động tôn giáo, môi giới nhận con nuôi hay các hoạt động tiêu cực khác.

#### ***b) Quản lý công tác gia hạn, bổ sung giấy phép cho các TCPCPNN***

Cũng theo Nghị định số 12/2012/NĐ-CP Bộ Ngoại giao là cơ quan có thẩm quyền gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy đăng ký của các TCPCPNN tại Việt Nam [26].

Việc gia hạn giấy phép được thực hiện khi giấy phép hết hiệu lực. Nếu có nhu cầu xin gia hạn giấy phép, tổ chức phải làm đơn gửi Ủy ban ít nhất 60 ngày trước khi giấy phép hết hạn. Theo quy định của Nghị định 12, thời hạn cho mỗi lần gia hạn không quá 5 năm kể từ ngày được gia hạn.

Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép được thực hiện trong trường hợp TCPCPNN có nhu cầu chính đáng về sửa đổi, bổ sung các nội dung trong giấy phép đã cấp như đổi tên gọi, chuyển trụ sở Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện, thay thế trưởng văn phòng, bổ sung nhân viên làm việc tại văn phòng, điều chỉnh phạm vi, nội dung hoạt động.

Những điều kiện cụ thể về thời gian, quy trình thủ tục, thời hạn của việc gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép cũng được quy định cụ thể tại Nghị định 12. Song song với việc căn cứ vào những quy định của pháp luật, việc gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép còn phải căn cứ vào hiệu quả hoạt động thực tế hoặc kết quả thực hiện dự án, chương trình các TCPCPNN trong quá trình hoạt động tại Việt Nam kể từ khi được cấp giấy phép hoạt động lần đầu.

### ***c) Điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của TCPCPNN***

Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ Hà Nội có quyền thu hồi giấy phép hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam theo những quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 15 của Nghị định 12, Bộ Ngoại giao sẽ quyết định đình chỉ một phần, đình chỉ toàn bộ hoạt động hoặc phải chấm dứt thu hồi giấy đăng ký.

### ***d) Quản lý hoạt động và sử dụng viện trợ của các TCPCPNN***

Viện trợ là hoạt động chủ yếu của các TCPCPNN tại Việt Nam và Hà Nội. Vì vậy, quản lý nguồn viện trợ là nhiệm vụ rất quan trọng trong tổng thể các nội dung quản lý của Nhà nước ta trên lĩnh vực này. Quyết định 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài và Nghị định số 93/2009/NĐ/CP của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã khẳng định nguồn viện trợ phi chính phủ là một nguồn thu của ngân sách nhà nước và phải hạch toán quản lý theo phân cấp theo luật định của Luật Ngân sách Nhà nước nhằm giám sát việc sử dụng viện trợ đúng mục đích, đối tượng và có hiệu quả. Công tác quản lý này phải được lãnh đạo các bộ, ngành, các địa phương quan tâm chỉ đạo. Đặc biệt là phải có sự tham gia của cơ quan tài chính các cấp.

Nguồn viện trợ phi chính phủ mà Quy chế đề cập tới được hiểu là viện trợ không hoàn lại và trợ giúp không vì mục đích lợi nhuận của các TCPCPNN hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức nhân dân của Việt Nam thực hiện các mục tiêu nhân đạo và phát triển dành cho Việt Nam. Nguồn viện trợ này bao gồm các hình thức chủ yếu sau đây:

- Viện trợ thông qua các chương trình dự án;
- Viện trợ phí dự án (bao gồm cả các khoản cứu trợ khẩn cấp).

Nguồn viện trợ phi chính phủ được nhà nước thống nhất quản lý từ khâu vận động đến đàm phán và ký kết viện trợ với các bên tài trợ, theo dõi giám sát quá trình thực hiện và đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng các khoản viện trợ. Quản lý nguồn viện trợ là công việc đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan và nhiều ngành chức năng, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về điều phối và quản lý các chương trình, dự án sử dụng viện trợ phi chính phủ và tổng hợp chung tình

hình viện trợ phi chính phủ theo định kỳ 6 tháng, hàng năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm quản lý tài chính Nhà nước về viện trợ phi chính phủ và có trách nhiệm trong việc điều phối, quản lý đối với các khoản viện trợ phi dự án;

- Sở Ngoại vụ có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động và tranh thủ viện trợ phi chính phủ;

- Văn phòng UBND có nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; đồng thời tham gia công tác thẩm định và đề xuất kiến nghị về chính sách, cơ chế đối với các chương trình, dự án; tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND Thành phố;

- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố chịu trách nhiệm chính trong công tác quan hệ và vận động viện trợ đối với bên tài trợ;

- Sở Công an có nhiệm vụ hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện các quy định về bảo vệ an ninh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ; tham gia ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về các chương trình, dự án liên quan đến thể chế, chính sách Nhà nước, pháp luật, tôn giáo, quốc phòng, an ninh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Ban Tôn giáo có nhiệm vụ hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức của Việt Nam thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ;

Việc kiểm tra giám sát định kỳ hàng năm về nguồn viện trợ do Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính thực hiện theo chế độ 6 tháng hàng năm và khi kết thúc thực hiện. Việc phê duyệt các khoản viện trợ trị giá từ 50.000 đôla Mỹ trở lên thuộc quyền Chủ tịch UBND Thành phố; giám đốc các Sở, ngành của Thành phố có quyền phê duyệt các khoản viện trợ dưới 50.000 đôla (trừ những chương trình, dự án có liên quan đến thể chế, chính sách, luật pháp, cải cách hành chính, văn hoá thông tin, tôn giáo, quốc phòng, an ninh và những chương trình, dự án và các khoản phi viện trợ phi dự án có những mặt hàng thuộc diện hạn chế nhập khẩu).

Cũng liên quan đến quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài, Việt Nam đã có một số luật quan trọng như Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thuế giá trị gia tăng cũng như một loại văn bản của Chính phủ và các bộ. Tất cả tạo thành cơ sở pháp lý cho công tác quản lý. Căn cứ vào điều khoản trên, Thành phố cũng đã thực hiện nghiêm túc trong quá trình quản lý các hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn.

Nhìn chung, công tác quản lý nguồn viện trợ phi chính phủ trong thời gian qua tương đối tốt, đã dần dần đưa việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ vào nề nếp. Việc vận động viện trợ phát triển và viện trợ nhân đạo cho các chương trình, dự án được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của nhà nước hoặc của từng ngành, địa phương. Đa số các TCPCP đều áp dụng chế độ kiểm toán quốc tế và kiểm toán nội bộ, vì vậy, nhiều chủ dự án cũng cho rằng công tác quản lý tài chính của các tổ chức này rất chặt chẽ. Nhờ vậy, tình trạng sử dụng tiền hàng viện trợ sai mục đích đã có xu hướng giảm so với thời kỳ những năm 1980. Vốn viện trợ không dàn trải mà đã được đầu tư vào những lĩnh vực quan trọng và cần ưu tiên như y tế, giáo dục, xoá đói giảm nghèo, quản lý tài nguyên, phát triển cộng đồng... Nhà nước cũng quản lý chặt chẽ để tránh tình trạng tiếp nhận những hàng hoá thuộc danh mục cấm các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.

#### ***e) Quản lý nhà nước đối với các hoạt động chuyên môn của các TCPCPNN***

Thực chất của việc quản lý trên lĩnh vực đối với hoạt động của các TCPCPNN là xác định lĩnh vực cần ưu tiên nhận viện trợ hoặc cần sự tham gia của các TCPCPNN. Nhà nước thực hiện quản lý trên lĩnh vực đối với các TCPCPNN có hai mục tiêu. Thứ nhất, để đảm bảo cho viện trợ phi chính phủ tập trung vào những lĩnh vực mà nước ta cần phát triển, những vấn đề nước ta cần giải quyết; thứ hai, để hạn chế hoạt động của các TCPCPNN trên các lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến an ninh chính trị, an ninh xã hội.

Hiện nay, Nhà nước xác định và khuyến khích tạo điều kiện cho các TCPCPNN hoạt động trên các lĩnh vực chủ yếu là: giáo dục, y tế, xã hội và phát triển kinh tế. Trên lĩnh vực giáo dục, chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục. Trên lĩnh vực y tế, Nhà nước khuyến khích các TCPCPNN tập trung vào các dự án phòng chống và chăm

sóc bệnh nhân HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản vị thành niên, sức khỏe gia đình; ngoài ra cũng khuyến khích các tổ chức viện trợ để xây dựng các cơ sở y tế và cung cấp trang thiết bị y tế. Trong lĩnh vực xã hội và phát triển kinh tế hiện nay Nhà nước hướng các TCPCPNN vào các dự án phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 -2010). Đặc biệt là mục tiêu quốc gia chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Ủy ban Công tác về TCPCPNN đang xúc tiến việc xây dựng chiến lược vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài ở cấp quốc gia cũng như ở cấp địa phương.

Song song với định hướng và khuyến khích các TCPCPNN tập trung viện trợ và hoạt động cho một số lĩnh vực, QLNN còn là để ngăn cản hoặc hạn chế hoạt động của các TCPCPNN trên một số lĩnh vực nhạy cảm như tôn giáo, môi giới con nuôi, nhân quyền.

Do làm tốt quản lý trên lĩnh vực, thời gian qua, nhìn chung, viện trợ phi chính phủ đã tập trung được vào các lĩnh vực trọng điểm, tránh được tình trạng đầu tư viện trợ dàn trải, manh mún, hoặc đầu tư vào những lĩnh vực không thực sự cần thiết. Nhờ vậy, hiệu quả sử dụng viện trợ được tăng lên, tác dụng tích cực và thiết thực tới những lĩnh vực và đối tượng cần viện trợ. Cũng nhờ quản lý lĩnh vực, ta đã hạn chế được các hoạt động trái với mục tiêu từ thiện, nhân đạo của các TCPCPNN trên các lĩnh vực nhạy cảm.

***g) Quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra, xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động các TCPCPNN***

Nội dung của QLNN về công tác phi chính phủ nước ngoài chính là những nhiệm vụ mà các chủ thể QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam và Hà Nội phải đảm trách thực hiện. QLNN đối với các TCPCPNN là một lĩnh vực công tác bao gồm trong đó rất nhiều nội dung.

Xây dựng môi trường pháp lý chủ yếu là xây dựng, ban hành pháp luật và sử dụng pháp luật điều chỉnh có tính cưỡng chế trong các hoạt động quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài. Sử dụng pháp luật là sự khẳng định quyền lực nhà nước; pháp luật chính là yếu tố phân biệt QLNN với những dạng quản lý khác và là công cụ chủ yếu để Nhà nước quản lý các TCPCPNN . Sử dụng pháp luật để quản lý là hình thức quản lý nhằm tận dụng những tác dụng tích cực và hạn chế những tác dụng tiêu cực của các TCPCPNN đối với sự phát

triển kinh tế - xã hội; đối với phía các TCPCPNN , pháp luật tạo lập cho họ một môi trường hoạt động chính thức, quyền lợi của họ cũng được Nhà nước Việt Nam bảo đảm. Các TCPCPNN , không phân biệt hình thức tổ chức, quy mô, lĩnh vực hoạt động hay quốc gia gốc, tất cả đều phải tuân thủ luật pháp Việt Nam. Cũng cần khẳng định rằng, pháp luật về các TCPCPNN của Việt Nam là phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế chứ không phải là sự áp đặt cứng nhắc và duy ý chí của Nhà nước đối với các TCPCPNN .

Thực chất nội dung xây dựng môi trường pháp lý là thể chế hoá đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước thành pháp luật. Nói một cách hình ảnh, khi đã tạo lập "sân chơi" và mở "cuộc chơi" thì phải có "luật chơi" rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ. Luật chơi vừa ràng buộc các bên tham gia, vừa bảo đảm cho các bên được đối xử công bằng, bình đẳng. Điều này lại đặc biệt cần thiết khi một bên là phía nước ngoài. Cụ thể nhiệm vụ này là phải xây dựng hệ thống pháp luật có liên quan đến các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam để làm cơ sở cho công tác quản lý. Khi xây dựng hệ thống này, phải chú ý làm cơ sở cho công tác quản lý đồng thời phải chú ý đảm bảo được sự cân đối giữa hai loại hệ thống chính sau đây:

*Thứ nhất*, hệ thống pháp luật theo chủ thể quản lý, tức là các quy định luật pháp của Nhà nước đối với các cơ quan của Việt Nam hoạt động trên lĩnh vực quản lý phi chính phủ nước ngoài.

*Thứ hai*, hệ thống pháp luật theo khách thể quản lý, tức là các quy định luật pháp của Việt Nam dành riêng cho các TCPCPNN hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Pháp luật cần có QLNN về các TCPCPNN không chỉ có các quy định về quan hệ đối ngoại còn phải bao gồm cả các chế định về ngoại thương, tài chính, tôn giáo, xã hội... Toàn bộ hệ thống phải phù hợp với điều kiện cụ thể, với định hướng phát triển của đất nước ta và với luật pháp quốc tế.

Dự theo các nội dung trên, công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động của TCPCPNN ở thành phố thời gian qua được thực hiện cụ thể như sau: năm 2013 Sở Ngoại vụ Hà nội đã tổ chức thanh tra 20 tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong đó đa số các tổ chức chấp hành tốt các quy định về việc xin cấp giấy phép, thuê trụ sở, tuyển nhân viên.

## **2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI**

### **2.5.1. Những kết quả đạt được**

+ Đã hình thành bộ máy quản lý liên ngành của thành phố bao gồm sở Ngoại vụ, sở Kế hoạch và đầu tư, sở Công an thành phố, sở Nội vụ, sở Lao động thương binh xã hội, sở giáo dục, sở y tế và Ban dân vận thành ủy.

+ Đã có sự phân công, phân cấp trong việc quản lý và phê duyệt các dự án do các TCPCPNN viện trợ.

+ Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra về hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố.

+ Đã tham mưu cho UBND thành phố ban hành Quy chế quản lý hoạt động của các TCPCPNN.

+ Thông qua công tác quản lý đã góp phần thúc đẩy công tác vận động viện trợ.

### **2.5.2. Những hạn chế, tồn tại**

Mặc dù những kết quả đạt được trong quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài của Việt Nam là rất đáng kể, song trong quá trình quản lý vẫn bộc lộ một số điểm bất cập và một số tồn tại chưa giải quyết triệt để. Có thể kể tới những tồn tại sau đây: Đối với thành phố Hà Nội lực lượng làm công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài còn ít và chưa có sự phân công rõ ràng và hợp tác tốt giữa các ngành, khi có sự cố xảy ra còn đùn đẩy trách nhiệm.

*- Môi trường pháp lý chưa hoàn thiện*

Trước những biến động của thực tế khách quan, việc thay đổi, điều chỉnh các văn bản pháp lý là yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên, trong một thời gian không dài từ năm 1991 tới nay mà đã có tới 3 quyết định (80/CT, 28/TTg và 64/TTg) của Chính phủ thay đổi quy định về quan hệ với các TCPCPNN, phân cấp phê duyệt dự án do TCPCPNN tài trợ và 2 quyết định (339/TTg và 59/TTg) về việc thay đổi cơ quan quản lý (Ủy ban Công tác về các TCPCP và Ủy ban Công tác về các TCPCPNN) chứng tỏ hệ thống này còn thiếu ổn định và chưa thống nhất.

Mặc dù trở thành một lĩnh vực khá sôi nổi, lại vốn là lĩnh vực nhạy cảm và phức tạp nhưng cho đến nay, hoạt động của các TCPCPNN mới chỉ được



quy định bởi những văn bản dưới luật. Không được điều chỉnh bởi những văn bản có tính pháp lý cao thì hoạt động quản lý rộng và căn bản là một nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến tình trạng thiếu ổn định trong thiết kế bộ máy quản lý. Các văn bản dưới luật có thể thường xuyên thay đổi và sự thay đổi này đã khiến cho tổ chức bộ máy quản lý bị đảo lộn, công cụ pháp lý dễ bị mất hiệu quả, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động quản lý.

*- Bộ máy quản lý và cơ chế phối hợp thiếu ổn định và chưa đồng bộ*

Đáng chú ý nhất là sự không ổn định trong bộ máy quản lý ở trung ương. Điển hình là việc đột ngột giải thể Ủy ban Công tác về các TCPCP trong lúc chưa chuẩn bị một cơ quan phù hợp để thay thế đã khiến cho công tác quản lý hoạt động viện trợ bị hẫng hụt.

Bên cạnh đó là sự thiếu đồng bộ trong bộ máy quản lý ở địa phương. Như đã đề cập sơ lược trong mục 2.2.5, hiện nay ở địa phương vẫn tồn tại nhiều kiểu mô hình cơ quan đầu mối khác nhau về công tác phi chính phủ. Thực trạng này, một mặt cũng nói lên tính linh hoạt nhất định của các địa phương, nhưng mặt khác lại là biểu hiện của tính thiếu đồng bộ. Việc áp dụng những mô hình khác nhau là để phù hợp với điều kiện thực tế cụ thể ở các địa phương khác nhau, tuy nhiên, xét một cách tổng thể trong cả một hệ thống, thì sự không thống nhất này cũng dẫn đến không ít khó khăn cho cả người quản lý lẫn đối tượng bị quản lý. Ví dụ, nếu cùng một TCPCPNN hoạt động tại các tỉnh thành khác nhau thì họ sẽ phải làm việc với những cơ quan đầu mối khác nhau về cấp, về thẩm quyền, về chức năng; điều này chắc chắn sẽ dẫn đến những phức tạp trong hợp tác giữa hai bên; hoặc giả cùng một văn bản của cấp trên về cùng một vấn đề quản lý nhưng đối tượng nhận văn bản ở các địa phương khác nhau sẽ là khác nhau dẫn đến "độ vênh" trong áp dụng văn bản và thực hiện cụ thể.

Yếu kém cũng bộc lộ từ các bộ, ngành và địa phương trong việc quán triệt và chấp hành các văn bản pháp quy về quản lý hoạt động của các TCPCPNN. Tuy đã có quy chế về hoạt động của các TCPCPNN nhưng một số nơi chưa quán triệt dẫn đến tình trạng một số tổ chức hoạt động không có giấy phép nhưng vẫn được địa phương hoan nghênh. Tại một số tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh và ban ngành trong tỉnh không biết tới sự tồn tại của Quy chế hay Quyết định 64 vì vậy vẫn tiếp nhận dự án của các tổ chức chưa được cấp giấy phép hoặc chưa được

phép hoạt động tại địa phương, không hướng dẫn được các tổ chức này trong thực hiện các quy định về nộp hồ sơ xin giấy phép hoặc không tiến hành kiểm tra giấy phép khi có đoàn của TCPCPNN về địa phương hoạt động. Việc thực hiện quy trình, thủ tục phê duyệt dự án theo Quyết định 64 chưa nghiêm túc.

Vấn đề tổ chức và nhân sự của cơ quan đầu mối chưa được quan tâm thích đáng. Tại một số bộ có nhiều quan hệ với các TCPCPNN, việc chỉ định cơ quan đầu mối chưa rõ ràng; có bộ kết nối được các đầu mối, ngược lại lại có bộ không có đầu mối nào và gần như bỏ qua chức năng quản lý quan hệ và quản lý viện trợ tại các cơ quan trực thuộc của mình. Điều này dẫn đến tình trạng là TCPCP làm việc với lãnh đạo bộ, ngành hay UBND tỉnh mà cơ quan đầu mối không nắm được. Tại các địa phương, tình trạng cơ quan đầu mối không nắm được tình hình cũng khá phổ biến.

Việc thực hiện dự án do nhiều cơ quan phê duyệt và không có sự phối hợp liên kết với nhau đôi khi bị chông chéo và thiếu thống nhất.

*- Quản lý viện trợ còn kẽ hở và chưa hiệu quả*

Công tác QLNN về tài chính nguồn viện trợ vẫn còn những bất cập. Bên cạnh đa số bộ ngành, địa phương, làm tốt công tác quản lý này, vẫn còn một số nơi vẫn để ngoài ngân sách nguồn thu viện trợ không hoàn lại. Một số nơi sau khi phê duyệt dự án chỉ gửi cho các cơ quan tổng hợp trung ương quyết định phê duyệt dự án mà không gửi đầy đủ hồ sơ dự án theo quy định, không tiến hành các thủ tục phê duyệt dự án theo quy định hoặc có quyết định phê duyệt dự án nhưng không gửi cho các cơ quan tổng hợp trung ương. Một số địa phương vẫn chấp nhận các loại hàng cấm nhập hoặc hạn chế nhập khẩu. Các cơ quan quản lý ở Trung ương chưa đề trình các biện pháp chế tài thích đáng đối với những trường hợp này. Tại một số tỉnh, sở tài chính - vật giá chưa tích cực thực hiện chức năng quản lý tài chính (tiền và hàng viện trợ), đồng thời cơ quan và tổ chức địa phương nhận viện trợ không làm các thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách dẫn tới tình trạng chênh lệch về thống kê viện trợ hàng năm giữa Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Có hiện tượng lách luật, xin tài trợ thực hiện dự án trị giá dưới 500.000 đô - la để có thể "phê duyệt nội bộ" dễ dàng hoặc chia nhỏ dự án lớn tránh

trình Thủ tướng phê duyệt; nhiều trường hợp không sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ, gây thất thoát tiền, hàng viện trợ hoặc không tăng cường vận động được các TCPCPNN đến giúp đỡ.

Một số địa phương không thực hiện đúng quy định của Chính phủ, đã ký những thoả thuận thực hiện những dự án cho phép các TCPCPNN sử dụng phần lớn ngân sách cho cán bộ chuyên gia của họ và cho chi phí hành chính khiến cho vốn viện trợ thì có mà không đến được với những vùng nghèo và những người nghèo chi phí hành chính của các TCPCP quá cao..

*- Quản lý con người nặng về hành chính*

Công tác quản lý người Việt Nam mới chỉ đơn thuần là quản lý về mặt nhân sự, chưa gắn với quản lý hoạt động của các TCPCPNN. Các chính sách và quy chế về quản lý hoạt động viện trợ, quản lý và sử dụng viện trợ cũng như các quy định về nhập cảnh chưa được phổ biến kịp thời cho lao động người Việt Nam làm việc cho các TCPCPNN. Chưa có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa cơ quan quản lý hoạt động viện trợ với cơ quan tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các TCPCPNN. Tình trạng người Việt Nam làm việc cho các tổ chức này dưới hình thức chuyên gia tư vấn, ngắn hạn hầu như không được quản lý.

Vấn đề có nhiều cán bộ giỏi của Việt Nam trong cơ quan nhà nước chuyển sang làm việc cho các TCPCPNN cũng là một biểu hiện nạn "chảy máu chất xám". Hiện tượng này càng phổ biến hơn nhưng hầu như chưa được quan tâm.

*- Một số tồn tại khác :*

Quản lý hành chính quan liêu: thực tế có một số cấp quản lý không nắm được thực chất chương trình, để mặc cho các TCPCPNN hoạt động tại địa phương. Các cơ quan quản lý cục bộ, phân tán song lại dựa dẫm vào nhau, Trung ương ý vào địa phương, địa phương ý vào trung ương; về mặt hình thức có vẻ chặt chẽ nhưng trên thực tế lại rất lỏng lẻo. Thủ tục phê duyệt, cấp phép kéo dài, rườm rà, làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Điều này là một phần nguyên nhân dẫn đến tình trạng có nhiều tổ chức hoạt động không xin phép hoặc tự động mở rộng địa bàn so với địa bàn đã đăng ký, thậm chí không xin gia hạn giấy phép khi hết hạn. Lý do là họ mất lòng tin ở hiệu quả xử lý giấy

phép của phía Việt Nam mặc dù đa số vẫn tỏ ra muốn tôn trọng pháp luật Việt Nam.

Việc chia sẻ thông tin về hoạt động của TCPCPNN, trao đổi kinh nghiệm quản lý trên lĩnh vực này còn nhiều hạn chế. Một số cơ quan thụ hưởng dự án thiếu tinh thần hợp tác với các cơ quan quản lý trong việc chia sẻ thông tin liên quan đến quản lý dự án viện trợ. Nếu xử lý không khéo đây sẽ là vấn đề dễ bị bên ngoài lợi dụng khoét sâu gây mâu thuẫn nội bộ nhất là đối với các tổ chức có yếu tố tôn giáo.

### **2.5.3 Nguyên nhân của tồn tại**

- Do hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, nhiều phương diện của lĩnh vực này còn thiếu văn bản điều chỉnh như quy định về chuyển tiền cho dự án, quản lý ngân sách cho dự án, quy định về miễn thuế, giảm thuế cho các khoản đóng góp về xã hội của các công ty nước ngoài hay các văn bản về việc thành lập các TCPCP Việt Nam và quan hệ giữa các tổ chức này với các TCPCPNN;

*- Hệ thống tổ chức bộ máy chưa được thống nhất từ Trung ương đến địa phương Trung ương do cục ngoại vụ Bộ Ngoại giao ký giấy đăng ký, trong khi Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài giao cho liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là đầu mối tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Ở các địa phương thì có tỉnh thành giao cho sở ngoại vụ, có tỉnh giao cho văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, sở Kế Hoạch và đầu tư, liên hiệp các tổ chức Hữu Nghị từ đó rất khó khăn trong việc tổ chức triển khai một cách đồng bộ và thống nhất các quy định của nhà nước.*

*- Sự phối hợp giữa Ủy ban Công tác về phi chính phủ nước ngoài và các ngành khác chưa thực sự đồng bộ, nhịp nhàng, còn chông chéo.*

*- Nhận thức về công tác phi chính phủ của các cấp lãnh đạo còn bất cập, chưa thấy rõ được tầm quan trọng của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;*

*- Trình độ cán bộ làm công tác đối ngoại còn nhiều hạn chế, thiếu về trình độ ngoại ngữ, bản lĩnh chính trị, nhận thức còn giản đơn trong quá trình tiếp xúc và làm việc với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài còn nặng về lợi*

*ích vật chất mà không tính đến lợi ích Quốc gia liên quan đến vấn đề an ninh chính trị, đội ngũ cán bộ làm công tác phi chính phủ còn thiếu và yếu chưa được đào tạo cơ bản dẫn đến năng lực quản lý về công tác phi chính phủ nước ngoài còn hạn chế và bất cập.*

- Nguồn lực để thực hiện quản lý công tác phi chính phủ còn thiếu và yếu về tài chính, về con người... Nhiều chương trình, dự án đòi hỏi phải có vốn đối ứng nhưng chưa đáp ứng được, do đó còn hạn chế trong việc tiếp nhận viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài chưa được tiến hành thường xuyên, còn thiếu các cuộc tổng kết theo chuyên đề về quản lý phi chính phủ nước ngoài giữa các cơ quan quản lý của Trung ương và các địa phương.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Nội dung cơ bản của Chương 2 đi sâu phân tích hoạt động của các TCPCPNN và thực trạng công tác công tác QLNN của thành phố Hà Nội đối với các TCPCPNN đăng ký hoạt động trên địa bàn. Trong chương này, luận án đã khái quát đặc điểm và tình hình phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội hiện nay, khái quát các hoạt động chung của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố, để từ đó đi sâu vào vấn đề cơ bản đánh giá thực trạng công tác QLNN của Hà Nội đối với các TCPCPNN. Nội dung về thực trạng công tác QLNN tập trung vào các vấn đề cơ bản về Hoàn thiện cơ sở pháp lý, kiện toàn bộ máy quản lý gắn với liên kết và phân công, phân cấp, vai trò QLNN đối với các TCPCPNN về thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm tra, sử dụng viện trợ, các hoạt động chuyên môn... Căn cứ vào thực trạng QLNN của Thành phố đối với các TCPCPNN trên địa bàn, luận án đã đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại, nguyên nhân khách quan và chủ quan của các hạn chế, tồn tại trong công tác QLNN đối với các TCPCPNN trên địa bàn thành phố thời gian qua. Dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng của Chương 2 sẽ là các điều kiện để luận án thực hiện các nội dung của Chương 3.

## CHƯƠNG 3

### MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI

#### 3.1. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VỀ CÔNG TÁC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

##### 3.1.1. Quán triệt các chủ trương của Trung ương và thành phố Hà Nội đối với các TCPCPN

Mọi phương hướng và giải pháp để tăng cường QLNN về công tác phi chính phủ nước ngoài đều phải căn cứ vào đường lối và chủ trương của Đảng và Nhà nước; quan điểm của Đảng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, bao quát toàn bộ quá trình quản lý.

*Công tác phi chính phủ nước ngoài cần phải quán triệt các quan điểm của Đảng về hoạt động đối ngoại.*

Đảng nhấn mạnh vị trí của công tác phi chính phủ nước ngoài là một bộ phận trong tổng thể công tác đối ngoại của nước ta, cụ thể hơn là của công tác đối ngoại nhân dân. Do đó, Đảng đặt yêu cầu phải quan tâm, chỉ đạo và quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài như một hoạt động đối ngoại.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại nói chung, trong đó có công tác phi chính phủ nước ngoài, là toàn diện, tuyệt đối, bảo đảm sự phối hợp thống nhất giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước với đối ngoại nhân dân, giữa đối ngoại với an ninh, quốc phòng, giữa tuyên truyền nội bộ và thông tin đối ngoại.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6/1996) nêu rõ "... mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các TCPCP, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển".

Đại hội Đảng lần thứ IX không những tiếp tục khẳng định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế với tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế", phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển mà còn chỉ đạo rõ hơn về công tác phi chính phủ. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam một lần nữa nêu rõ sự cần thiết phải "Mở rộng

hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng rộng rãi của các quốc gia, dân tộc, các chính đảng, tổ chức quốc tế, tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế" [29].

Trên tinh thần quan điểm chỉ đạo đó, công tác phi chính phủ nước ngoài cần quán triệt những quan điểm mà Đảng đã đề ra cho hoạt động đối ngoại nói chung. Cụ thể là:

*Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân*

Phương châm này đòi hỏi, trong lĩnh vực công tác phi chính phủ nước ngoài phải đặt lợi ích chân chính của dân tộc, cũng là của giai cấp công nhân Việt Nam lên hàng đầu. Lợi ích của dân tộc ta không mâu thuẫn mà phù hợp với lợi ích, mong muốn hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân và giai cấp công nhân trên thế giới. Đoàn kết với các nước XHCN, các Đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, phong trào không liên kết, các lực lượng hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới trong đó bao gồm cả một số TCPCPNN và quốc tế không những góp phân tích cực vào cuộc đấu tranh chung mà còn là nhằm tạo hậu thuẫn chính trị quốc tế cho sự nghiệp cách mạng lâu dài của nhân dân ta.

*Giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại*

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường, phát huy sức mạnh dân tộc là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, là điều kiện để mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, tạo thế đứng quốc tế vững chắc, tạo điều kiện bên ngoài cho thuận lợi cho công cuộc phát triển đất nước; song độc lập tự chủ không có nghĩa là biệt lập, khép kín. Công tác phi chính phủ nước ngoài cần phải chú trọng tới việc thông qua các TCPCPNN để tranh thủ nguồn lực bên ngoài; đồng thời, trong quan hệ với các TCPCPNN, phải tự lực, tự cường và dựa vào nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi. Đa dạng hoá quan hệ đối ngoại có nghĩa là phải mở rộng quan hệ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hoá, giáo dục, y tế... Đa dạng hoá quan hệ còn có nghĩa là đa dạng hoá đối tượng quan hệ tức là cả về mặt Đảng, Nhà nước và

nhân dân, là không chỉ quan hệ với các quốc gia mà còn với các định chế quốc tế, các tổ chức quốc tế, các TCPCP phù hợp với xu thế đa dạng hoá và đa phương hoá của quan hệ quốc tế ngày nay.

*Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với các TCPCPNN*

Trong quan hệ với các TCPCP có hai mặt hợp tác và đấu tranh. Tùy từng thời điểm, từng vấn đề, từng đối tượng mà mặt hợp tác hoặc mặt đấu tranh nổi lên. Vì vậy, công tác phi chính phủ nước ngoài cần phải tránh hợp tác một chiều hoặc đấu tranh một chiều bởi cả hai khuynh hướng này đều bất lợi. Để bảo vệ lợi ích của dân tộc và để có được quan tâm bình đẳng cùng có lợi với các TCPCPNN, chúng ta cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác đồng thời phải đấu tranh dưới những hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tượng. Tuy nhiên, đấu tranh là nhằm duy trì và thúc đẩy hợp tác, để ngăn các thế lực chống đối lợi dụng sơ hở đẩy chúng ta vào thế bị cô lập hoặc khiêu khích gây xung đột, vừa hợp tác vừa đấu tranh, "thêm bạn bớt thù", tranh thủ những lực lượng có thể tranh thủ được, phân hoá và thu hẹp đến mức có thể được các thế lực chống đối hoặc không ủng hộ nhân dân ta.

*Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại*

Công tác phi chính phủ nước ngoài bên cạnh việc quản lý các TCPCPNN tại Việt Nam còn cần phải chú trọng tới việc mở rộng quan hệ. Có thể thông qua mở rộng quan hệ với các TCPCPNN để mở rộng quan hệ với các quốc gia, các tổ chức quốc tế, từ đó tăng cường vị trí và ảnh hưởng của nước ta trên thế giới, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Quán triệt quan điểm này sẽ bảo đảm cho ta có một vị trí có lợi, hạn chế những bất lợi trong quan hệ quốc tế để có thể ứng phó với những tình huống bất trắc. Mở rộng quan hệ không chỉ trên phương diện đối tác quan hệ mà còn có nghĩa là mở rộng lĩnh vực quan hệ và cách thức quan hệ.

Tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phi chính phủ nước ngoài (1/2002), Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã đề xuất: để đẩy mạnh QLNN đối với công tác phi chính phủ nước ngoài, chúng ta phải "tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, tăng cường công tác quản lý viện trợ, tận dụng những mặt tích cực, giảm thiểu những mặt tiêu cực, đảm bảo an ninh, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng và quản lý nguồn tài trợ do TCPCPNN



cung cấp; tiếp tục mở rộng quan hệ với các TCPCPNN nhằm phục vụ cho công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội) tiếp tục tạo môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút viện trợ phi chính phủ; cần chú trọng gắn việc mở rộng quan hệ, vận động với việc nâng cao năng lực quản lý hoạt động tại các địa phương, khả năng quản lý tới đâu thì mở rộng quan hệ tới đó.

Sau hội nghị tổng kết, từ những kinh nghiệm và những bài học đã rút ra từ thực tiễn, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã đề ra những phương hướng lớn cho các cấp uỷ Đảng, tổ chức Đảng các cấp, các ngành để làm tốt hơn nữa công tác quản lý các TCPCPNN. Những phương hướng này đã được cụ thể hoá thành những yêu cầu trong Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 24/01/2003 của Ban Bí thư về công tác phi chính phủ nước ngoài [3].

Trong QLNN, Nhà nước giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Chính vì vậy, muốn hoàn thiện QLNN đối với các TCPCPNN, trước hết cần phải nâng cao hơn nữa vai trò của Nhà nước với tư cách là người định hướng, người vạch chiến lược, người lập kế hoạch.

Nhà nước phải là người đề ra cho công tác phi chính phủ nước ngoài những chiến lược tổng thể, dài hạn cũng như những kế hoạch, chương trình mục tiêu ưu tiên cụ thể trong từng thời kỳ. Chiến lược, kế hoạch của Nhà nước là trung tâm của mọi tổ chức và hoạt động của bộ máy QLNN đối với các TCPCPNN. Nói một cách khác là mọi tổ chức và mọi hoạt động của bộ máy quản lý đều phải hướng đến việc thực hiện những chiến lược và kế hoạch mà Nhà nước đã đề ra. Nhưng không có nghĩa là Nhà nước sẽ vạch kế hoạch chi tiết, cụ thể cho tất cả các bộ ngành, địa phương mà chỉ đòi hỏi Nhà nước vạch ra những định hướng, những mục tiêu lớn, trong đó có dính đến những điều kiện khả thi, bảo đảm thực hiện kế hoạch.

Nhà nước cũng phải là người xác định phương thức quản lý và mức độ quản lý cho từng loại hình TCPCPNN cụ thể để quyết định những tổ chức nào cho phép hoạt động, những loại hình viện trợ nào nên khuyến khích phát triển, những địa bàn nào nên ưu tiên viện trợ, những lĩnh vực nào nên mở rộng cần tổ chức nghiên cứu chính sách và cơ chế tài trợ của các tổ chức quốc tế các TCPCPNN để có phương thức vận động phù hợp.

Nhà nước là người xác định cơ quan đầu mối ở Trung ương, là người quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đầu mối Trung ương cũng như quy định cơ chế phối hợp giữa cơ quan đầu mối Trung ương với cơ quan đầu mối tại các bộ, ngành, địa phương.

Cũng với vai trò là người định hướng, Nhà nước cần tổ chức khảo sát, nghiên cứu ở tầm vĩ mô tiến tới xây dựng mô hình TCPCP phù hợp với Việt Nam trên cơ sở tiếp thu các mô hình tốt trên thế giới kết hợp với đặc điểm thực tế tình hình Việt Nam; định hướng phát triển cho các TCPCP Việt Nam; nghiên cứu ở tầm vĩ mô tiến tới gia nhập cộng đồng phi chính phủ quốc tế...

*Kết hợp ba mặt công tác chính trị - an ninh - kinh tế trong quản lý TCPCPNN*

Do công tác vận động, quản lý các TCPCPNN có tính chính trị, kinh tế và an ninh, nên khi xử lý các công việc liên quan đến các TCPCPNN cần xem xét, cân nhắc cả 3 mặt này, trong đó nhất thiết phải bảo đảm yêu cầu an ninh của đất nước không bị xâm hại. Thực hiện tốt yêu cầu này không dễ, nó đòi hỏi chúng ta phải làm thật tốt việc phối hợp đồng thời các mối quan hệ ngang và các mối quan hệ dọc và các mối quan hệ chéo giữa các cơ quan, với các tổ chức thuộc một ngành với các cơ quan, tổ chức ngoài ngành, nhưng có chức năng liên quan; đặc biệt như là giữa các cơ quan thành viên của Ủy ban Công tác về TCPCPNN.

*Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ*

Về mặt tổ chức bộ máy, yêu cầu trước hết là phải quán triệt tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư đã đề ra trong Chỉ thị 19/CT-TW, đó là:

- Ban Cán sự đảng, Chính phủ chỉ đạo việc củng cố Ủy ban Công tác về các TCPCPNN và thông quan Ủy ban tăng cường việc hướng dẫn, kiểm tra các cấp, các ngành trong quan hệ với các TCPCPNN. Các cơ quan, tổ chức tại các địa phương nhất thiết phải phối hợp với cấp uỷ, chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban Công tác về các TCPCPNN cùng các cơ quan hữu quan nghiêm cứu, đề xuất chủ trương xây dựng, bổ sung. Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy liên quan tới việc quản lý hoạt động của các TCPCPNN theo hướng nâng cao trách nhiệm, đơn giản thủ tục và phân cấp rõ ràng.

- Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN và Đảng đoàn Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 19/CT-TW.

- Một yêu cầu lớn nữa là cần đặc biệt quan tâm đến việc lựa chọn các cán bộ vững vàng về chính trị, có hiểu biết về đối ngoại, nhất là về các TCPCPNN, biết ngoại ngữ để bố trí vào các công việc liên quan đến các TCPCPNN, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN có trách nhiệm giúp đỡ các cơ quan và tổ chức ở Trung ương và địa phương có quan hệ với các TCPCPNN đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm việc với các TCPCPNN.

### **3.1.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN**

Ngay từ đầu, Đảng và Nhà nước ta đã xác định hoạt động phi chính phủ là lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, có liên quan nhiều đến an ninh và chính trị quốc gia, do đó cần hết sức chú trọng công tác quản lý và phải quán triệt những quan điểm chỉ đạo, tuân thủ những nguyên tắc cơ bản và theo sát đường lối chung mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra như đã nêu ở trên.

Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 6 tháng 7 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân nhằm làm tốt công tác vận động và quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước, Đảng nhận định: trong những năm qua, công tác phi chính phủ của nước ta đã tiến được một chặng đường dài, quan hệ của nước ta với các TCPCPNN ngày càng được mở rộng; các TCPCPNN vào hoạt động ở ta mỗi ngày một đông hơn, diện hoạt động ngày càng rộng hơn; mỗi quan hệ này đã góp phần làm cho nhân dân thế giới hiểu biết sâu sắc hơn về đất nước, con người Việt Nam, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác của nhân dân ta với nhân dân thế giới, góp phần giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội và thực hiện xoá đói giảm nghèo, nhất là tại những địa bàn còn khó khăn; quan hệ với các TCPCPNN đã trở thành một kênh quan hệ của ta với các nước.

Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo của Đảng về đối ngoại, Nhà nước thực hiện việc quản lý của mình đối với công tác phi chính phủ nước ngoài. Sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực này là thống nhất. Trong những năm qua,

quản lý công tác phi chính phủ được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, đi trước các khối khác một bước, nhất là so với các nước xung quanh. Quản lý luôn đi đôi với hợp tác. Để xây dựng cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, đồng thời cũng là để tạo điều kiện thuận lợi cho các TCPCPNN, nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quan trọng, thể hiện sự công nhận chính thức đối với sự có mặt của các tổ chức này tại Việt Nam. Một mặt coi trọng tới việc thiết lập cơ chế phối hợp trong nước, mặt khác, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích họ vào hoạt động tại Việt Nam. Có thể kể đến một loạt chính sách đáng chú ý như cấp thị thực nhập cảnh làm việc chính thức cho các nhân viên quốc tế, hỗ trợ việc tuyển chọn người Việt Nam làm việc cho các TCPCPNN, miễn thuế nhập khẩu cho các hàng hoá thuộc các chương trình, dự án viện trợ. Ngoài ra, Chính phủ nước ta cũng tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin thông qua mạng lưới các cơ quan đầu mối về phi chính phủ nước ngoài. "Trong chủ trương đối ngoại chung về mở rộng và đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, Việt Nam rất coi trọng và đánh giá cao sự hợp tác và giúp đỡ của cộng đồng các TCPCPNN". Trong tương lai, Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục tạo những điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các TCPCPNN, đặc biệt là cải thiện hơn nữa môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam đồng thời, cần đẩy mạnh việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ như nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác, năng lực cán bộ địa phương và cộng đồng, các bộ ngành và các địa phương cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các TCPCPNN tại địa phương mình, bảo đảm quy chế quản lý dự án, đồng thời thực hiện đúng các cam kết với tổ chức tài trợ.

Những quan điểm trên đây của Đảng và Nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài là đúng đắn, không những phù hợp với tình hình quốc tế mà còn rất sát tình hình thực tế của Việt Nam. Những quan điểm mang tính chỉ đạo này là cơ sở vững chắc cho việc đề ra những chính sách quản lý cụ thể cũng như cho việc triển khai thực hiện cụ thể các hoạt động quản lý đối với công tác phi chính phủ nước ngoài ở nước ta hiện nay.

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các TCPCPNN hiểu biết hơn về đất nước, con người, lịch sử, văn hoá của Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân các

nước trong khu vực và trên thế giới. Với ý nghĩa đó, công tác với các TCPCPNN cần được coi là một bộ phận của công tác đối ngoại nhân dân nói riêng và công tác đối ngoại nói chung; và do đó, cần được quan tâm, chỉ đạo, quản lý như một hoạt động chính trị đối ngoại. Nhiệm vụ của công tác đối ngoại nhân dân, trong đó có công tác phi chính phủ nước ngoài, như Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VII đã xác định, có thể gói gọn thành ba từ là "Giới thiệu - Tranh thủ - Đóng góp". "Giới thiệu" là giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta, về công cuộc Đổi mới của chúng ta với bạn bè quốc tế. Tranh thủ thiện cảm, sự đồng tình ủng hộ cả về vật chất và tinh thần của bạn bè quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. "Đóng góp" là trách nhiệm của chúng ta đối với bạn bè quốc tế, bằng tình cảm, sự đoàn kết và ủng hộ vật chất phù hợp với điều kiện và khả năng của ta, phù hợp với tình hình khu vực và quốc tế đang thay đổi.

### **3.1.3. Xây dựng chiến lược hoạt động đối ngoại thành phố Hà Nội trong những năm tới**

*- Tiếp tục duy trì và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.*

Mục tiêu hàng đầu của công tác đối ngoại là duy trì và tạo ra điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động đối ngoại có nhiệm vụ khai thác tốt nhất các nhân tố quốc tế, tạo điều kiện cho công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng XHCN như đường lối của Đảng đề ra. Mọi hoạt động đối ngoại của Hà Nội, trung tâm đầu não về chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội, trái tim của cả nước và tương lai sẽ trở thành một trong những trung tâm phát triển của khu vực, cũng phải nhằm thực hiện mục tiêu cơ bản trên.

Để có môi trường hoà bình và điều kiện quốc tế thuận lợi, trước hết phải kiên quyết giữ vững độc lập, tự chủ, đấu tranh làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn diễn biến hoà bình, kích động bạo loạn, gây rối chính trị, khuyến khích xu hướng ly khai bên trong để tạo cơ can thiệp bên ngoài. Giữ vững độc lập tự chủ phải được coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong hoạt động đối ngoại. Đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế phải dựa trên cơ sở độc lập, tự chủ. Mặc dù toàn cầu hoá là một xu thế khách quan, nhưng nó

đang bị chi phối bởi các nước tư bản phát triển, các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và chủ nghĩa thực dân kinh tế. Đây luôn là nguy cơ tiềm ẩn đối với các nước đang phát triển, trong đó có nước ta. Bởi vậy, phải đảm bảo độc lập, tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách; bảo vệ lợi ích quốc gia và giữ vững định hướng XHCN; đảm bảo các điều kiện an toàn và an ninh, như an toàn năng lượng, tài chính, môi trường, an ninh lương thực...

Việc không ngừng mở rộng quan hệ bang giao với tất cả các nước không phân biệt thể chế chính trị, dù là nước tư bản chủ nghĩa hay các nước đang phát triển, nhưng không để nền kinh tế bị lệ thuộc và chịu sự chi phối của bên ngoài chính là nhằm nâng cao vị thế và uy tín của nước ta, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, duy trì môi trường hoà bình, hữu nghị, hợp tác tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Với tư cách là Thủ đô của cả nước, Hà Nội phải thực hiện nhiệm vụ chung, đồng thời phải đảm bảo an ninh chính trị tuyệt đối trên địa bàn, xây dựng bầu không khí hoà bình, hữu nghị trong mọi hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là quan hệ với đối tác nước ngoài, xứng đáng với danh hiệu "Thành phố vì hoà bình" do UNESCO trao tặng.

*- Mở rộng quan hệ đối ngoại của Thành phố trên cơ sở củng cố, nâng cao hiệu quả các mối quan hệ đối ngoại đã có*

Với đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá và với phương châm "*Hà Nội sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các Thủ đô và thành phố trong cộng đồng quốc tế*", Thủ đô đã xây dựng được các quan hệ song phương tốt đẹp với nhiều thủ đô, thành phố các nước trên thế giới, tham gia nhiều diễn đàn đa phương giữa các thành phố, đặt quan hệ và hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Đảng bộ thành phố cũng đã có quan hệ với tổ chức đảng ở các nước theo mô hình chủ nghĩa xã hội, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với chính quyền nhiều thành phố lớn trên thế giới. Những mối quan hệ đã có đó phải rất được coi trọng, bởi các mối quan hệ này sẽ cung cấp nguồn "ngoại lực" chủ yếu trong giai đoạn tới đây cho chúng ta đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì một Thủ đô phồn vinh và phát triển.

Có thể nói, mục tiêu cơ bản của hoạt động đối ngoại là nhằm phục vụ chính sách đối nội, hay cụ thể hơn là khai thác các mối quan hệ đối ngoại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mặc dù, các quan hệ đối ngoại của Hà Nội nói chung, của Đảng bộ thành phố nói riêng trong những năm qua đã thể hiện rõ đóng góp của thành phố trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước cũng như góp phần hết sức quan trọng vào thắng lợi chung của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô, nhưng hiệu quả về nhiều mặt của các mối quan hệ đó chưa tương xứng với tiềm năng, vị thế Thủ đô và còn có thể khai thác, phát huy cao hơn nữa, đặc biệt là các quan hệ kinh tế đối ngoại như thương mại, đầu tư và hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu chủ yếu của hoạt động đối ngoại Thủ đô trong giai đoạn tới phải nhằm vào việc nâng cao hiệu quả các mối quan hệ song phương và đa phương giữa Hà Nội với các thành phố, các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài. Cùng với các ngành chức năng, công tác đối ngoại có nhiệm vụ góp phần thực hiện mục tiêu đó, trước hết là tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu và cải thiện môi trường đầu tư trong nước nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào hợp tác, làm ăn lâu dài tại Hà Nội trên cơ sở những lợi ích chung.

Trong quan hệ đối ngoại, cả việc duy trì củng cố quan hệ đã có như mở rộng quan hệ mới, luôn phải nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh. Thực tế cho thấy, trong các mối quan hệ này, mỗi bên luôn tìm cách để bảo vệ lợi ích riêng của mình trước khi đi đến thoả thuận chung. Hợp tác và đấu tranh là hai mặt trong quan hệ đối ngoại. Tránh thiên hướng chỉ chú trọng hợp tác hay chỉ nhấn mạnh mặt đấu tranh. Trong hợp tác cần có đấu tranh nhằm đạt được sự bình đẳng, cùng có lợi, đảm bảo lợi ích của mình, cùng tồn tại hoà bình. Ngược lại, đấu tranh chính là để hợp tác tốt hơn, tránh sự sơ hở để bị đẩy vào tình thế bất lợi. Tuy đấu tranh là cần thiết nhưng luôn đòi hỏi phải xử lý khéo léo và linh hoạt, đấu tranh cần được thể hiện dưới thái độ hợp tác, đó là nguyên tắc trong công tác đối ngoại.

*- Tập trung chỉ đạo xây dựng Hà Nội thành trung tâm giao lưu quốc tế ngày càng có uy tín trong khu vực và trên thế giới, nâng cao vị thế Thủ đô Hà Nội trên trường quốc tế.*

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được dự báo và trong thực tế đang trở thành tâm điểm của sự phát triển của thế giới trong thế kỷ XXI. Động lực phát triển của khu vực này có thể nói tập trung chủ yếu ở "cánh cung" các thành phố lớn Tokyo, Seoul, Bắc Kinh, Thượng Hải, Hongkong, Bangkok, Singapore... Có thể hình dung trong tương lai là một vành đai hợp tác, giao lưu kinh tế quốc tế năng động và hiệu quả của khu vực.

Để thực hiện mục tiêu trở thành trung tâm giao dịch quốc tế lớn, trung tâm giao lưu kinh tế khu vực, Hà Nội cần tích cực tham gia vành đai hợp tác này, phấn đấu trở thành một trong những Thủ đô phát triển. Nhằm thực hiện mục tiêu này, Hà Nội trước hết là trung tâm của cả nước, của khu vực trên các mặt: trung tâm xuất - nhập khẩu, trung tâm du lịch và truyền thông, trung tâm tài chính - ngân hàng, trung tâm khoa học công nghệ, địa chỉ đầu tư quốc tế. Song, cần có sự tính toán để xác định bước đi và lựa chọn ưu tiên cho việc hình thành dần từng mô hình trung tâm ở Hà Nội.

Trong số hơn 100 Thủ đô, thành phố của 50 nước và vùng lãnh thổ mà Hà Nội có quan hệ hữu nghị thì có 35 thủ đô, thành phố Hà Nội đã thiết lập được quan hệ hợp tác chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả trên nhiều mặt. Hà Nội cũng tham gia vào nhiều diễn đàn đa phương và là thành viên nhiều tổ chức quốc tế. Cùng với cả nước, quan hệ quốc tế của Hà Nội không chỉ bó hẹp trong khối các nước XHCN trước đây và cũng không chỉ dừng lại ở các hoạt động tiếp nhận viện trợ và trao đổi hàng hoá. Đây là kết quả của đường lối đổi mới, mở cửa và chủ trương rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá hoạt động đối ngoại. Cũng nhờ kết quả này đã nâng Hà Nội lên một tầm cao mới cả về vị thế và uy tín trên trường quốc tế.

## **3.2. PHƯƠNG HƯỚNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### **3.2.1. Hoàn thiện quản lý hoạt động các tổ chức phi chính phủ ở Hà Nội**

Sự hình thành và phát triển của TCPCP đã trở thành một tất yếu của đất nước trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường, hơn nữa các TCPCP tại Hà Nội đã hoạt động khá hiệu quả, nhưng để tạo điều kiện, hoàn thiện cho các tổ chức này góp phần vào sự nghiệp đổi mới của Thủ đô cần hoàn thiện chúng



theo phương hướng sau:

+ Thành phố cần nhanh chóng có chủ trương và chỉ đạo việc nghiên cứu một cách cơ bản về vấn đề xã hội dân sự nói chung và TCPCP nói riêng trên cả mặt lý luận và thực tiễn.

+ Thành phố cần tổ chức điều tra, phân tích đánh giá đầy đủ thực trạng tổ chức và hoạt động của các TCPCP qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực trạng hoạt động của các tổ chức để từ đó điều chỉnh việc quản lý và hướng các tổ chức này sao cho chúng hoạt động có hiệu quả hơn.

+ Nhanh chóng hình thành khung pháp lý và tổ chức hoạt động quản lý các TCPCP cho phù hợp với giai đoạn mới và tạo cơ sở hành lang pháp lý và cho hoạt động và sự quản lý TCPCP vì thực tế hiện nay chúng ta chưa hề có một hệ thống các văn bản pháp luật để điều chỉnh vấn đề này mà sự QLNN chỉ dựa trên một vài chủ trương và các văn bản dưới luật.

+ Nâng cao năng lực của công chức quản lý xã hội nói chung và quản lý TCPCP nói riêng, điều này là phương hướng cần thiết và thiết thực vì có như vậy thì mới nâng cao được chất lượng quản lý vì có con người là trung tâm của mọi vấn đề khi con người có trình độ thì sẽ quản lý tốt.

+ Tăng cường học tập trao đổi kinh nghiệm hoạt động với các TCPCP các nước đây là một xu hướng đang được thực hiện rất nhiều.

+ Xây dựng và ban hành các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về TCPCP để giúp cho việc sớm hình thành một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh.

+ Tổ chức phổ biến pháp luật, chính sách, văn bản pháp luật về TCPCP, tăng cường công tác QLNN đối với TCPCP để đảm bảo rằng mọi cá nhân, TCPCP đều nắm vững pháp luật về lĩnh vực mình hoạt động.

### **3.2.2. Đổi mới phân cấp quản lý viện trợ phi chính phủ trong việc thẩm định, phê duyệt các chương trình, dự án**

#### ***3.2.2.1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài***

\* Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài

+ Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt:

- Các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo và các khoản viện trợ trực tiếp hỗ trợ xây

dụng các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và các cấp cao hơn, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước, ngành, lãnh thổ;

- Danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng (còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới) phù hợp với nhu cầu và điều kiện sử dụng của Việt Nam trong từng thời kỳ, do Thủ trưởng các Bộ, ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ, để làm cơ sở cho việc phê duyệt việc tiếp nhận.

- Các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài liên quan tới việc nhập khẩu ô tô và các phương tiện vận tải khác (máy bay, tàu, thuyền...)

+ Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương có thẩm quyền phê duyệt:

- Các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài không thuộc quy định phê duyệt của thủ tướng.

- Các khoản hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) thuộc danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Các khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể.

- Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ phê duyệt các khoản viện trợ cho đối tượng tiếp nhận mà mình cấp đăng ký hoạt động hoặc đối tượng tiếp nhận hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của mình (được ghi trong quyết định thành lập tổ chức);

- Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận là các tổ chức do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các cơ quan của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh.

d) Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có thẩm quyền phê duyệt:

Các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể.

\* Theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban

hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài ngày 22 tháng 10 năm 2009:

+ Đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:

- Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư hồ sơ khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài để thẩm định;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài để triển khai các bước tiếp theo quy định của Chương III, Chương IV Quy chế này.

+ Đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài: quy trình phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

\* Theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài ngày 22 tháng 10 năm 2009 quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan cụ thể như sau:

+ *Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài được thuộc thẩm quyền phê duyệt Thủ tướng Chính phủ

- Chủ trì soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp

ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

- Định kỳ đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng (còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới) thuộc diện quản lý của Bộ, ngành tương ứng, phù hợp với nhu cầu và điều kiện sử dụng của Việt Nam trong từng thời kỳ để làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền này phê duyệt.

- Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức xây dựng các đề xuất chương trình, dự án làm cơ sở cho việc vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Kiểm tra các quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các quy định về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài của các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan QLNN về viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan tổ chức việc giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ phi chính phủ nước ngoài; tổng hợp, phân tích và đánh giá hiệu quả viện trợ phi chính phủ nước ngoài; xử lý những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Biên soạn và phổ biến các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn bị, thẩm định, quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài; hỗ trợ công tác đào tạo quản lý chương trình, dự án theo hướng chuyên nghiệp và bền vững.

#### *+ Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tài chính*

Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm QLNN về tài chính đối với viện trợ phi chính phủ nước ngoài, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Chủ trì, và phối hợp cùng các cơ quan liên quan xây dựng chế độ quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo thẩm quyền.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp

ngân sách để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

- Tổng hợp quyết toán tài chính của mọi khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài định kỳ theo quy định.

- Có trách nhiệm kiểm tra các quy định về quản lý tài chính đối với việc sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài của các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ quan chủ quản.

- Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban công tác về các TCPCPNN và các cơ quan liên quan tổ chức việc theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

  - + *Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Ngoại giao*

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động và tranh thủ viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong kêu gọi cứu trợ khẩn cấp.

  - + *Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Công an*

- Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Tham gia thẩm định và góp ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn công an cấp tỉnh tham gia thẩm định các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

- Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi

phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

*+ Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Nội vụ*

Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

*+ Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tư pháp*

Thẩm định về nội dung các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

*+ Nhiệm vụ và quyền hạn Văn phòng Chính phủ*

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Tham gia thẩm định và đề xuất kiến nghị về chính sách đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

*+ Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban công tác về các TCPCPNN*

- Tham gia thẩm định và góp ý kiến (chủ yếu là cung cấp thông tin và nhận xét về các mặt hoạt động của Bên tài trợ) đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham gia giám sát việc thực hiện viện trợ phi chính phủ nước ngoài, đặc biệt chú ý đến khía cạnh hợp tác với các TCPCPNN trong quá trình thực hiện các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Cung cấp thường xuyên, đầy đủ các thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép và hoạt động của các TCPCPNN để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định hiện hành.

*+ Nhiệm vụ và quyền hạn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam*

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài ở cấp quốc gia.

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan hướng dẫn các Bên tiếp nhận trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tổng hợp hàng năm về tình hình vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về chủ trương vận động cứu trợ khẩn cấp.

+ *Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Phê duyệt, chủ trì tổ chức tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể và thông báo tới Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

### **3.2.2.2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với các dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại**

*Thứ nhất, kiện toàn bộ máy QLNN đối với nguồn viện trợ phi chính phủ.*

Kiện toàn bộ máy QLNN đối với nguồn viện trợ phi chính phủ, bổ sung thêm nhân lực để tổ chức quản lý, theo dõi công tác tài chính đối với nguồn viện trợ phi chính phủ không hoàn lại đến từng các chương trình, dự án, theo từng nhóm Nhà Tài trợ, theo từng lĩnh vực viện trợ cho ngành, theo vùng.

- Nhóm các dự án do các Tổ chức Liên Hiệp Quốc tài trợ, gồm WHO, UNICEF, UNFPA.

- Nhóm các dự án do các tổ chức tài chính quốc tế tài trợ như WB, ADB.

- Từng dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

*Thứ hai, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại các dự án viện trợ phi chính phủ*

*Một là, đối với các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ có mức vốn dự án được phê duyệt trên 1 triệu USD, có thời gian thực hiện dự án trên 1 năm:*

Đối với loại hình dự án này thì nhất thiết chủ dự án phải trình Bộ chủ

quản thành lập ban quản lý dự án, tổ chức bộ máy tài chính - kế toán để tiếp nhận và quản lý nguồn vốn của Dự án. Tổ Tài chính - kế toán dự án có chức năng tham mưu, giúp giám đốc dự án tổ chức công tác tiếp nhận và quản lý nguồn vốn dự án theo đúng các quy định của Nhà nước. Tổ được giao những nhiệm vụ chính sau đây:

(1) Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trình Bộ Chủ quản tổng hợp gửi các cơ quan tổng hợp của Chính phủ tổng hợp, để trình Quốc hội phê chuẩn tổng dự toán ngân sách Nhà nước;

(2) Tổ chức tiếp nhận nguồn vốn Nhà Tài trợ và nguồn vốn đối ứng Nhà nước cấp cho dự án (nếu có); tổ chức giải ngân vốn Nhà Tài trợ và vốn đối ứng theo đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn quy định cho từng nguồn vốn;

(3) Tổ chức công tác kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại dự án;

(4) Tổ chức quản lý vật tư, tài sản dự án theo đúng các quy định của Nhà nước; định kỳ và đột xuất báo cáo tiến độ triển khai các hoạt động của dự án, báo cáo tiến độ giải ngân cho chủ dự án, Bộ chủ quản và các cơ quan tổng hợp của Chính phủ;

(5) Tập hợp chứng từ, thanh quyết toán và tổng hợp báo cáo quyết toán với Nhà nước theo đúng quy định gồm báo cáo quyết toán hàng quý, hàng năm và khi kết thúc dự án.

Về bộ máy, tổ tài chính kế toán chương trình, dự án có ít nhất 03 người: 1 kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, 1 kế toán thanh toán, 1 cán bộ theo dõi tài sản, vật tư hàng hoá kiêm thủ quỹ.

*Hai là*, đối với các chương trình, dự án viện trợ có mức vốn dự án được phê duyệt dưới 1 triệu USD, có thời gian thực hiện dự án dưới 1 năm:

Trường hợp thành lập ban quản lý dự án: Ban quản lý dự án quy định nhiệm vụ, chức năng và tổ chức bộ máy tài chính - kế toán của dự án để tiếp nhận và quản lý nguồn vốn của dự án như đối với các chương trình, dự án nêu trên.

Trường hợp không thành lập ban quản lý dự án thì công tác tài chính - kế toán của dự án nhất thiết phải được gắn với phòng tài chính kế toán của một đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ. Chủ dự án phải bổ sung chức



năng, nhiệm vụ như đã quy định trên cho phòng tài chính - kế toán của đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc đó.

### **3.2.2.3. *Đổi mới công tác cán bộ theo hướng tiêu chuẩn hoá cán bộ làm công tác kế toán, kế toán trưởng tại các chương trình, dự án***

*Thứ nhất, tiêu chuẩn chức danh kế toán trưởng của ban quản lý dự án*

Kế toán trưởng chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ có các nhiệm vụ như sau:

- (1) Tổ chức công tác kế toán và bộ máy tài chính kế toán độc lập;
- (2) Tham mưu cho trưởng ban quản lý dự án phân bổ kinh phí;
- (3) Tổng hợp kế hoạch và đề xuất điều chỉnh kế hoạch tài chính chung của dự án; hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ công tác tài chính kế toán tại các đơn vị tham gia dự án;
- (4) Tổ chức thanh quyết toán toàn bộ dự án;
- (5) Lập các báo cáo tài chính kế toán để giám đốc dự án trình bộ chủ quản, các cơ quan cấp trên và gửi cho Nhà Tài trợ theo quy định.

*Tiêu chuẩn nghiệp vụ kế toán trưởng chương trình, dự án viện trợ:*

- (1) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính;
- (2) Có thời gian công tác trong cơ quan Nhà nước ít nhất 5 năm;
- (3) Đã qua ít nhất một khóa đào tạo về quản lý chương trình, dự án;
- (4) Có kinh nghiệm làm kế toán tổng hợp, kế toán chương trình, dự án và khả năng tổ chức công tác kế toán độc lập;
- (5) Có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng;
- (6) Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình;
- (7) Có khả năng sử dụng thành thạo máy vi tính và các chương trình phần mềm thường dùng cho công tác tài chính kế toán.

*Thứ hai, tiêu chuẩn hoá kế toán làm việc tại các chương trình, dự án*

Kế toán làm việc tại các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ có các nhiệm vụ như sau:

- (1) Xây dựng dự toán thu chi và theo dõi thu chi nguồn vốn của dự án;
- (2) Theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ các đơn vị tham gia dự án, các tiểu dự án lập kế hoạch tài chính của các hoạt động trong khuôn khổ dự án;
- (3) Quản lý tài chính dự án, giám sát chi tiêu các hoạt động của dự án;

(4) Đôn đốc, giúp đỡ và hỗ trợ các đơn vị tham gia dự án thực hiện các quy định, chế độ tài chính kế toán dự án áp dụng cho dự án;

(5) Giúp các đơn vị tham gia dự án rút vốn, giải ngân, kế toán và thanh quyết toán theo quy trình và thủ tục của Bộ Tài chính, Bộ chủ quản cho dự án và quy trình của Nhà Tài trợ;

(6) Thực hiện thanh quyết toán đúng quy định những khoản mục, chế độ và quy trình được áp dụng cho dự án;

(7) Theo dõi việc rút vốn, giải ngân và thanh quyết toán của các đơn vị tham gia dự án, các tiểu dự án;

(8) Lập sổ sách kế toán dự án;

(9) Tổng hợp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án;

(10) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản, tài chính để tổ chức bàn giao khi dự án kết thúc và giúp Giám đốc dự án bàn giao tài sản, tài chính khi dự án kết thúc.

Kế toán làm việc tại các chương trình, dự án viện trợ có những tiêu chuẩn nghiệp vụ sau:

(1) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính;

(2) Có thời gian công tác về tài chính kế toán ít nhất 1 năm;

(3) Đã qua một khóa đào tạo về quản lý chương trình, dự án, có kinh nghiệm làm kế toán thanh toán và làm việc trong các chương trình, dự án y tế;

(4) Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn được giao;

(5) Sử dụng thành thạo máy vi tính và các thiết bị viễn thông phục vụ cho công tác chuyên môn.

*Thứ ba, hoàn thiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức tham gia quản lý dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại*

Nguyên tắc hưởng phụ cấp: Cán bộ nà nước làm kiêm nhiệm phải được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm từ việc tham gia quản lý chương trình, dự án; bất kể đó là chương trình, dự án vay nợ nước ngoài hay chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Quy định chế độ phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tại các dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại:

*Một là, đối với cán bộ, công chức Nhà nước khi được cử sang làm biệt*

phái, làm toàn bộ thời gian tại các chương trình, dự án viện trợ sẽ được hưởng thêm 1 khoản phụ cấp dự án bằng 100% lương cơ bản của công chức tương đương trong ngạch bậc lương hành chính sự nghiệp theo Nghị định của Chính phủ quy định chế độ tiền lương công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang.

*Hai là*, đối với cán bộ, công chức Nhà nước khi được cử sang làm kiêm nhiệm dự án sẽ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm phù hợp với tỷ lệ thời gian làm việc cho dự án trên cơ sở mức lương cơ bản do cơ quan quản lý công chức trả. Trường hợp cán bộ được phân công làm kiêm nhiệm ở nhiều dự án thì chỉ được hưởng phụ cấp ở một nơi có thời gian làm việc kiêm nhiệm nhiều nhất.

Về nguồn ngân sách để chi trả phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức Nhà nước tham gia quản lý dự án viện trợ phi chính phủ được trích từ nguồn vốn đối ứng được Nhà nước giao hàng năm cho chương trình, dự án đó. Trong trường hợp Nhà nước không giao vốn đối ứng cho dự án, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp thường xuyên cho đơn vị trực thuộc đó để chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ dự án.

#### ***3.2.2.4. Hoàn thiện quy trình lập và giao dự toán ngân sách hàng năm cho các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại***

*Thứ nhất: Quy trình lập dự toán ngân sách hàng năm cho các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại*

*Một là*, đối với các chương trình, dự án viện trợ đang triển khai hoạt động

Đầu tháng 7 hàng năm, cùng với việc lập dự toán ngân sách nhà nước cho các năm tiếp theo, các chương trình, dự án viện trợ lập dự toán nguồn ngân sách viện trợ cho năm tiếp theo. Chương trình, dự án phải căn cứ vào hướng dẫn lập dự toán ngân sách Nhà nước của Bộ chủ quản, văn kiện dự án được phê duyệt và các văn bản phê duyệt, điều chỉnh dự án (nếu có) để lập dự toán ngân sách viện trợ. Dự toán ngân sách viện trợ phải thể hiện được tình hình thu chi viện trợ, vốn đối ứng, phân theo mục đích sử dụng (hành chính sự nghiệp và đầu tư xây dựng cơ bản) và thuyết minh dự toán chi tiết kèm theo. Dự toán gửi về Bộ chủ quản để tổng hợp chung dự toán ngân sách của Bộ chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội phê duyệt.

*Hai là, đối với các chương trình, dự án mới được phê duyệt khi kế hoạch ngân sách đã được phân bổ*

Chương trình, dự án mới được phê duyệt sau khi kế hoạch ngân sách đã được phân bổ phải lập dự toán bổ sung theo đúng trình tự trên gửi Bộ chủ quản để xin bổ sung dự toán vốn viện trợ phi chính phủ và vốn đối ứng.

*Thứ hai: Giao dự toán ngân sách viện trợ cho các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại*

Sau khi kế hoạch ngân sách năm được Quốc hội phê duyệt, căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách năm cho từng Bộ, ngành, Bộ chủ quản giao dự toán vốn viện trợ và vốn đối ứng cho từng các chương trình, dự án cùng với thời gian Bộ chủ quản giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc. Các chương trình, dự án được phê duyệt sau khi dự toán ngân sách năm được giao, Bộ chủ quản tổng hợp dự toán từ các chương trình, dự án gửi các cơ quan tổng hợp của Chính phủ và tiến hành giao bổ sung dự toán ngân sách năm cho các chương trình, dự án.

### **3.2.2.5. Đối mới phân cấp quy trình đấu thầu mua sắm hàng hoá cho các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ**

*Thứ nhất: Đối mới phân cấp quy trình đấu thầu mua sắm hàng hoá*

(1) Trình Bộ chủ quản phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm hàng hoá, trang thiết bị;

(2) Chủ dự án xây dựng và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá;

(3) Chủ dự án tiến hành lựa chọn và tự chịu trách nhiệm về danh sách các thành viên trong tổ chuyên gia kỹ thuật đánh giá thầu mua sắm hàng hoá;

(4) Chủ dự án tiến hành thẩm định và tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá thầu mua sắm hàng hoá;

(5) Chủ dự án tiến hành thương thảo hợp đồng và tự chịu trách nhiệm về hợp đồng mua sắm hàng hoá, trang thiết bị.

(6) Tổng hợp báo cáo Bộ chủ quản kết quả quá trình đấu thầu mua sắm hàng hoá, thiết bị cho chương trình, dự án.

*Thứ hai: Nâng cao vai trò của các cơ quan QLNN trong công tác đấu thầu.*

(1) Phê duyệt kế hoạch mua sắm hàng hoá của các chương trình, dự án viện trợ.

(2) Ban hành các định mức tiêu chuẩn các trang thiết bị

(4) Ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật của các trang thiết bị, xây dựng và quy định giá trần cho các thiết bị chủ yếu.

(5) Tăng cường công tác giám sát quy trình đấu thầu tại các đơn vị.

### ***3.2.2.6. Tăng cường công tác quản lý tài sản tại các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại***

*Thứ nhất: Tài sản trong quá trình thực hiện chương trình, dự án*

Trong quá trình triển khai thực hiện, các chương trình, dự án phải mở sổ sách kế toán theo dõi tình hình tăng, giảm toàn bộ tài sản do Nhà Tài trợ trực tiếp mua, cấp cho dự án và tài sản dự án mua bằng nguồn vốn của dự án.

*Một là*, đối với những tài sản được sử dụng tại văn phòng ban quản lý dự án: Hàng năm, dự án phải tiến hành phân loại tài sản theo tính chất, đặc điểm của tài sản, phân loại theo mục đích và tình hình sử dụng tài sản; ghi chép trong hồ sơ gốc tài sản, bao gồm việc ghi chép thẻ tài sản, sổ đăng ký, xác định nguyên giá, nguồn hình thành tài sản, tình trạng tài sản; tiến hành kiểm kê tài sản hàng năm.

*Hai là*, đối với những tài sản ban quản lý dự án cấp cho các địa phương hoặc đơn vị phối hợp sử dụng:

\* Tất cả các tài sản cấp cho các địa phương hoặc các đơn vị phối hợp sử dụng đều phải được ghi trong nội dung dự án đã thoả thuận với Nhà Tài trợ và được cấp có thẩm quyền.

\* Ban quản lý dự án mở sổ sách riêng theo dõi tài sản cấp cho các địa phương, đơn vị phối hợp. Hàng năm đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản phải tiến hành kiểm kê, báo cáo tình hình sử dụng tài sản với ban quản lý dự án.

Trường hợp ban quản lý dự án hoặc các địa phương, đơn vị có nhu cầu thanh lý tài sản viện trợ thì phải có ý kiến của Nhà Tài trợ và các cơ quan chủ quản dự án. Thủ tục thanh lý tài sản phải theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

*Thứ hai: Tài sản sau khi chương trình, dự án kết thúc*

Sau khi kết thúc, các chương trình, dự án viện trợ phải tiến hành bàn

giao toàn bộ vật tư, tài sản viện trợ cho đơn vị quản lý hành chính Nhà nước theo nguyên tắc tài sản sau:

*Một là*, tài sản đang nằm tại các ban quản lý dự án Trung ương được bàn giao cho cơ quan hành chính của chủ dự án. Trong các ngành, cơ quan hành chính của chủ dự án có thể là Văn phòng Bộ hoặc đơn vị trực thuộc Bộ.

*Hai là*, tài sản đang nằm tại các ban quản lý dự án địa phương được bàn giao cho các sở tại các tỉnh tham gia dự án.

*Ba là*, tài sản đang nằm tại các đơn vị thực hiện dự án được bàn giao lại cho chính các đơn vị đó tiếp tục quản lý và sử dụng.

### ***3.2.2.7. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại***

*Thứ nhất: Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại*

Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại đặt tại Tổ Tài chính viện trợ thuộc Vụ Kế hoạch - Tài chính. Bộ phận này có các nhiệm vụ cụ thể như sau:

*Một là*, theo dõi tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ tại các chương trình, dự án.

*Hai là*, theo dõi tiến độ dự án, tốc độ giải ngân vốn viện trợ tại các chương trình, dự án; đặc biệt là tiến độ giải ngân các hoạt động mua sắm tài sản, xây dựng, sửa chữa các cơ sở.

*Ba là*, theo dõi các tài sản công mà các chương trình, dự án viện trợ đang quản lý và sử dụng.

*Bốn là*, theo dõi công tác quyết toán hàng quý, năm và quyết toán dự án hoàn thành của các chương trình, dự án để tổng hợp, báo cáo Nhà nước theo quy định.

*Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính tại các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ không hoàn lại*

Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Bộ chủ quản phối hợp với cơ quan tổng hợp kiểm tra, giám sát tài chính tại các chương trình, dự án viện trợ, tại các đơn vị và địa phương thực hiện dự án. Nội dung công tác kiểm tra tại các chương trình, dự án viện trợ:

*Một là*, kiểm tra toàn bộ các khoản kinh phí của dự án, các khoản kinh phí do Nhà Tài trợ cấp cho dự án, vốn đối ứng Nhà nước cấp cho dự án, toàn bộ các khoản thu khác như lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá, thu bán hồ sơ mời thầu và các khoản thu khác.

*Hai là*, kiểm tra toàn bộ các khoản chi tại dự án, kiểm tra tính hợp pháp của các khoản chi trong phạm vi tổng dự toán được phê duyệt; kiểm tra và xác định rõ nội dung, nguyên nhân thay đổi dự toán, nguyên nhân thực hiện không đúng với tổng dự toán và dự toán chi tiết; kiểm tra việc chấp hành các thủ tục chi tiêu theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn dưới Luật và các quy định, thoả thuận khác với Nhà Tài trợ; kiểm tra những nội dung chi theo đúng định mức, tiêu chuẩn đã thoả thuận với Nhà Tài trợ và được Bộ chủ quản phê duyệt; kiểm tra việc thực hiện chế độ, nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

*Ba là*, kiểm tra các quan hệ thanh toán, kiểm tra việc mở và sử dụng tài khoản để tiếp nhận các nguồn vốn của dự án; kiểm tra các quan hệ thanh toán gồm các khoản phải thu, phải trả với các đối tượng bên ngoài dự án; kiểm tra các quan hệ thanh toán với cán bộ, nhân viên dự án như tạm ứng và việc thanh toán tạm ứng, các khoản tiền công, các khoản thanh toán khác; kiểm tra việc chấp hành các quy định về kế toán với các khoản phải thu, phải trả.

*Bốn là*, kiểm tra việc quản lý và sử dụng các khoản vốn bằng tiền, kiểm tra tiền mặt tại quỹ, kiểm tra số lượng tiền mặt thực tế có trong quỹ với số liệu trên sổ sách kế toán; kiểm tra các khoản thu, chi tiền mặt có đúng với các quy định hiện hành; kiểm tra số dư tiền gửi của đơn vị tại ngân hàng, kho bạc, việc đối chiếu số dư trên sổ sách với số liệu đối chiếu với ngân hàng, kho bạc.

*Năm là*, kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài sản dự án, kiểm tra việc tiếp nhận và mua sắm tài sản dự án, gồm: mục đích sử dụng, nguồn kinh phí, chất lượng tài sản, định mức, tiêu chuẩn được mua; kiểm tra việc phân loại tài sản tại dự án, bao gồm việc phân loại theo tính chất, đặc điểm của tài sản, phân loại theo mục đích và tình hình sử dụng tài sản; kiểm tra việc ghi chép trong hồ sơ gốc tài sản, bao gồm việc ghi chép thẻ tài sản, sổ đăng ký, xác định nguyên giá, nguồn hình thành tài sản, nguyên nhân tăng giảm, tình trạng tài sản, thủ tục giao nhận, thanh toán, đối chiếu giữa số ghi trên sổ tài sản với thực tế hiện có tài sản; kiểm tra hiệu quả sử dụng tài sản, tình hình tài sản không sử dụng, tài sản cho mượn; kiểm tra việc tính hao mòn tài sản; kiểm tra việc sửa chữa lớn tài sản, việc

thực hiện các quy định của Nhà nước, tính hợp pháp của các chi phí làm tăng nguyên giá tài sản; kiểm tra tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản.

*Sáu là*, kiểm tra công tác đầu tư xây dựng cơ bản, kiểm tra quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư và việc triển khai cấp phát vốn tại dự án; kiểm tra quy trình thẩm định dự án, thiết kế kỹ thuật và lập tổng dự toán của từng dự án; kiểm tra công tác đấu thầu tuyển chọn đơn vị tư vấn và nhà thầu của từng dự án; kiểm tra việc thực hiện các thủ tục thanh toán liên quan đến hoạt động đầu tư; kiểm tra việc quyết toán, nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng công trình xây dựng cơ bản; kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định về chế độ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước.

*Bảy là*, kiểm tra công tác kế toán, kiểm tra việc lập, thu thập và xử lý chứng từ kế toán; kiểm tra việc mở sổ, ghi sổ, khoá sổ kế toán; kiểm tra việc áp dụng và ghi chép các tài khoản kế toán; kiểm tra việc lập báo cáo tài chính, nộp và sử dụng báo cáo tài chính; việc thực hiện lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán; kiểm tra việc thực hiện các khuyến nghị của kiểm toán và của các cơ quan thanh tra, kiểm tra.

### ***3.2.2.8. Đổi mới thủ tục giữa các Nhà Tài trợ và phía Việt Nam, chuyển dần phương thức hỗ trợ theo dự án sang hỗ trợ theo ngành, tiến tới hỗ trợ ngân sách***

Tổng kết việc tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Việt Nam trong những năm qua cho thấy mặc dù nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài nói chung đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam, song vẫn còn nhiều trở ngại trong việc nâng cao hiệu quả và hiệu suất của việc sử dụng nguồn lực này. Những trở ngại này bao gồm việc thiếu một kế hoạch dài hạn tổng thể về huy động và sử dụng nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, sự tồn tại của nhiều quy trình, thủ tục phức tạp, những bất cập trong khuôn khổ pháp lý hiện hành về quản lý nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, những hạn chế về năng lực con người và năng lực tổ chức trong việc thực hiện và quản lý có hiệu quả các chương trình, dự án. Về phía các Nhà Tài trợ cũng gặp phải những khó khăn phát sinh từ những chậm chễ trong quy trình ra quyết định, nhiều khó khăn khác nhau trong việc tiến hành hoạt động tài trợ chung, việc chưa chia sẻ một tầm nhìn chung hay các mục tiêu chung rõ ràng đối với vấn đề nâng cao hiệu quả viện trợ.



Để thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc tăng cường hiệu quả nguồn viện trợ, Chính phủ cùng các các Nhà Tài trợ đã ký tuyên bố chung Hà Nội về hiệu quả viện trợ, hài hoà các thủ tục và quản lý dự án dựa vào kết quả. Chính phủ đã làm việc với các đối tác phát triển thông qua Nhóm các Nhà Tài trợ về tăng cường hiệu quả viện trợ. Chương trình hành động của Nhóm các Nhà Tài trợ này đã thể hiện tinh thần của Tuyên bố chung Hà Nội, đó là: Đáp ứng và phù hợp hoá với các kế hoạch và chiến lược Quốc gia; Hài hoà hoá với các hệ thống của Nhà nước; Tăng cường hiệu quả các chương trình tài trợ; Phát triển phương thức hỗ trợ theo chương trình; Chính phủ Việt Nam và các đối tác phát triển cùng phối hợp làm việc; Quản lý viện trợ dựa trên kết quả.

Để điều phối tốt hơn và tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội thì cũng cần có thay đổi phương thức tiếp nhận cho phù hợp với tình hình mới. Mô hình quản lý theo dự án trong thời gian vừa qua đã phát huy tác dụng trong việc quản lý và sử dụng nguồn viện trợ nhưng xem ra không còn phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên việc chuyển đổi mô hình hợp tác viện trợ cần được thực hiện từng bước đồng thời với những nghiên cứu đánh giá tác động của sự chuyển đổi và các hoạt động nâng cao năng lực cán bộ, năng lực của hệ thống chính quyền nói chung nhằm đảm bảo việc áp dụng mô hình quản lý, mô hình hợp tác viện trợ mới trong tương lai sẽ đem lại những hiệu quả tích cực. Mặt khác, vai trò của các Bộ, Ngành có liên quan là rất quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển đổi mô hình hợp tác viện trợ, đặc biệt vai trò của các cơ quan QLNN có liên quan trong việc cung cấp những khung pháp lý liên quan đến quy trình lập kế hoạch, dự toán ngân sách, quản lý vốn viện trợ, quản lý nguồn nhân lực như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ...

### **3.3. GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

#### **3.3.1. Nhận thức về công tác quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

Hiện nay, nhiều nước chia sẻ quan điểm: TCPCP là cần thiết, là một công cụ thực hiện các dự án của nhà nước trong các lĩnh vực cần triển khai. Ta phải nhận thức chính xác, hiểu đúng, hiểu rõ về TCPCPNN, không nên đánh

đồng coi tất cả là tốt hoặc tất cả là xấu phải có sự nhìn nhận đúng đắn, khách quan đối với từng tổ chức khi họ đến triển khai hoạt động tại Việt Nam.

Ở nước ta hiện nay, nhận thức chung về phi chính phủ nước ngoài cũng như về viện trợ phi chính phủ còn chưa sâu sắc và chưa toàn diện. Tình trạng này không phải chỉ có là người dân, đặc biệt người dân các vùng khó khăn, mà còn tồn tại ngay trong một bộ phận cán bộ của các cơ quan nhà nước, trong đó có không ít cơ quan làm việc trực tiếp với các TCPCPNN.

Muốn đạt được nhận thức đúng đắn về các TCPCPNN, chúng ta cần phải chú trọng công tác thông tin và tuyên truyền của Nhà nước đối với cả đội ngũ cán bộ làm việc trong các cơ quan của Nhà nước và cả trong cộng đồng để dân biết, dân dân hiểu, có ý hức và thấy được mặt tích cực của TCPCPNN để tranh thủ, tận dụng sự giúp đỡ, nhưng đồng thời cũng thấy được mặt trái của phi chính phủ nước ngoài để tránh bị lợi dụng, tránh vô tình tiếp tay cho những hành vi xấu của các TCPCPNN . Một bộ phận quan trọng của công tác tuyên truyền là tuyên truyền, phổ biến pháp luật, ta phải tiếp tục phổ biến, quán triệt và yêu cầu thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp lý hiện có liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN cho các cấp uỷ, lãnh đạo địa phương, lãnh đạo bộ ngành và tổ chức nhân dân để tránh tình trạng hiện nay vẫn tồn tại là cấp dưới có quan hệ với phi chính phủ nước ngoài mà cấp trên không biết, các tổ chức xã hội dân sự trực tiếp quan hệ với các TCPCPNN không thông qua các cơ quan quản lý.

Trong thời kỳ bùng nổ thông tin như hiện nay, thông tin có thể đến từ rất nhiều nguồn khác nhau, chính thức và không chính thức, rất dễ xảy ra tình trạng vừa thừa vừa thiếu thông tin, thừa những thông tin vô bổ hoặc thậm chí sai lệch, thiếu những thông tin chính xác, đúng đắn. Đứng trước tình hình này, trong công tác quản lý các TCPCPNN , ta một mặt phải tích cực chủ động cung cấp thông tin về các TCPCPNN và hoạt động của họ cho các bộ, ngành, địa phương và quần chúng nhân dân, mặt khác tranh thủ thông qua các TCPCPNN để gửi hình ảnh chân thực của đất nước ra thế giới, tăng cường hiểu biết của thế giới đối với ta và đấu tranh với các luận điểm xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, ta cũng phải đề cao cảnh giác trước những thông tin một chiều, không chính xác có thể làm sai lệch cách nhìn của các cơ

quan quản lý và của quần chúng nhân dân về các TCPCPNN cũng như về công tác quản lý của chúng ta đối với các tổ chức này.

Thông tin cần phải được chia sẻ đa chiều mới phát huy được giá trị. Tức là việc chia sẻ thông tin cần được thực hiện giữa Ủy ban Công tác về các TCPCPNN với các TCPCPNN và với các địa phương, bộ ngành, giữa các địa phương với nhau, giữa các TCPCP với nhau, giữa các TCPCP với các địa phương và với cộng đồng các nhà tài trợ. Chủ động tăng cường chia sẻ thông tin chính là một biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng quản lý.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ QLNN theo hướng:

- Xây dựng và thực hiện quy chế thông tin, báo cáo trong phạm vi đơn vị, cơ quan quản lý;
- Theo dõi, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành quy chế thông tin, báo cáo;
- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật công tác thông tin về mọi mặt (phương tiện truyền tin, phương tiện tính toán, xử lý thông tin...)
- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin cho đội ngũ cán bộ (phương pháp thu thập, nghiên cứu, xử lý tổng hợp, phân tích thông tin, kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại...)

Tuyên truyền, giáo dục là một nhiệm vụ đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và tài lực, vật lực, song có tác dụng bền vững lâu dài. Vì vậy, Nhà nước cần phải có chiến lược tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân, cần có những chính sách đầu tư nguồn lực thích đáng cho tuyên truyền và giáo dục chứ không thể chỉ tuyên truyền suông. Công tác tuyên truyền đòi hỏi phải có thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời. Phương thức tuyên truyền cần linh hoạt, mềm dẻo và sinh động để đối tượng dễ tiếp thu.

### **3.3.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

Pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện công tác QLNN nói chung và QLNN về phi chính phủ nước ngoài. Đặc biệt trong bối cảnh chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền, thực hiện cải cách hành chính, thực hiện những chính sách đối ngoại rộng mở thì việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống

pháp luật nói chung và pháp luật trong QLNN về phi chính phủ nước ngoài nói riêng là một nhu cầu tất yếu và cấp bách.

Thực tế những năm qua cho thấy, mặc dù việc phê duyệt dự án đã được phân cấp, khung pháp lý cho hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam đã được xác định nhưng vẫn tiếp tục cần nghiên cứu thêm để đơn giản hóa hơn nữa và sửa đổi, bổ sung những quy định cụ thể và phù hợp, đẩy mạnh công tác phổ biến các quy định pháp luật liên quan tới việc phê duyệt, quản lý dự án, quy chế hoạt động của các TCPCPNN và đảm bảo việc thực hiện các văn bản pháp quy một cách hiệu quả hơn, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho quá trình triển khai các hoạt động viện trợ nhân đạo và phát triển, đảm bảo viện trợ đến với người dân kịp thời.

Nội dung QLNN về công tác phi chính phủ nước ngoài có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cơ quan, nhiều cấp chính quyền. Để hệ thống các cơ quan đó hoạt động có hiệu quả, cần xác lập mối quan hệ đúng đắn giữa chúng, tạo thành một cơ chế đồng bộ trong QLNN đối với hoạt động của các TCPCPNN. Tất cả những yêu cầu này muốn thực hiện được phải được luật hoá thành những nguyên tắc và quy định cụ thể. Thực tiễn công tác QLNN đối với lĩnh vực nhạy cảm này cho thấy hiện vẫn thiếu một hệ thống các quy phạm pháp luật đầy đủ, đồng bộ, tạo thành một môi trường pháp lý hoàn chỉnh.

Trong tương lai, việc xây dựng môi trường pháp lý phải đảm bảo đáp ứng được một số yêu cầu như:

- Hệ thống văn bản pháp quy phải được bổ sung cho đầy đủ hơn, nói một cách khác là phải bao quát được tất cả các phương diện của lĩnh vực quản lý; các văn bản phải đảm bảo được tính đồng bộ, thống nhất và tương thích với hệ thống chung và các lĩnh vực khác; các quy định của pháp luật phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng.

- Các quy định pháp luật phải cởi mở để tạo điều kiện cho hoạt động của các TCPCPNN phát triển theo hướng tích cực; song đồng thời lại phải chặt chẽ nhằm hạn chế những kẽ hở để một số TCPCPNN lợi dụng.

- Phải giảm bớt tính chồng chéo, mâu thuẫn, hạn chế lẫn nhau giữa những quy định trong cùng lĩnh vực phi chính phủ nước ngoài cũng như giữa lĩnh vực này với những lĩnh vực khác.

- Phải vừa phù hợp với tình hình của Việt Nam nói riêng, vừa phù hợp

với luật pháp quốc tế; đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu của xu thế chung thời đại.

Bên cạnh xây dựng hệ thống văn bản pháp quy, cũng cần chú trọng tới việc thực thi pháp luật sao cho nghiêm túc, triệt để mới có thể đảm bảo môi trường pháp lý trong sạch. Ta phải kiên quyết thực hiện quản lý bằng giấy phép; tăng cường phổ biến Quy chế về hoạt động của các TCPCPNN cho các ngành, các cấp đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của từng tổ chức, khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cần xử lý kịp thời, thoả đáng; cương quyết thực hiện chế độ thẩm định, phê duyệt dự án theo đúng các quy định hiện hành. Bên cạnh các cơ quan bảo vệ pháp luật hiện có, ta cũng cần tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng các tổ chức giúp đỡ pháp lý như luật sư, công chứng, cố vấn pháp lý, dịch vụ pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cả các cơ quan quản lý cũng như các TCPCPNN đang hoạt động tại Việt Nam.

### **3.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý**

*Xây dựng bộ máy quản lý và cơ chế quản lý TCPCPNN tại Việt Nam*

Nhà nước thực hiện quản lý chung mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, song điều đó không có nghĩa là Nhà nước phải đảm đương hầu như mọi công việc của công tác quản lý từ ban hành luật pháp, xây dựng chính sách cho đến thực hiện các nhiệm vụ quản lý cụ thể. Những nhiệm vụ quản lý cụ thể được giao cho các cơ quan chức năng do Nhà nước quy định. Thực hiện quản lý thông qua hệ thống tổ chức bộ máy là để giảm bớt gánh nặng của Nhà nước, tăng cường trách nhiệm của các cấp các ngành, các địa phương, phát huy tính năng động sáng tạo của các cơ quan này, tạo cơ hội cho nhiều người đóng góp tài năng và trí tuệ cũng như các nguồn lực vật chất cho công cuộc phát triển đất nước. Muốn vậy, cần phải xây dựng hệ thống bộ máy quản lý đầy đủ và có năng lực. Hệ thống các cơ quan QLNN về các TCPCPNN có thể được phân theo lãnh thổ và theo lĩnh vực.

- Tuyển theo lãnh thổ các cơ quan của Chính phủ, cơ quan của UBND các cấp từ trung ương đến địa phương;

- Tuyển theo bộ, ngành, tức là theo lĩnh vực quản lý, gồm các cơ quan quản lý phi chính phủ của các bộ, cơ quan ngành bộ, cơ quan thuộc chính phủ.

Thực hiện nội dung xây dựng bộ máy, trước hết Nhà nước cần phải đánh giá lại bộ máy quản lý hiện có, rà soát lại để xác định những phần thừa, phần thiếu của hệ thống hiện hành, mạnh dạn loại bỏ những bộ phận không cần thiết, bổ sung thêm những đơn vị cần có theo yêu cầu nhiệm vụ mới, củng cố các bộ phận còn tiếp tục duy trì. Phải xây dựng một bộ máy từ trung ương đến địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hoạt động hiệu quả. Bộ máy cần phải được phân công, phân cấp quản lý cho phù hợp.

Bộ máy luôn gắn liền với con người. Chính vì vậy, Nhà nước phải xây dựng chiến lược con người, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng được những đặc thù của công tác đối ngoại nói chung và công tác phi chính phủ nói riêng; cán bộ quản lý và cán bộ trực tiếp tác nghiệp cần phải được tiêu chuẩn hoá theo yêu cầu và nhiệm vụ mới; yếu tố trí tuệ cần phải được đề cao, vai trò quản lý cần phải được xác định rõ.

*Tăng cường công tác phối hợp trong quản lý hoạt động của các TCPCPNN*

Về mặt tổ chức bộ máy, yêu cầu trước hết là phải quán triệt tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư đã đề ra trong Chỉ thị 19/CT-TW, đó là:

Ta phải coi trọng việc củng cố cơ quan đầu mối về viện trợ phi chính phủ nước ngoài cả ở Trung ương và địa phương. Việc củng cố phải được thực hiện trên mọi khía cạnh, từ cơ cấu tổ chức đến chất lượng đội ngũ cán bộ, từ phương thức tiếp cận đến các mối quan hệ... Trước hết phải chú trọng xây dựng cơ quan đầu mối ở Trung ương là Ủy ban Công tác phi chính phủ nước ngoài vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

Cần có nghiên cứu để xây dựng một mô hình cơ quan đầu mối thống nhất ở các địa phương trong cả nước. Các bộ, ngành cũng cần xác định rõ cơ quan đầu mối của đơn vị mình có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Xây dựng và củng cố các mối quan hệ dọc - ngang - chéo như yêu cầu Ban Bí thư đã đề ra. Cả ba dạng quan hệ này đều có tầm quan trọng ngang nhau, cùng nhau tạo thành một thể hữu cơ. Do vậy, trong quá trình xây dựng bộ máy và thiết lập quan hệ không thể chú trọng vào dạng này mà buông lỏng dạng kia, không thể một chiều. Có như vậy thì cơ chế phối hợp mới đầy đủ, thống nhất, quan hệ phối hợp mới rõ ràng. Quan hệ phối hợp phải được tôn trọng trong

mọi khâu của quản lý; khi thực hiện dự án của các TCPCPNN tại các địa phương, thì các bộ, ngành, tổ chức nhân dân ở Trung ương nhất thiết phải phối hợp với cấp uỷ, chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong mọi khâu của dự án, từ khảo sát, thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tuyệt đối không dùng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức ở Trung ương để vượt lên mọi quy định.

Cũng trong vấn đề này, cần đẩy mạnh hơn nữa việc huy động sự tham gia của các đoàn thể quần chúng nhân dân ở cả Trung ương và địa phương vì thời gian qua khâu phối hợp với nhân dân còn là một khâu rất yếu trong công tác quản lý hoạt động phi chính phủ của chúng ta. Cần thiết phải đa dạng hoá hình thức tham gia của người dân và công tác quản lý như bày tỏ ý kiến, thảo luận, đánh giá, giám sát, tham mưu. Sự tham gia của nhân dân cũng cần được thực hiện ở nhiều khâu của công tác quản lý từ xây dựng chủ trương, lập kế hoạch cho đến giám sát thực hiện.

Yêu cầu đặt ra cho cơ quan đầu mối viện trợ là phải nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng địa phương, từng thời kỳ và nhu cầu vận động tài trợ, nắm vững đối tác, dự án mình quản lý. Cách tiếp cận của cơ quan đầu mối phải sâu sát nhưng nên mềm dẻo.

Tất cả các cơ quan đầu mối từ Trung ương tới địa phương và ở tất cả các bộ ngành đều phải quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; tăng cường phổ biến Quy chế cho các ngành, các cấp, các địa phương.

#### **3.3.4. Đội ngũ cán bộ quản lý**

Con người luôn là trung tâm của mọi hoạt động. Muốn tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý, muốn nâng cao chất lượng của hoạt động quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài, ta phải chú ý nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như cán bộ tác nghiệp trực tiếp. Một thực tế đáng lo ngại là cho đến nay, ta vẫn chưa có một đội ngũ cán bộ làm công tác phi chính phủ nước ngoài có tính chuyên nghiệp mà đa phần cán bộ vẫn kiêm nhiệm, làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. Một số rất ít cán bộ chuyên trách và được đào tạo tương đối căn bản ở Trung ương (chủ yếu của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam) chưa đủ để tạo thành

một lực lượng chuyên nghiệp đáp ứng được những yêu cầu về nguồn lực con người. Để xây dựng một đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ, chúng ta cần phải:

- *Xác định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ quản lý và cán bộ trực tiếp làm công tác phi chính phủ nước ngoài.*

Công tác phi chính phủ nước ngoài là loại hình công tác có tính đặc thù cao. Chính vì vậy đòi hỏi lực lượng cán bộ làm công tác này phải có những tiêu chuẩn cụ thể về phẩm chất và về năng lực. Về phẩm chất, căn bản cần có lập trường chính trị vững vàng, phải trung thành với Tổ quốc, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, có tư cách đạo đức trong sáng. Về năng lực, đội ngũ này nhất thiết phải nắm vững lý luận căn bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đặc biệt là đường lối, chính sách đối ngoại, phải có kiến thức về đối ngoại nhân dân và phi chính phủ nước ngoài. Trên góc độ quản lý hành chính, đội ngũ này phải được trang bị các kiến thức quản lý hành chính nhà nước nói chung và có QLNN trên lĩnh vực phi chính phủ nước ngoài nói riêng; cần thiết phải có kiến thức xã hội, nhất là về pháp luật và phải có trình độ ngoại ngữ tinh thông.

- *Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng*

Đào tạo, bồi dưỡng là giải pháp tối ưu và lâu dài cho vấn đề chất lượng đội ngũ cán bộ. Đào tạo, bồi dưỡng phải theo tiêu chí và theo yêu cầu nhiệm vụ. Các cơ quan trung ương và địa phương cần đặc biệt quan tâm lựa chọn, đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ làm công tác phi chính phủ nước ngoài; phải coi đây là một trong số những lĩnh vực công tác đối ngoại được ưu tiên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải bao gồm tất cả các khâu: đào tạo, bồi dưỡng trước khi nắm giữ chức vụ, đào tạo, bồi dưỡng để đề bạt và đào tạo, bồi dưỡng khi đang nắm giữ chức vụ. Đào tạo, bồi dưỡng phải quán triệt gắn với sử dụng và theo sát nhu cầu thực tế. Cần đầu tư hơn nữa cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phi chính phủ cả về tài chính, nhân sự, giáo trình, thông tin...; phương pháp học tập, nghiên cứu, trao đổi cần phải thường xuyên đổi mới cập nhật.

Giữa cơ quan đầu mối ở trung ương và các cơ quan đầu mối ở địa phương và bộ ngành nên thiết lập một mạng lưới đào tạo thuộc các cấp, các loại khác nhau. Ủy ban Công tác về phi chính phủ nước ngoài và cơ quan thường trực là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam cần tiếp tục dành ưu



tiên cao cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các địa phương và phải hướng vào chiến lược vận động phi chính phủ mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Về phía bản thân người cán bộ, cần xác định đào tạo, bồi dưỡng vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi và học tập là quá trình cả đời, từ đó tự mình không ngừng trau dồi kiến thức và tu dưỡng phẩm chất.

- *Nâng cao chất lượng công tác cán bộ*

Cần chú trọng hơn nữa đến vấn đề sử dụng cán bộ, Sử dụng cán bộ cần tuân thủ các nguyên tắc như: căn cứ vào phẩm chất và năng lực, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, tuyển dụng kiểm tra, sát hạch đề bạt một cách khoa học và minh bạch... Sử dụng cán bộ cần có quy hoạch, có chiến lược dài hạn cũng như kế hoạch ngắn hạn.

Trong sử dụng cán bộ, cần thiết phải luôn đổi mới và chuyển đổi một cách hợp lý. Điều này có nghĩa là phải tùy theo sự phát triển của thực tế khách quan mà không ngừng điều chỉnh, đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ cấu tri thức của đội ngũ cán bộ. Việc chuyển đổi cán bộ cũng giúp hạn chế tính cục bộ, chủ nghĩa bè phái tồn tại ở một địa phương hay một bộ ngành. Việc chuyển đổi cần phải có hướng chuyển đúng và cần dựa theo yêu cầu công tác, song cũng cần tính đến những yếu tố như tuổi tác, kinh nghiệm và hoàn cảnh thực tế của cán bộ để phát huy năng lực của họ ở mức cao nhất.

Cần có chế độ đãi ngộ cán bộ hợp lý. Chính sách tiền lương, phúc lợi, nghỉ hưu và các bảo đảm về luật pháp là biện pháp hữu hiệu để thu hút nhân tài vào làm việc trong lĩnh vực phi chính phủ nước ngoài và để đảm bảo cho đội ngũ đạt được tính ổn định. Chế độ đãi ngộ xứng đáng cũng là biện pháp góp phần hạn chế tình trạng "chảy máu chất xám" trong đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ đối ngoại.

Riêng đối với đội ngũ người Việt Nam làm việc trong các TCPCPNN ta phải tăng cường giáo dục cho họ ý thức chính trị, trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, nâng cao tinh thần cảnh giác, hợp tác với các cơ quan Việt Nam bảo vệ lợi ích quốc gia.

### **3.3.5. Nghiên cứu và thống kê**

Việc thống kê nghiên cứu sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổng hợp đánh giá thực trạng đề ra các giải pháp cho phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ và phù hợp với mỗi địa phương khác nhau.

Để rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý trong thời gian tới, ta cần phải tăng cường công tác khảo sát, thống kê. Đó là cách để nắm vững tình hình hoạt động của các TCPCPNN cũng như về công tác quản lý. Từ những số liệu thực tế, mới có thể hệ thống hoá, có những đánh giá tổng quát chính xác về thực trạng, cần thường xuyên tiến hành tổng kết trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lý giữa các cơ quan quản lý của các cấp, các ngành, các địa phương. Theo ý kiến của một số cơ quan quản lý phi chính phủ ở địa phương, hội nghị tổng kết công tác quản lý phi chính phủ toàn quốc của ta hiện nay được tổ chức 10 năm một lần là hơi thưa. Do bước phát triển nhanh chóng của các TCPCPNN tại Việt Nam, do những biến động không ngừng của tình hình mới, khoảng cách giữa hai lần hội nghị nên được rút lại là 5 năm để kịp thời đánh giá tình hình, rút bài học kinh nghiệm và đề xuất những bổ sung hoặc thay đổi, điều chỉnh cần thiết về chính sách hoặc biện pháp cho phù hợp với thực tiễn mới.

Bên cạnh đó, vì quan hệ giữa Nhà nước và các TCPCPNN không chỉ là quan hệ giữa chủ thể quản lý và khách thể quản lý mà còn là quan hệ đối tác, nên ta cũng cần chú ý tới việc tăng cường đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm hợp tác với chính cộng đồng phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam và trên thế giới, lắng nghe những ý kiến và phản hồi của họ để có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, bên cạnh việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ thực tế trong nước, cũng cần phải chú ý tìm hiểu và học tập những kinh nghiệm quản lý về phi chính phủ nước ngoài của các nước khác, nhất là các nước có trình độ phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội tương tự và các nước có cùng chế độ chính trị.

Muốn nâng cao hiệu quả quản lý, cần có đường lối, chủ trương và những chính sách, biện pháp thích hợp. Những điều này chỉ có thể có được khi chúng ta có nền tảng lý luận vững chắc và sát với thực tế khách quan. Phải thừa nhận rằng, cho đến nay, mặc dù các TCPCPNN đã vào hoạt động ở nước ta được một thời gian khá dài, song chúng ta vẫn chưa có những nghiên cứu mang tính lý luận cao đối với lĩnh vực quản lý này. Đây là một thiếu sót mà trong những năm tới chúng ta cần chú ý bổ sung. Nghiên cứu lý luận không phải là công việc có thể hoàn tất ngày một ngày hai mà nó là một công việc

khó khăn phải thực hiện trong một quá trình lâu dài đòi hỏi rất nhiều trí lực và công sức, song là việc nhất thiết phải thực hiện. Bởi một nền tảng lý luận đúng đắn và vững chắc là cơ sở không thể thiếu đối với việc chỉ đạo quản lý và hướng dẫn thực hiện.

### **3.3.6. Xây dựng quy chế phối hợp QLNN đối với các TCPCPNN trên địa bàn Hà Nội**

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban liên ngành giữa Sở Ngoại vụ, Sở kế hoạch và đầu tư, Công an Thành phố và các cơ quan có liên quan để chia sẻ thông tin và có sự phối hợp liên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý phi chính phủ nước ngoài. Đặc biệt xây dựng các quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ công tác đối với TCPCPNN của thành phố Hà Nội trên cơ sở phân công cụ thể nhiệm vụ chung của Tổ công tác và nhiệm vụ của các thành viên của Tổ công tác.

#### ***Nhiệm vụ của Tổ công tác:***

1. Đề xuất các vấn đề liên quan đến các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Thành phố Hà Nội, phối hợp với các cơ quan có liên quan để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện pháp luật của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài .

2. Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến với Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài việc cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy Đăng ký hoạt động, Giấy Đăng ký lập Văn phòng dự án và Giấy Đăng ký lập Văn phòng đại diện đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài.

4. Định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Thành phố.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến phi chính phủ nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

6. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong việc quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tiếp nhận và sử dụng viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Thành phố Hà Nội.

***Nhiệm vụ của các thành viên Tổ công tác:***

1. *Sở Ngoại vụ Hà nội* là cơ quan đầu mối trong công tác quản lý và vận động viện trợ đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến với Ủy ban công tác phi chính phủ nước ngoài về việc cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy Đăng ký hoạt động, Giấy Đăng ký lập Văn phòng dự án và Giấy Đăng ký lập Văn phòng đại diện đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố Hà Nội; đề nghị khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên cơ sở định hướng các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố và chính sách đối ngoại chung của Nhà nước.

- Thẩm định các khoản viện trợ phi dự án và tham gia góp ý thẩm định các khoản viện trợ là các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục xin cấp các loại giấy đăng ký và giới thiệu đối tác Việt Nam hợp tác triển khai dự án.

- Hướng dẫn các đơn vị cơ sở, các đối tác Việt Nam xây dựng chương trình, dự án để vận động và hợp tác thực hiện với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Thông báo với Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động của các tổ chức Phi chính phủ nước ngoài, về tình hình vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài 6 tháng và 1 năm để các đơn vị tổng hợp chung, báo cáo các Bộ - ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và Sở Kế hoạch và đầu tư kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về chủ trương vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài cứu trợ khẩn cấp.

- Trong một số trường hợp đặc biệt và cụ thể, hỗ trợ việc xác minh tư cách pháp nhân cũng như hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở nước ngoài thông qua Bộ Ngoại giao hoặc các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài.

## *2. Công an Thành phố có trách nhiệm:*

- Hướng dẫn và hỗ trợ bên tiếp nhận viện trợ trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Tham gia thẩm định và góp ý kiến với Sở Kế hoạch và Đầu tư, về các chương trình, dự án và viện trợ phi dự án liên quan đến pháp luật, an ninh quốc phòng trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Tham gia ý kiến nhận xét về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn Thành phố khi cần thiết và chủ động trao đổi những thông tin về hoạt động của các phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn Thành phố với các cơ quan liên quan.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện các quy định về bảo vệ an ninh quốc gia trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cũng như các vấn đề có liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia trong các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

- Báo cáo và đề xuất ý kiến với Ủy ban nhân dân Thành phố về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động có dấu hiệu liên quan đến an ninh quốc gia để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét xử lý.

- Tiến hành nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

### *3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:*

- Điều phối và quản lý các chương trình, dự án sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và phối hợp với Sở Ngoại vụ Thành phố tổng hợp chung tình hình viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo định kỳ 6 tháng, hàng năm để trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ và các Bộ - ngành theo quy định.

- Phối hợp cùng với các cơ quan liên quan hướng dẫn các đơn vị cơ sở, các đối tác Việt Nam xây dựng các chương trình, dự án để vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Hướng dẫn chủ dự án thủ tục lập hồ sơ dự án trình phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định, chịu trách nhiệm thẩm định các chương trình, dự án và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, không phụ thuộc vào quy mô viện trợ. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị hồ sơ để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức việc theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện, tổng hợp, phân tích và đánh giá hiệu quả các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài; đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung những quy định cần thiết để quản lý có hiệu quả nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách hoặc từ nguồn vốn khác cho các chương trình, dự án thuộc diện được sử dụng vốn ngân sách theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì chuẩn bị nội dung và tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm việc tiếp nhận sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

*4. Sở Tài chính có trách nhiệm* quản lý tài chính các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại Thành phố Hà Nội với các nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm phối hợp cùng cơ quan chủ quản và đơn vị tiếp nhận viện trợ kiểm kê, xác định giá trị tiền hàng viện trợ theo chương trình dự án và

phi dự án. Hướng dẫn đơn vị hạch toán tài sản viện trợ, quản lý và sử dụng tài sản viện trợ theo đúng cam kết với nhà tài trợ và quy định hiện hành của Nhà nước.

- Kiểm tra hồ sơ quyết toán do các đơn vị sử dụng viện trợ báo cáo khi kết thúc chương trình, dự án viện trợ. Phối hợp cùng cơ quan chủ quản của đơn vị quyết toán các hồ sơ viện trợ đã được kiểm tra theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án thuộc diện được ngân sách Nhà nước cấp phát vốn theo quy định hiện hành. Cùng các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức hội, đoàn thể thuộc Thành phố có tiếp nhận viện trợ.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình tiếp nhận và quản lý tiền, hàng viện trợ của Thành phố định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ và các Bộ - ngành có liên quan theo quy định.

#### *5. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:*

- Tiếp nhận các đề nghị của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đoàn thể xin nhận viện trợ (viện trợ theo dự án và viện trợ phi dự án) của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định trên cơ sở ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp công tác thông tin, nghiên cứu đề xuất các chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động và viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

- Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

#### *6. Sở Nội vụ có trách nhiệm:*

- Hướng dẫn và hỗ trợ Tổ Công tác trong việc thực hiện đúng quy định về hình thức và nội dung văn bản kiến nghị về công tác tổ chức.

- Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ nước ngoài thực hiện sinh hoạt tôn giáo theo quy định của Pháp lệnh Tín ngưỡng - Tôn giáo của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

#### *7. Sở Lao động thương binh và xã hội có trách nhiệm:*

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý người Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra tình hình sử dụng người lao động làm việc cho các văn phòng của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định hiện hành.

- Thực hiện việc tuyển chọn, cung ứng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, thực hiện các dịch vụ khác có liên quan, tư vấn và hướng dẫn thủ tục cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong việc sử dụng lao động Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

- Xây dựng quy chế quản lý người Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Cung cấp thông tin định kỳ (3 tháng/lần) cho các cơ quan chức năng của Thành phố về tình hình lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

### **3.3.7. Kiểm tra, giám sát**

Trong thời gian quan, các TCPCPNN đã có những đóng góp tích cực, dành cho ta sự trợ giúp nhất định về kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực xoá đói, giảm nghèo, khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai; phòng, chữa bệnh, giáo dục - đào tạo và môi trường. Để tranh thủ nguồn viện trợ phi chính phủ, cần chủ động đề ra định hướng và chủ động vận động các TCPCPNN trong sự gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng vùng, miền và trong từng giai đoạn cụ thể; đồng thời phải tăng cường quản lý chặt chẽ theo các quy định thống nhất của Đảng và Nhà nước.

Các TCPCPNN có mục đích truyền thống là nhân đạo, phi lợi nhuận, phi chính trị, phi tôn giáo, nhưng cũng có tính phức tạp; bên cạnh đó một số thế lực đã lợi dụng hoạt động của một số ít TCPCPNN vào nước ta vì các mục đích chính trị, can thiệp vào công việc nội bộ, xâm hại an ninh và chủ quyền của nước ta. Do đó, yêu cầu của chúng ta phải nắm vững nguồn gốc, mục đích, tính chất hoạt động của từng TCPCPNN trước khi quyết định việc thiết lập và tăng cường quan hệ; đồng thời thường xuyên quản lý chặt chẽ, phát hiện và xử lý kịp thời, thoả đáng những hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức này.

Cần huy động sự tham gia của các đoàn thể quần chúng vào việc thực



hiện và giám sát các dự án của các TCPCPNN .

Về cơ chế hoạt động kiểm tra, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN cần phối hợp với Văn phòng Chính phủ sớm trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc rà soát nhằm xây dựng, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến phi chính phủ nước ngoài và các quy chế, quy định, thủ tục liên quan tới việc phê duyệt, tiếp nhận, thực hiện, kiểm tra và báo cáo về các dự án của phi chính phủ nước ngoài nói riêng. Tất cả những yêu cầu này đều phải theo hướng nâng cao trách nhiệm, đơn giản thủ tục và phân cấp rõ ràng.

Dù là dưới dạng nào và ở cấp nào, quản lý cũng không thể tách rời kiểm tra, giám sát. Đây là một nội dung của quản lý đồng thời cũng là một khâu trong chu trình quản lý. Đối với QLNN, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát lại càng quan trọng.

Quản lý bằng kiểm tra, giám sát là để đảm bảo các TCPCPNN tôn trọng luật pháp và quy định của Việt Nam, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích từ thiện nhân đạo vì mục tiêu phát triển mà họ đã đăng ký, sớm phát hiện những sai phạm và vi phạm pháp luật của các TCPCPNN để từ đó kịp thời có biện pháp xử lý, đảm bảo việc tuân thủ luật pháp. ở một cấp độ nhẹ hơn thì kiểm tra, giám sát còn là để đảm bảo cho các hoạt động của các tổ chức này phù hợp với truyền thống văn hoá, thuần phong mỹ tục của Việt Nam, tránh được những sai lầm đáng tiếc có nguyên nhân từ sự khác biệt văn hoá. Có bao nhiêu lĩnh vực hoạt động của các TCPCPNN thì phải tiến hành kiểm tra, giám sát trên bấy nhiêu lĩnh vực; càng chia nhỏ lĩnh vực thì sự kiểm tra, giám sát càng được cụ thể. Tuy nhiên, một cách tổng quát, thì hoạt động kiểm tra, giám sát được đề cập ở 2 khía cạnh lớn là; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước; và kiểm tra, giám sát hiệu quả của hoạt động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Đối với các cơ quan quản lý, kiểm tra, giám sát để đảm bảo bộ máy quản lý vận hành đúng khuôn khổ pháp luật, đúng các quy định của nhà nước để tránh xảy ra các hiện tượng tiêu cực trong quản lý như: không đúng thẩm quyền, nhũng nhiễu, quan liêu, vô trách nhiệm. Kiểm tra, giám sát còn là để kịp thời phát hiện và ngăn chặn những sai phạm của cơ quan quản lý để nhanh chóng giải quyết, tránh tối đa những hậu quả phát sinh.

Tổng kết, đánh giá cũng là một nội dung của QLNN. Tổng kết, đánh giá thường gắn liền với công tác thống kê, nghiên cứu, sẽ giúp Nhà nước và các cơ quan quản lý có được cái nhìn tổng quát về tình hình hoạt động của các TCPCPNN cũng như về thực trạng quản lý. Trên cơ sở đó, có thể tìm ra nguyên nhân thành công cũng như các tồn tại trong quá trình thực hiện quản lý, từ đó rút ra những kinh nghiệm, những bài học quý báu giúp cho việc tiếp tục quản lý trong tương lai đạt hiệu quả cao hơn. So với nhiều lĩnh vực khác thì lĩnh vực phi chính phủ nước ngoài được coi là khá mới mẻ ở nước ta, vì vậy, lại càng cần thiết tiến hành đánh giá, tổng kết để kịp thời đúc rút và chia sẻ kinh nghiệm.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Căn cứ vào những đánh giá thực trạng trong công tác QLNN của Hà Nội đối với hoạt động của các TCPCPNN thời gian qua, nội dung Chương 3 tập trung phân tích quan điểm chỉ đạo chung của Đảng, Nhà nước và Thành phố đối với việc hoàn thiện công tác QLNN đối với các TCPCPNN, trên cơ sở quan điểm, luận án đã đề xuất các phương hướng tổng quát và cụ thể đối với việc hoàn thiện QLNN đối với các TCPCPNN ở thành phố trong thời gian tới. Để thực hiện quan điểm và phương hướng đã xác định, luận án tập trung phân tích 7 nhóm giải pháp để củng cố, hoàn thiện công tác QLNN của Thành phố Hà Nội đối với các TCPCPNN. Gắn với các giải pháp nêu trên, luận án cũng đề xuất một số kiến nghị cụ thể đối với TW và Thành phố để triển khai các giải pháp trên.

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu lý luận đánh giá thực trạng công tác QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam và thông qua thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhìn lại thực tế và các yêu cầu đặt ra cho chúng ta thấy:

Hiện nay công tác QLNN đối với các TCPCPNN cùng với sự vận hành và phát triển của xã hội còn không ít những vấn đề cần được nhận thức và quan tâm giải quyết.

Các cấp có thẩm quyền và có chức năng QLNN đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài cần tiếp tục nghiên cứu đề ra các chính sách, quy định trong việc quản lý các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam, cần phải xây dựng một hệ thống quản lý chặt chẽ từ trung ương đến địa phương làm sao để công tác QLNN đối với các TCPCPNN vừa chặt chẽ vừa hiệu quả nhằm quản lý tốt và tranh thủ được nguồn viện trợ từ các tổ chức này góp phần cho công cuộc xây dựng đất nước ta ngày càng phát triển.

Lý luận cũng như thực tiễn đang tiếp tục đòi hỏi chính phủ, các bộ ngành chức năng, nhất là Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về các TCPCPNN, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính,... cần quan tâm tiếp tục phân tích chính sách, điều chỉnh chính sách và kiểm tra việc thực hiện các quy chế QLNN đối với các TCPCPNN nhằm thực hiện tốt những vấn đề về lý luận, về thể chế cũng như chính sách đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp và hiệu quả từ trung ương đến địa phương trong đó cần tập trung hơn nữa cho việc hoàn thiện thể chế và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng.

Phi chính phủ nước ngoài là một lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm. TCPCP là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, tất cả các TCPCPNN đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của các chính phủ và các tổ chức tôn giáo tài trợ cho họ nên đa phần đều có điểm chung là tán thành đa nguyên, dân chủ, tự do tư sản chủ nghĩa; mọi hoạt động của họ dù về phương diện kinh tế, văn hoá đều có một tác động chính trị nhất định. Tuy nhiên mỗi tổ chức lại có sắc thái riêng. Thực

tiến hoạt động trong lĩnh vực này cho thấy không thiếu những người có thiện chí, thành thực giúp đỡ Việt Nam phát triển. Chính vì vậy đối với các TCPCPNN, không thể có cái nhìn phiến diện. Các TCPCP có tôn chỉ mục đích riêng của mình. Điều cốt yếu là phải hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực này, nắm vững phương châm vừa hợp tác vừa đấu tranh và có cách làm đúng để tranh thủ những lợi ích mà hoạt động phi chính phủ mang lại, đồng thời hạn chế được các sơ hở và tổn thất khi đất nước ta mở cửa và hội nhập quốc tế, vững vàng trước những thủ đoạn thực hiện diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự thống nhất quản lý của Nhà nước, với tâm huyết và trí lực của tất cả những người làm công tác phi chính phủ, tin rằng Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu trên lĩnh vực này và sẽ thành công trong việc tìm ra các phương thức tiếp cận và những quy chế quản lý các TCPCPNN phù hợp với những thay đổi của tình hình mới để đạt hiệu quả cao hơn, đóng góp tích cực hơn vào việc thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Hòa chung vào dòng chảy của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đang ngày càng khẳng định là một đất nước có chế độ chính trị xã hội ổn định an toàn, có môi trường tốt, đây là nơi các TCPCPNN đặt trụ sở, triển khai các hoạt động nhân đạo và các chương trình dự án.

Trên phạm vi toàn quốc hiện nay các TCPCP nước ngoài đang ngày càng góp phần quan trọng vào những nỗ lực nhằm đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về xóa đói giảm nghèo, các TCPCPNN cùng với các tổ chức xã hội dân sự sát cánh với chính quyền các cấp thực hiện các hoạt động phục vụ các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, trao quyền cho phụ nữ, phòng chống HIV/AIDS, y tế, giáo dục đặc biệt là khuyến khích sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách và pháp luật.

Ở Việt Nam trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới và phát triển

mạnh, sự tham gia của các TCPCPNN ngày càng được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi chính vì vậy việc xây dựng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tạo hành lang pháp lý và cần phải nghiên cứu một cách sâu sắc đầy đủ hai mặt hoạt động của các TCPCPNN là mặt tích cực và mặt tiêu cực từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung QLNN đối với TCPCPNN là một tất yếu nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức này giúp Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.

## **KHUYẾN NGHỊ**

### **• ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC (Qua các Bộ, ngành có trong ND số 12/12012/NĐ-CP)**

- Hiện nay, lĩnh vực phi chính phủ nước ngoài mới chỉ được điều chỉnh bởi những văn bản dưới luật (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng, Thông tư của các bộ.), vì vậy kiến nghị Nhà nước nghiên cứu xây dựng những văn bản có giá trị pháp lý cao hơn như luật hóa công tác quản lý phi chính phủ bước ngoài, củng cố vững chắc hơn khuôn khổ pháp lý cho công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài.

- Cần chấn chỉnh việc thực hiện Nghị định số 93/2009 /NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài về quản lý nguồn hàng viện trợ; các cơ quan Trung ương cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề phê duyệt nhận các khoản viện trợ thí dụ án.

- Chính phủ giao cho Bộ Tài chính nghiên cứu khả năng ban hành các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các công ty nước ngoài, công ty liên doanh, công ty đa quốc gia đang hoạt động ở Việt Nam tham gia vào những hoạt động nhân đạo và phát triển phi lợi nhuận và để các tổ chức của Việt Nam tranh thủ được nguồn tài trợ này.

- Chính phủ có quyết định cụ thể về việc giảm các loại thuế, nhất là thuế VAT và cho phép những nhân viên là người nước ngoài đang làm việc tại các văn phòng đại diện và văn phòng thí dụ án của các TCPCPNN được mua hàng miễn thuế. Thủ tục hoàn thuế VAT nên được đơn giản hoá. Đây là những biện pháp khuyến khích về vật chất để kích thích đối tượng.

- Bộ Ngoại giao, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN trước khi cấp, gia hạn hoặc thu hồi giấy phép của TCPCPNN nên trao đổi với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tổ chức đó hoạt động để tránh tình trạng nhiều TCPCPNN được cấp giấy phép nhưng UBND và cơ quan đầu mối địa phương không biết. Mặt khác, để hạn chế hiện tượng nhiều TCPCPNN tuy được cấp giấy phép nhưng không làm thủ tục đăng ký hoạt động tại địa phương theo đúng tinh thần Nghị định 12/2012/NĐ-CP.

- Ủy ban Công tác về các TCPCPNN cần đẩy mạnh công tác thông tin. Cần thường xuyên thông báo và cung cấp thông tin và tổng quan về tình hình hoạt động của các TCPCP cho các địa phương.

- Hàng năm, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN nên tổ chức hội nghị, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm thực tiễn công tác phi chính phủ nước ngoài cho các địa phương, có thể tiến hành một cuộc phía Bắc, một cuộc phía Nam.

- Chính phủ cần có văn bản hướng dẫn để tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý các TCPCPNN với các cơ quan quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các TCPCPNN để thực hiện tốt hơn Nghị định 85/1998/NĐ-CP.

- Các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ luôn cần đến vốn đối ứng của địa phương. Nhà tài trợ xem đây là nghĩa vụ bắt buộc, vừa để gắn kết trách nhiệm của các đối tác cùng tham gia, vừa để tăng nguồn lực cho dự án. Do đó, kiến nghị Bộ Tài chính nghiên cứu và quyết định bố trí vốn đối ứng cho các dự án phi chính phủ nước ngoài, tương tự như đang áp dụng với các chương trình viện trợ chính thức (ODA).

#### • ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Cần sớm triển khai quy chế quản lý các TCPCPNN tại thành phố. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định hướng dẫn cụ thể để thuận lợi cho việc hoạt động của các TCPCPNN ở Hà Nội.

- Cần xây dựng chế tài xử lý vi phạm hi các TCPCPNN hoạt động không đúng giấy phép đăng ký.

- Định kỳ tổ chức các buổi giao ban liên ngành, tăng cường công tác thanh kiểm tra hoạt động của các TCPCP với sự tham gia của các sở, ban, ngành có

liên quan để công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài đạt hiệu quả tốt.

- Cần phải nhất thể hóa công tác quản lý, vận động, phê duyệt viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho một cơ quan tránh việc chia tách cho nhiều cơ quan như hiện nay vì như thế sẽ giảm hiệu quả vận động và quản lý nguồn viện trợ này, Kiến nghị UBND thành phố cho phép sở Ngoại vụ Hà Nội là cơ quan quản lý, hướng dẫn giúp đỡ các TCPCPNN tại Hà Nội đồng thời có thêm chức năng thẩm định, tham mưu trình duyệt các dự án viện trợ do các TCPCPNN tài trợ cho các đơn vị của thành phố Hà Nội.

- UBND thành phố cần tăng cường biên chế cho bộ phận làm công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài của sở Ngoại vụ Hà Nội (hiện nay chỉ có 4 cán bộ).

- Lựa chọn các cán bộ làm công tác quản lý phi chính phủ nước ngoài có trình độ ngoại ngữ, am hiểu về pháp luật, có lập trường tư tưởng vững vàng.

- Cần thống nhất nhận thức về chủ trương nhất quán của Đảng và nhà nước ta là khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phi chính phủ nước ngoài, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước và phát triển đất nước. Đồng thời cần nhận thức rõ tính phức tạp, nhạy cảm của hoạt động phi chính phủ nước ngoài, nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch lợi dụng hoạt động phi chính phủ nước ngoài để tác động sâu vào nội bộ của ta, nhất là đối với các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, báo chí, xây dựng pháp luật, dân chủ nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, các địa bàn vùng sâu vùng xa, các đối tượng nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

## NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Cấn Việt Anh (2009), "Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài", *Quản lý nhà nước*, (8), tr. 28-31, 45.
2. Cấn Việt Anh (2011), "Phát huy vai trò của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong công tác xóa đói giảm nghèo", *Quản lý nhà nước*, (191), tr. 21-25.
3. Cấn Việt Anh (2012), "Đánh giá tác động của đổi ngoại kinh tế tới hội nhập, tăng trưởng và phát triển kinh tế Thủ đô", Kỷ yếu khoa học: *Định hướng và các giải pháp chủ yếu phát triển bền vững đổi ngoại kinh tế của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, Mã số: 01X-10/05-2011-2, Đã nghiệm thu.
4. Cấn Việt Anh (2012), "Giải pháp tăng cường đổi ngoại kinh tế tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển kinh tế Thủ đô", Kỷ yếu khoa học: *Định hướng và các giải pháp chủ yếu phát triển bền vững đổi ngoại kinh tế của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, Mã số: 01X-10/05-2011-2, Đã nghiệm thu.
5. Cấn Việt Anh (2012), "Giải pháp kết hợp giữa đổi ngoại kinh tế với hoạt động đổi ngoại chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng; với các hoạt động đổi ngoại của Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể nhân dân trên địa bàn", Kỷ yếu khoa học: *Định hướng và các giải pháp chủ yếu phát triển bền vững đổi ngoại kinh tế của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, Mã số: 01X-10/05-2011-2, Đã nghiệm thu.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Quang A; Trần Đức Nguyên (2009), "Các tổ chức nghiên cứu chính sách ở Trung Quốc", *Công nghiệp*, (9), Kỳ 1, tr. 36-37.
2. Duy Anh (2010), "Tổ chức phi chính phủ cần được nhìn nhận bình đẳng với cơ quan nhà nước", *Khoa học và Tổ quốc số*, (11), tr. 32-34.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 24/01/2003 của về công tác phi chính phủ nước ngoài*,
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011), *Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 6/7/2011 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân*,
5. Ban Điều phối viện trợ nhân dân, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (1999), *Xây dựng và quản lý dự án phát triển*,
6. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (1999), *Tài liệu tập huấn về tổ chức, quản lý hội và tổ chức phi chính phủ Việt Nam*,
7. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (2001), *Tài liệu phục vụ tọa đàm về đối tượng và phạm vi điều chỉnh luật hội*, .
8. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, *Một số văn bản của Đảng và Nhà nước về tổ chức, quản lý hội và tổ chức phi chính phủ Việt Nam*,
9. Lê Văn Bằng (11/2003), "Tình hình hợp tác giữa Việt Nam và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong 10 năm qua (1993-2003)", Báo cáo tại Hội nghị Quốc tế: *Về hợp tác giữa Việt Nam với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài*,
10. Nguyễn Thanh Bình (1999), "Các tổ chức phi chính phủ Nhật Bản", *Nghiên cứu Nhật Bản*, (5), tr. 31-35.
11. Nguyễn Thanh Bình (2004), "Vai trò của hội, tổ chức phi chính phủ trong đổi mới và phát triển đất nước", *Lý luận chính trị*, (4), tr. 33-37.
12. Lê Thị Bình (2011), "Vài nét về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh", *Khoa học Chính trị*, (2), tr. 70-73.
13. Bộ Ngoại giao - Bộ Nội vụ (2005), *Thông tư liên tịch số 22/2005/TTLT-BNG-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc*

- Trung ương quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại ở địa phương, .*
14. *Các vấn đề toàn cầu, các tổ chức quốc tế và Việt Nam (1997), Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.*
  15. Phạm Văn Chiên (2007), "Đầu tư của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với phụ nữ tỉnh Hà Nam", *Thông tin đối ngoại*, (8), tr. 31-34.
  16. Chính phủ (1996), *Quyết định số 340/TTg ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam,*
  17. Chính phủ (1998), *Nghị định số 85/1998/NĐ-CP ngày 20/10/1998 về việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam,*
  18. Chính phủ (1999), *Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ngày 19/4/1999 về các hoạt động tôn giáo,*
  19. Chính phủ (1999), *Nghị định số 46/1999/NĐ-CP ngày 01/7/1999 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 85/1998/NĐ-CP ngày 20/10/1998 về việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, .*
  20. Chính phủ (2000), *Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng,*
  21. Chính phủ (2001), *Quyết định số 59/2001/QĐ-TTg ngày 24/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài,*
  22. Chính phủ (2001), *Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài, .*
  23. Chính phủ (2006), *Chương trình Quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2006-2010 (Ban hành kèm theo Quyết định số 286/2006/QĐ-TTG ngày 27/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ), .*
  24. Chính phủ (2006), *Quyết định số 290/2006/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Định hướng thu hút và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức thời kỳ 2006 2010",*
  25. Chính phủ (2009), *Nghị định 93/2009/NĐ-CP ngày 23/10/2009 của*

- Chính phủ ban hành quy chế và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài,*
26. Chính phủ (2012), *Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam,*
  27. Phạm Chí Dũng (2007), "Cần triển khai sớm cơ chế giám sát độc lập dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài", *Phát triển kinh tế (Thành phố Hồ Chí Minh)*, (203), tr. 42-43.
  28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, i.
  29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, i.
  30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 24/01/2003 của Ban Bí thư về công tác phi chính phủ nước ngoài*, i.
  31. Đinh Quý Độ (2010), "Các tổ chức phi chính phủ quốc tế: Khái niệm, phân loại và lịch sử phát triển", *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, (12), tr. 3-16.
  32. Vũ Thị Thu Giang (2008), "Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ Mỹ ở Việt Nam từ năm 1995 đến nay", *Nghiên cứu lịch sử*, (7), tr. 49-60.
  33. Nguyễn Kim Hà (2001), *Những bài học rút ra từ một thập kỷ kinh nghiệm*, Trung tâm dữ liệu phi chính phủ.
  34. Nguyễn Văn Hà (2008) "Những yếu tố tác động đến phát triển xã hội dân sự ở Malaixia từ 1981 đến nay", *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (10), tr. 29-37.
  35. Chử Thu Hà (2009), "Tổ chức phi chính phủ nước ngoài với hoạt động vì giảm nghèo ở Việt Nam (1996-2008)", *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (8), tr. 58-64.
  36. Nguyễn Thị Hạnh (2003), "Ảnh hưởng của một số tổ chức ngoài chính phủ đối với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ", *Châu Mỹ ngày nay*, (2), tr. 40-45.
  37. Vũ Hạnh (2006), "Internet - Hành lang mới cho những người lao động và những thời cơ mới cho tổ chức hiệp hội thương mại Phần Lan", *Thông tin khoa học xã hội*, (10), tr. 41-45.

38. Học viện Hành chính quốc gia (1994), *Giáo trình về quản lý hành chính - văn phòng*, tập 1, .
39. Học viện Hành chính quốc gia (2001), *Giáo trình Quản lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội,i.
40. Học viện Hành chính quốc gia (2002), *Thuật ngữ hành chính*, Hà Nội.
41. Đỗ Hải Hồ (2008), "Nâng cao hiệu quả vốn viện trợ phi chính phủ trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình", *Thương mại*, (13), tr. 14-16.
42. Vũ Xuân Hồng (1996), "InterAction - Tổ chức phi chính phủ lớn nhất hiện nay ở Mỹ", *Châu Mỹ ngày nay*, (2), tr. 68.
43. Vũ Xuân Hồng (2005), "Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam năm 2004", *Hữu nghị*, (18).
44. Lê Ngọc Hồng (2009), "Một số mô hình tiếp cận trong nghiên cứu xã hội dân sự", *Quản lý kinh tế*, (24), tr. 32-38.
45. Trần Ban Hồng (2010), "Vai trò của cán bộ công tác xã hội trong tổ chức phi chính phủ", *Lao động và xã hội*, (384), tr. 40-42.
46. Lê Thanh Hương (2007), "Vài nét về xã hội dân sự", *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (12), tr. 63-66.
47. Phan Cảnh Huy (2009), "Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế", *Bản tin Khoa học và Công nghệ (Thừa Thiên Huế)*, (7), tr. 2-5, 18.
48. Nguyễn Ngọc Lâm (2005), "Một số vấn đề về quản lý hội và tổ chức phi chính phủ", *Tổ chức nhà nước*, (3), tr. 25-26, 28.
49. Nguyễn Ngọc Lan (2008), "Các vấn đề thúc đẩy quá trình phát triển xã hội dân sự ở Thái Lan", *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (12), tr. 55-61.
50. Hoàng My Lan, Carlo Fardda (2006), "Ý kiến của một số tổ chức phi chính phủ đối với chính sách tài nguyên di truyền ở Việt Nam", *Kỷ yếu hội thảo: Đề xuất chính sách tài nguyên di truyền I*, - Viện Tài nguyên Di truyền Thực vật quốc tế số 0, tr. 142-155.
51. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (2001), *Tài liệu công tác hoà bình, đoàn kết và vận động viện trợ phi chính phủ*,
52. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (2003), *Sổ tay Hướng dẫn các*

- tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia,.
53. Nguyễn Thu Linh (2004), "Phát triển bền vững và sự tham gia của xã hội dân sự", Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phát triển bền vững dựa trên tri thức*, số 11, tr. 58-61.
  54. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, .
  55. Phạm Bình Minh (2010), "Sự hợp tác của Việt Nam với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong quá trình hội nhập quốc tế", *Thông tin đối ngoại*, (2), tr. 51-54, 58.
  56. Phạm Thị Hồng Nhung (2007), "Xu hướng giải quyết mâu thuẫn trong môi trường giao tiếp đa văn hóa tại các văn phòng dự án phi chính phủ", *Tâm lý học*, (2), tr. 56-63.
  57. Đôn Tuấn Phong (2008), "Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam", *Lý luận chính trị*, (5), tr. 54-58.
  58. Thang Văn Phúc (2002), *Vai trò của các hội trong đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia,
  59. Đặng Thị Việt Phương (2004), "Các trung tâm nghiên cứu và triển khai phi chính phủ trong nước: Một cách đáp ứng nhu cầu", *Xã hội học*, (4), tr. 75-83.
  60. Nguyễn Minh Phương (2005), "Vai trò của các hội, tổ chức phi chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta", *Tổ chức nhà nước*, (9), tr. 16-18.
  61. Nguyễn Minh Phương (2009), "Luật về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở Liên bang Nga và một số gợi mở cho Việt Nam", *Nhà nước và pháp luật*, (11), tr. 25-30.
  62. Nguyễn Thị Phương (2006), "Các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động hoạch định chính sách của chính phủ", *Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học lần thứ 17*, Trường Đại học Mở - Địa chất, số 6, tr. 192-196.
  63. Vũ Hào Quang (2004), *Xã hội học quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội,
  64. Phạm Thái Quốc (2010), "Các tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Trung Quốc", *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, (3), tr. 15-22.

65. Phan Xuân Sơn (2002), *Các đoàn thể nhân dân với việc đảm bảo dân chủ ở cơ sở hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, .
66. Phan Xuân Sơn (2002), "Xã hội công dân và một số vấn đề về xã hội công dân ở nước ta", *Xây dựng Đảng*, (54).
67. Bùi Thanh Sơn (2007), "Ngoại giao Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế", *Nghiên cứu quốc tế*, (3), tr. 25-33.
68. Tôn Thanh Tâm (2004), "Đã đến lúc cần phải xây dựng và ban hành Luật hoặc Pháp lệnh về vay nợ viện trợ nước ngoài", *Ngân hàng*, (3), tr. 6-9.
69. Trần Hữu Tăng (2006), "Trao đổi về hoạt động của Hội Thông tin - Tư liệu khoa học - công nghệ Việt Nam", *Thông tin & Phát triển*, (2), tr. 10-11.
70. Thành ủy Hà Nội (2006), *Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 23/8/2006 về "Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân ở thành phố Hà Nội"*,.
71. Thành ủy Hà Nội (2011), *Thông tri số 04-TT/Tu ngày 03/11/2011 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân ở Thành phố Hà Nội trong tình hình mới*, .
72. Tổng cục 5 - Bộ Công an (2009), *Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài sau khi Việt Nam ra nhập WTO*, (Lưu hành nội bộ),
73. Đinh Công Tuấn (2008), "Các vai trò, chức năng, đặc điểm của xã hội dân sự", *Nghiên cứu châu Âu*, (9), tr. 50-57.
74. Đinh Công Tuấn (2008), "Quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của xã hội dân sự cấp toàn cầu và khu vực Liên minh châu Âu", *Nghiên cứu châu Âu*, (10), tr. 44-55.
75. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (1996), *Hướng dẫn số 05/UB-PA ngày 07/08/1996 thực hiện Quy chế (dành cho các cơ quan và địa phương Việt Nam)*, .
76. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (2001), *Báo cáo Tổng kết 10 năm công tác viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (1991-2001)*,
77. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (2009), *Báo cáo số 143/UB-CV, ngày 24/7/2009 về công tác phi chính phủ nước ngoài năm 2008*,
78. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (2010), *Dự*

- thảo báo cáo về công tác phi chính phủ nước ngoài năm 2009,*
79. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (2013), *Báo cáo tình hình hợp tác đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2003-2013,* .
  80. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (2014), *Quy chế quản lý hoạt động của các TCPCPNN ngày 8/2/2014 của UBND thành phố Hà Nội,*
  81. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Ngoại vụ, *Công tác đối ngoại của Đảng bộ Thành phố trong thời kỳ đổi mới và định hướng tới năm 2010,* .
  82. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, *Quyết định số 208/QĐ-UBND Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ Hà Nội,*
  83. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2011), *Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 9/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc quản lý và sử dụng nguồn viện trợ của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội,*
  84. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2014), *Quyết định số 06/2014/ QĐ-UBND ngày 6/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế quản lý hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn thành phố Hà Nội,*
  85. Nguyễn Đức Uyên (1996), "Các tổ chức phi chính phủ tiêu biểu của Hà Lan tài trợ tại Việt Nam", *Nghiên cứu Châu Âu*, (2), tr. 65-68.
  86. Nguyễn Đức Uyên (1996), "Các tổ chức phi chính phủ của Anh tài trợ cho Việt Nam giai đoạn 1995-1996", *Nghiên cứu Châu Âu*, (5), tr. 42-44.
  87. Nguyễn Đức Uyên - Nguyễn Xuân Hồng (1996), "Hoạt động tài trợ của tổ chức phi chính phủ Bắc Mỹ tại Việt Nam", *Châu Mỹ ngày nay*, (1), tr. 46-49.
  88. Lưu Minh Văn (2011), "Bàn về thể chế quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ của một số nước trên thế giới", *Quản lý nhà nước*, (183), tr. 70-74.
  89. Ngô Thị Thanh Vân (2005), "Nghiên cứu về giá nước của một số quốc gia trên thế giới", *Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, (2), tr. 59-61.
  90. Lại Thanh Xuân (2007), "Một số vấn đề trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành đối với các hội và tổ chức phi chính phủ", Tham luận tại Hội thảo: *Giới thiệu kinh nghiệm của Na Uy về quản lý các hội quần chúng*, Ban tổ chức Cán bộ - Chính phủ,

## TIẾNG ANH

91. Brian Doolan, Parlllership ill Fielllom, Personal experiences, views and perspeclives, Friendship Magazine No6, Novemher 2003.
92. David Payne, The VUFO - NGOs, Friendship Magazine, No6 Novemher 2003.
93. Dictionarry.LaborLawTalk.com Definilion of Non-governmenta organization, 2001,
94. Hwan Ho-Lee, The Role of NGOs in the Century UN NGO, GCS International, 1999.
95. John McAuliff, International NGOs have contributed to improving the relation between Vietnam and the international community, Friendship Magazine. No6. Novemher 2003
96. Karla W. Simmon, Developing new legislation to govern Vietnamese NGOs, UNDP Vietnam Country Office, <http://undp.org.vn> 2002.
97. Natalie Steinbergh, background paper on GONGOs and QUANGOs and Wind NGOs, The World Federalist Movement, 2001, [http://www.wfm.org/WFM\\_NEWS/wfmpubs.html](http://www.wfm.org/WFM_NEWS/wfmpubs.html).
98. The Global Development Center: [www.gdre.org/ngo/wb-define](http://www.gdre.org/ngo/wb-define).
99. UNESCO Encyclopedia Article 1.44.3.7 Non - Governmental Organizations 2003.
100. Workshop:"NGO Workshop", The Asean Institute of Technology, Bangkok, Oct 1988.